

Tác Giả và Tác Phẩm

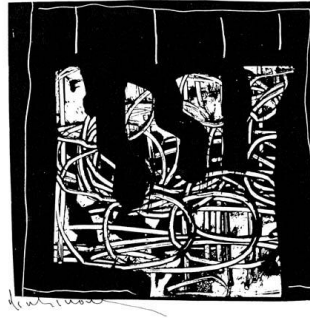
Lê Tất Điều

Tiểu sử

Bút hiệu: Kiều Phong (văn), Cao Tần (thơ).
Sinh ngày 02.8.1942 tại Hà Đông. Hiện định cư tại Hoa Kỳ.

Tác phẩm

Khởi hành (1961), Kể tình nguyện (1963), Quay trong gió lốc (1965), Phá núi (1968)
Người Đá (1968), Những giọt mực (1970), Anh em (1970), Thơ Cao Tần (1977)



Cao Tần – tranh Đinh Cường

Mục Lục

Cỏ hoang – 2

Những giọt mực – 10

Phụ đính văn Lê Tất Điều:

Trung thu của bác đèn xếp
Tâm sự bác đình già - Tình bạn của đôi quốc
Cơn giận của bác đồng hồ - Điều giấy mắc nạn
Lão dao sắc - Cái ngọn mía ngọt

Phụ đính thơ Lê Tất Điều:

Cao Tần, thơ người di tản buồn – Nguyễn Mạnh Trinh – 33
Cao Tần nhà thơ của thời cuộc thành danh – Hồ Nam – 37
Giới thiệu thơ Cao Tần – Võ Phiến – 39
Cao Tần – Vĩnh Hào – 43
Nhà văn Lê Tất Điều & Thơ Cao Tần – Mạc Lâm RFA - 47
Truyện Lê Tất Điều - Võ Phiến - 50
Tính uy mua và nghệ thuật trong thơ Cao Tần – Đặng Tiến - 52
Về Cao Tần và dòng văn chương “hoài cảm, nhớ nhà”...- Bùi Vĩnh Phúc - 59

Chùm thơ Cao Tần:

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Cỏ hoang

Như một con sâu nhỏ bé có thể tự bảo vệ bằng bề ngoài kinh khiếp của nó, như một cô gái, thiếu sắc đẹp, hấp dẫn kẻ khác phái bằng một thứ duyên thầm, bằng chính sự không may của mình, ngôi trường của tôi càng ngày càng trở nên dễ thương đối với những người đã từng chán ghét nó trong buổi gặp gỡ đầu tiên. Tất cả những điều đáng ghét, đáng sợ của ngôi trường này dần dần trở thành những sự khôi hài. Rồi sau này, khi những sự kỳ quái của ngôi trường đã hoàn toàn biến mất thì chúng tôi vẫn muốn nhắc nhở lại chuyện cũ như nói đến những kỷ niệm êm đềm, khó quên.

Hồi mới được xây lên, trường chỉ có hai lớp nhỏ bé, thấp và sơ sài như những căn nhà nghèo. Mái tôn thấp và nung nóng đến nỗi tôi có cảm tưởng thà vứt bỏ mái đi ngồi ngay dưới ánh nắng mặt trời còn thoải mái, dễ chịu hơn. Trong những ngày nắng to, nhìn lũ trẻ vừa vuốt mồ hôi vừa cặm cụi làm toán, thỉnh thoảng lại ngừng bút cầm vở quạt phành phạch, tôi nghĩ rằng nếu nhà trường không cho chúng được một số vốn kiến thức thì ít nhất cũng đã dạy chúng một bài học kiên nhẫn và chịu đựng. Ngày mưa thì còn tệ hơn, nước dội ào ào xuống mái tôn, tôi có gân cổ gào to đến mấy chúng cũng chẳng nghe thấy gì, tốt hơn hết là cho chúng ngồi xúm vào một chỗ không bị dột, để chờ mưa ngớt. Và như thế tôi lại còn có thì giờ để lo bảo vệ sổ sách khỏi bị ướt sũng.

Ngày đầu được gửi đến làm việc ở đây tôi đã đi hàng giờ để kiếm cái bảng tên trường mà mãi ba năm sau mới có. Rồi tôi mất nửa giờ nữa để đứng lặng nhìn ngôi trường, tôi tàn quá sức tưởng tượng, cứ phân vân chẳng hiểu kẻ chỉ đường có chủ tâm chơi xỏ hay đánh lừa mình không.

Một cái hàng rào để định ranh giới của ngôi trường cũng không có. Trường nằm chung trên một phần đất rộng với trạm y tế độc nhất của vùng ngoại ô, và một cái chợ nhỏ. Sân trường đầy cỏ hoang và những cây gai um tùm, đó là nơi tụ họp của các loài ngan, ngỗng, vịt, gà, chó, heo. Người lao công trông coi ở đây già yếu đến nỗi không ai nỡ nặng lời với ông ta. Ông ta chỉ cầm nổi cái chổi khi đã tỉnh rượu, và thường thường ông ta chỉ tỉnh rượu khi đã lên giường ngủ được một vài giờ, thời gian độc nhất có thể khiến ông ta tạm xa chai rượu.

Những ngày làm việc sau đó tôi phải đối phó với đủ thứ chuyện bất ngờ. Có nhiều lúc tôi ngần ra không biết phải phản ứng như thế nào cho hợp. Trong tất cả những sách vở viết về khoa sư phạm mà tôi đã được đọc, tôi chưa thấy một tác giả nào nêu ra trường hợp một ông thầy đang hăng hái giảng bài phải giật mình vì thấy một con heo đùng đùng chạy vào lớp mình. Con heo to lớn, dẫn theo một bầy con lít nhít, kêu eng éc, chẳng coi ai ra gì. Lớp tôi có hai cửa nên đã trở thành con đường giao thông ngắn nhất từ sân trường về chuồng của lũ heo, ở trong một căn nhà hàng xóm của nhà trường. Thấy tôi vô tình đứng cản đường đi của mẹ con nó, con heo đứng lại kêu to phản đối, mấy con heo con nhân dịp đó, bỏ hàng ngũ chạy đại vào những khoảng trống giữa hai dãy ghế học trò ngồi.

Ấy thế là cái trật tự của lớp mà tôi đã mất bao công lao mới tạo được đột nhiên bị phá vỡ. Lũ trẻ nhao nhao nhảy ra khỏi chỗ để chống lại sự xâm lăng của bầy heo, dĩ nhiên, tôi cũng phải ngừng giảng bài để hợp tác với lũ học trò. Lớp học tràn đầy một không khí kỳ quái với tiếng trẻ la hét, dậm dạp, xen lẫn tiếng heo kêu. Mấy con chó cũng thi nhau chạy vùn vụt qua lớp luôn luôn. Về sau tôi không dám mở to cửa lớp ra nữa và lúc nào cũng phải để ý canh chừng để xua đuổi kịp thời những sự bất ngờ này.

Cái chợ ở ven trường thì lúc nào cũng ồn ào và có nhiều vụ cãi nhau hơn cả các chợ khác. Khi

có vài bà bán tôm bán cá đùng đùng nổi giận mà chia làm hai phe đấu khẩu, chửi rủa nhau thì khó mà ngăn những câu nói của họ khỏi bay vào lớp học, dù tôi có đóng hết các cửa lại. Tôi bắt lũ học trò ngồi thật nghiêm trang, và cố gắng giảng cho chúng nghe những điều thật đặc biệt, nhưng vô ích, một vài câu chửi gọi lên những hình ảnh quá tục tĩu vẫn làm cho vài đứa bật ra khúc khích cười.

Phải mất hàng hai ba tháng trời tôi mới triệt được cái bệnh văng tục, bệnh ở bản của lũ học trò. Nhưng đó chỉ là những điều vụn vặt, khiến tôi bực mình, không gây nên sự chán nản.

Cái việc gây nhiều khó khăn, cản trở cho công việc của tôi, chính là đời sống của người dân ở đây. Ngoài một số rất hiếm người khá giả, thì người dân ở đây đều nghèo khổ. Họ không có một cơ sở hay việc làm vững chắc như người thành phố hay có một việc làm hiền lành như người miền quê. Họ như từ bốn phương tụ lại, đại diện cho khắp nơi và sống bằng đủ các thứ nghề, lương thiện có mà không lương thiện cũng có. Như những cây cối mọc chen chúc trong một khu vườn hoang họ vươn lên, tìm sống bằng các phương tiện hợp với khả năng họ, trong tầm tay họ. Và họ đã tạo nên được cái vẻ muôn mặt, hỗn độn, bí mật của một vùng ngoại ô căn cõi.

Vì thế, tôi không thể giảng một bài đức dục nào mà lại hoàn toàn không động chạm đến nghề nghiệp, tật xấu, hay quá khứ của một ông chủ gia đình. Khi tôi nêu ra một điều tệ hại cần tránh và thấy lũ học trò quay cả về phía một đứa đang cúi đầu ngượng nghịu thì tôi biết ngay rằng ba thằng bé này làm nghề gì. Có lần, sau một hồi hăng hái giảng về sự tai hại của tính mê tín dị đoan và sự láo khoét của mấy ông thầy pháp, tôi phải ngăn người vì một thằng học trò bỗng đứng bật dậy, chỉ vào một đứa khác tố cáo:

- Thưa thầy, tía anh này cũng là thầy pháp, tối nào tía anh ấy cũng đi cúng.

Đứa học trò có người cha bị tố cáo ngượng ngùng lấm lét nhìn tôi, miệng cười gượng, tay cấu má vào một góc vở, đôi mắt nó nhìn tôi để lộ những tia sợ hãi, tuyệt vọng, khổ sở. Thì ra ba nó chính là cái ông thầy pháp đã từng làm tôi mất ngủ, khó chịu. Đêm đêm, khi cúng bái cho một nhà nào ông ta thường mặc bộ quần áo màu sặc sỡ, khua chiêng đánh mõ om sòm và thỉnh thoảng lại thổi một tiếng kèn ngân ngui, quái đản, nghe thật ghê sợ.

Tôi vội vàng mắng át đứa kia và quả thực, sau đó, phải chặt vặt lắm tôi mới có thể làm cho lũ học trò, vừa biết rõ sự bịp bợm của mấy ông thầy pháp, lại vừa tin rằng ba của đứa học trò kia, dù thế nào cũng vẫn phải được kính yêu. Chúng chưa đủ trí khôn để tìm thấy sự mâu thuẫn trong cách giải thích của tôi. Nhưng thế nào mà chả có đứa phân vân. Thành ra tôi đã mở mắt cho chúng để chúng nhìn thấy những sai lầm trên các người sinh thành ra chúng.

Lũ trẻ thường bị rơi vào giữa gọng kìm của một cuộc đời thực tế và một cuộc đời tốt đẹp trong sách vở. Chúng trở nên hiền lành, sợ hãi một cách thật đáng thương.

Nhưng càng mến yêu lũ học trò thì tôi càng tỏ ra nghiêm khắc với chúng. Tôi đã làm ngược lại những điều mà lớp người trước căn dặn tôi: phải tạo một không khí thân mật giữa thầy và trò, phải cho học trò thấy rõ là mình rất thương mến chúng. Nếu tôi cố gắng tạo cho lớp học một không khí quá vui tươi, cởi mở thì sẽ có nhiều đứa học trò của tôi nhìn thấy gia đình chúng là một nơi thật đáng ghét, đáng sợ, đôi khi mang dấu vết xấu xa, tối tăm của địa ngục. Có đứa coi những giờ đến trường là những giờ được nghỉ ngơi sung sướng nhất, bởi vì khi trở về nhà nó phải làm việc quần quật suốt ngày. Khi được giao công việc nhẹ nhàng nhất là việc bế em thì lập tức chúng lại tìm đến sân trường, chơi đùa với lũ học trò ở đây, sung sướng như đang sống trong một thiên đường nhỏ.

Tôi cố giả vờ tạo một bộ mặt nghiêm khắc đến thế nào thì cũng không thể làm cho chúng sợ hãi bằng nét mặt cau có của một người cha say rượu khi ông ta cầm trong tay một thanh củi lớn và hung hăng đập lên người chúng như đập lên một kẻ tử thù. Phải thấy cha mẹ mình làm lỗi và bị hàng xóm khinh ghét một đứa học trò cảm thấy đau đớn, tủi hổ gấp trăm, ngàn lần những khi nó bị phạt ở nhà trường. Có những đứa trẻ quen chịu đựng sự cực khổ đến nỗi lúc nào nó cũng giữ được vẻ thản nhiên, ấy thế mà khi bị ốm nằm nhà, thấy thầy và bạn đến thăm nó lại đầm sũng sờ ròi bật khóc nức nở. Tình thương, sự săn sóc đến bất ngờ quá khiến nó ngẩn ngơ, kinh ngạc.

Đối với những đứa trẻ không được đi học tới năm năm trời thì sự sung sướng của thế giới học trò thường làm chúng khổ sở khi phải rời khỏi học đường. Trường hợp của trò Dũng đã khiến tôi thấy rõ điều này. Đã có nhiều đứa đang học thành linh phải bỏ ngang để đi học nghề. Nhưng chỉ có cái buồn rầu của trò Dũng trong lần cuối cùng nó rời khỏi lớp học là được ghi đậm trong ký ức tôi.

Cho đến bây giờ, ngôi trường đã được kiến thiết đẹp đẽ, sân trường không còn một sợi cỏ, thế mà mỗi lần nhìn thấy những luồng gió lốc tung cát, chạy quanh trong sân trường, tôi tưởng như vẫn thấy bóng trò Dũng ngập ngừng bước bên đám cỏ hoang, đôi bàn chân đen đui của nó còn ghi vết trên con đường nhỏ.

Trong buổi học của ngày đầu niên học tôi đã chú ý ngay đến nó. Ngồi ở dãy bàn cuối lớp, Dũng cao hơn các bạn nó hẳn một đầu. Nét mặt nó lúc nào cũng tươi tỉnh, làn da đen xám khiến nó càng có vẻ láu lỉnh, khôn ngoan. Nó quay sang bên phải nhe răng cười rồi lại quay sang bên trái nháy mắt như có điều gì thú vị lắm. Đầu tiên tôi tưởng nó thuộc loại những đứa trẻ lớn đầu và ngộ nghĩnh. Nhưng khi tôi gọi đến nó thì nó lại tỏ ra là một đứa trẻ hết sức lễ phép và ngoan ngoãn. Tôi chưa thấy đứa trẻ nào tha thiết, sốt sắng với công việc của lớp học như trò Dũng. Tính sốt sắng ấy nhiều khi trở nên quá đáng. Tôi vừa hỏi có trò nào viết trên bảng được không thì lập tức Dũng nhồm ngay dậy. Ngoài cánh tay giơ cao nhất lớp nó còn át các bạn của nó bằng cách nói lia lịa:

- Con viết được, con viết được, thầy cho con viết.

Và tôi vừa gật đầu là nó đã hấp tấp chạy lên bảng để rồi viết ra những hàng chữ ngả nghiêng, leo dốc xuống đèo làm cho cả lớp kêu ầm ĩ vì không đọc nổi. Trong những ngày sau đó Dũng trở thành nguồn vui của lớp học. Trước câu hỏi của tôi, dù khó khăn đến đâu nó cũng giơ tay xin trả lời, và trả lời mười lần sai hết chín. Dũng viết những chữ rất xấu, nhưng nó có tài giữ gìn sách vở. Nó thường chỉ nổi giận khi có một đứa bạn làm dây mực vào sách vở của nó. Thịnh thoảng nó lại đem tặng lớp học một món quà nhỏ. Và lớp học dần dần có vẻ tươi mát với những cây leo trồng trong một cái bóng đèn điện chứa đầy nước, hay trong một con ốc nhiều màu.

Thịnh thoảng Dũng lại đem đến lớp một cái búa và mấy cái đinh để sửa lại những bàn ghế quá ọp ẹp, mà bọn học trò nhỏ của tôi thường vin vào đó để lấy cớ cãi nhau.

Dần dần bọn học trò tôi cũng khám phá ra cái tính sốt sắng của Dũng và bắt đầu lợi dụng nó. Chúng giao cho thằng Dũng đủ các việc lật vật, nhất là những việc có liên can đến mục vệ sinh của lớp. Dũng nhận làm hết. Đứa nào có đồ chơi hay một vật dụng gì hư hỏng đều có thể nhờ đến bàn tay sửa sang của thằng Dũng. Có lần nó sửa được cả bộ máy của một chiếc xe hơi nhỏ chạy dây cót, khá rắc rối mà nó mới được mở xem lần đầu. Chủ nhân của chiếc xe khoái quá thường công Dũng bằng cách cho nó mượn về chơi hẳn một ngày.

Nhờ cái tài khéo tay này mà Dũng vẫn đứng đầu về môn thủ công. Trong kỳ chấm bài lũ trẻ thường hồi hộp chờ xem tác phẩm của nó. Để cho những món nó làm ra thêm phần giá trị, Dũng thường có một lối giấu giếm và pha trò rất khôn khéo. Một lần nó nặn được một quả chuối, tô màu giống hệt như quả chuối thật, nó gói kỹ trong một tờ giấy, và mặc cho mấy đứa trẻ khác chạy theo gạ gẫm, năn nỉ, nó không cho đứa nào xem cả. Gần tới giờ thủ công Dũng mới giở quả chuối ra giơ lên rồi, miệng há tròn, nó giả vờ như sắp đớp quả chuối làm cho những đứa khác cùng ồ lên, phục lẫn.

Vì học hành thất thường nên Dũng chỉ đứng hạng trung bình trong lớp, nhưng nó khá thông minh và chăm nên không mấy khi tôi phải trách nó về tội lười. Về tha thiết với việc học của nó hiện rõ nhất khi nó làm một bài làm chậm hơn các bạn, nó cuống quýt lên và dù hay dù dở nó cũng cố gắng xin tôi cho điểm. Nếu chỉ vì chậm chân mà nó không được phê điểm thì nó tỏ ra khổ sở, bực bội lắm. Vào những ngày trả bài luận, Dũng có vẻ hồi hộp, lo lắng của một con bạc trước khi biết kết quả tiếng bạc của mình.

Cầm cuốn vở luận trong tay, Dũng ngửa mặt lên, đôi mắt nhắm nghiền, miệng lẩm bẩm như khấn khứa, rồi thỉnh thoảng nó mở bung quyển vở ra để xem điểm. Nếu thấy được điểm khá nụ cười liền cũng bật tung ra, tràn lan trên khuôn mặt đen xạm của nó, làm cho đôi mắt long lanh sáng. Nhấp nhồm trên chỗ ngồi, hai tay nó hích phải hích trái, nó có vẻ muốn cười phá lên, vỗ tay mà rồi không dám. Nó cười với đứa bên phải, khẽ "hì hì" vào tận tai đứa bên trái, và kéo cả cổ áo của đứa ngồi trước mặt để cho thằng kia rõ sự thành công của nó. Có lần tôi phải mắng nó về cái tội đã dám đóng khung, tô màu và vẽ hoa lá xung quanh con số mười điểm mà nó kiếm được nhờ một bài chính tả không có lỗi.

Điều đáng tiếc nhất là Dũng làm luận rất dở, bao giờ nó cũng ba hoa đến độ thành lạc đề và chẳng mấy khi được điểm cao. Trong suốt năm học nó chỉ có mỗi một bài thật khá mà lại không được điểm, đó là bài tả một đám cãi nhau. Nó viết kín ba trang giấy, nhắc lại rất trung thành lời nói của hai địch thủ tặng cho nhau. Tuy nó cũng biết loại bỏ những câu quá đáng, nhưng bài ấy vẫn bị tôi kiểm duyệt, giống như những bài văn tả chân thường gặp bước không may.

Quả thực, chưa bao giờ tôi thấy trò Dũng nói chuyện trong lúc tôi giảng bài. Mỗi lần tôi lên tiếng là nó khoanh tay, chăm chú ngược nhìn, chờ đợi. Những lần có một con heo hay con chó nhào vào phá đám giữa lúc tôi đang nói thì Dũng thường nổi giận, nó kêu với vẻ vừa thất vọng vừa tức tối:

- Trời đất ơi!...

Và nó tự động nhảy ra khỏi chỗ, vừa hò hét vừa đuổi theo con vật cho đến cuối sân trường.

Vì là đứa lớn tuổi nhất lớp nên nó cũng thường tỏ ra khôn ngoan, dễ biết ý tôi hơn các trẻ khác. Khi ở các nhà bên cạnh trường có những vụ cãi vả, những vụ đánh nhau, trong lúc những đứa khác đứng dậy, nhìn qua cửa sổ thì thằng Dũng cau có xin phép tôi cho đóng các cửa sổ lại. Nó đã biết những lời thô tục làm vẫn đục cả không khí của học đường. Nó mền thầy, mền bạn, mền lớp học và lúc nào cũng chỉ muốn bảo vệ, che chở cho cái lớp học của nó.

Nhưng học đều đặn được chừng ba tháng thì thằng Dũng bắt đầu đến lớp thất thường, bỏ bê việc học hành. Tôi đã quen với những vụ nghỉ học trường kỳ của lũ học trò. Vào những ngày cuối năm, khi một người Tàu già đội chiếc mũ cói rộng vành bắt đầu bón nhiều phân lên một vườn rau cải nhỏ của ông ta ở gần trường, thì lớp học của tôi bắt đầu thừa thớt. Chẳng phải lũ trẻ không chịu đựng nổi mùi phân bón bốc lên nồng nặc, làm chúng phải vừa bịt mũi vừa học, mà chính vì trong thời gian này, chúng phải đem cái sức nhỏ bé ra để giúp đỡ cha mẹ chúng.

Có đứa vừa phải coi nhà vừa giữ em cho cha chúng đem hoa đi bán. Có đứa phải phụ với cha mẹ trong công việc gánh hàng ra chợ.

Có đứa phải gạt hết sách vở để suốt ngày cưa sừng làm lược, hay cặm cùi đánh từng con suốt chỉ cho bà mẹ dệt vải. Buổi tối, trong lúc ngồi hóng gió trước nhà, tôi thường thấy hai đứa học trò ngoan nhất của tôi đi bán bánh trên con đường dài, không có ánh đèn, dẫn vào các xóm nhà nghèo. Chúng là con một người đàn bà gốc Trung Hoa sống bằng nghề bán hoa quả lật vật. Đồ đặc của hai đứa trẻ này là một cái thúng có đựng những miếng bánh bò màu trắng, hoặc vàng úa đã cắt sẵn, để thành từng lớp có thứ tự. Mỗi đứa khiêng một đầu đòn gánh, lồng qua quang gánh mang cái thúng. Thằng em đi trước cầm chiếc đèn bão soi đường thỉnh thoảng lại cất tiếng rao. Thằng anh đi sau giữ tiền. Hai đứa giống nhau từ mái tóc, nét mặt đến bộ quần áo. Khi có người gọi lại, chúng vội vàng đặt gánh xuống. Thằng em nhấc ngay cái lồng bàn che bánh lên, thằng anh ngồi thụp xuống, dùng một cái xiên sắt lấy bánh ra, gói vào giấy, trao hàng và nhận tiền. Chúng đã chia nhau từng củ chỉ lật vật ấy. Ánh đèn bão mập mờ soi hai nét mặt trẻ lúc nào cũng bình thản, không còn dấu vết tinh quái, nghịch ngợm của những đứa trẻ bình thường.

Có khi lên giường nằm rồi tôi còn nghe tiếng rao của chúng vang lên đột ngột, cô đơn như một tiếng động vừa rơi lơ lửng vào giữa bầu trời mênh mông của miền ngoại ô. Ánh đèn của chúng hắt qua khe cửa nhà tôi tạo thành những vệt sáng dài, vừa run rẩy vừa di chuyển chậm chạp trên tường. Nếu trong buổi học ngày hôm sau đó chúng có không thuộc bài tôi cũng gắng cho chúng điểm trung bình.

Nhưng bọn trẻ này nghỉ học bận việc có định kỳ, một năm chúng chỉ nghỉ một lần thật lâu rồi lại đi học đều đặn. Trái lại, trò Dũng nghỉ vài ngày rồi lại đi, rồi lại nghỉ vài ngày. Mỗi lần đến trường nó vẫn tỏ ra sung sướng, vui vẻ say mê với việc học. Cuối buổi học, trong giờ hoạt động thanh niên nó vẫn hăng hái cộng tác với các bạn để làm vui cho cả lớp. Hoặc nó ca vài câu, kể một câu chuyện, hoặc nó xấn quần ống cao ống thấp, bôi phấn vào mặt, vẽ râu để làm anh hề trong một kịch vui, làm cho cả lớp cười bò. Từ sau bảng bước ra, nó mới nheo mắt, nhe răng, đi khệnh khạng, chưa kịp nói câu gì, là lũ bạn nhỏ của nó đã không nín cười được. Thành ra, những hôm vắng thằng Dũng tự nhiên lũ trẻ mất vui, cảm thấy nhớ. Có đứa tức quá đứng lên tố cáo:

- Thưa thầy, anh Dũng bỏ học đi chơi đấy ạ.

Vài đứa khác lại nhao lên bên vực:

- Thưa thầy anh ấy ở nhà bế em cho má anh ấy đi chợ.

- Anh ấy phải trông nhà.

Dũng cũng nêu những lý do đó để xin nghỉ học. Tôi đành phải tin nó vì cha mẹ nó chẳng bao giờ chịu đến trường xin phép nghỉ cho con. Một lần gặp thằng Dũng đang loay hoay phụ giúp với một người đàn ông sửa một chiếc xe trong một căn nhà nhỏ, mái tranh, lập chành vênh ven bờ ruộng, trên con đường vào thành phố, tôi mới biết người đàn ông đó chính là cha Dũng. Ông ta làm nghề sửa xe đạp, xe gắn máy chứ không phải "buôn bán" như ông ta đã ghi trong lý lịch của con. Hai cha con đều mặc những bộ quần áo ka-ki đen đặc dầu mỡ, chác trước kia màu vàng. Thấy tôi, thằng Dũng vội vàng rút cả kim, búa đứng dậy khoanh tay chào, nét mặt hân hoan. Cha Dũng cũng gật đầu chào tôi, mấy sợi tóc uốn quăn xõa xuống cái trán cao có một vết sẹo ngang của ông ta làm cho khuôn mặt ông ta vừa có vẻ dày dặn lại vừa có vẻ phong lưu của một công tử giàu tiền. Ông ta trẻ hơn tôi tưởng. Ông nói với tôi:

- Nhà tôi độ này bận quá, thành ra phải xin thầy cho cháu Dũng nghỉ ít bữa.

Tôi chỉ gặp ông ta một lần ấy thôi. Từ đấy về sau mỗi lần đi qua đây tôi chỉ thấy một mình thằng Dũng đang loay hoay làm việc. Thằng bé khéo léo này đã có thể thay thế cha nó trong công việc sửa xe, vá những lỗ thủng trên ruột xe. Hỏi thăm về cha nó thì nó cho tôi biết là ông ta đi vắng.

Càng ngày nó càng đến trường ít hơn, và mỗi lần đến là một lần nó cuống quít đi mượn vở chép bài. Sách vở của nó bắt đầu mất cả sự sạch sẽ, quần áo của nó cũng không còn gọn gàng như trước. Nhưng nó vẫn vui vẻ, sốt sắng, vẫn ca hát và làm hề cho cả lớp cười, vẫn nhảy nhót khi được điểm cao. Ngoài giờ học, nó lại mặc bộ quần áo đầy dầu mỡ, làm bạn với kìm, búa, với những chiếc xe hỏng.

Buổi trưa, thỉnh thoảng có dịp đi qua căn lều nhỏ của gia đình Dũng, tôi thường thấy nó ngồi trên chiếc chiếu nhỏ, dựa lưng vào một chân cột, dáng điệu nửa thức nửa ngủ. Đồ đạc, dụng cụ sửa xe xếp ngổn ngang quanh nó. Nó không nhìn thấy tôi vì ngồi quay lưng về phía con đường nhựa mềm ánh nắng buổi trưa, có lẽ nó đang thả tầm mắt mơ hồ qua cánh đồng không, tới những ống khói cao ngất trong thành phố. Những luồng gió nóng như hơi nước trong một nồi nước sôi thổi phàn phật vào mái lá, hoặc xoay tròn, bốc cát bụi mù trên con đường đất đỏ chạy ngang cánh đồng. Tôi tưởng như thằng bé ngồi bất động, cô đơn kia không thể nào là thằng Dũng, một đứa trẻ láu táu, vui tính nhất lớp tôi. Bầu không khí, phong cảnh căn cối ở vùng ngoại ô này có thể nung khô tất cả những tâm hồn dịu dàng, vui tươi, và đốt cháy những nguồn hy vọng nhỏ bé. Quả thực tôi không như những người dạy học khác, mong mỗi nhìn thấy sự thành công trong tương lai của đám học trò mình, tôi chỉ muốn lũ trẻ được ngồi học yên ổn và đều đặn trong lớp tôi cho đến cuối năm.

Tôi không đoán nổi trong lúc ngồi cô đơn như thế bé Dũng đã nghĩ gì, mơ đến những điều gì. Nhưng một trong những sự mơ ước của nó, đột nhiên hiện ra trước mắt tôi vào một buổi học, khi nó bị tôi phạt về tội nói chuyện trong lớp. Và ngay sau đó tôi nhìn thấy tất cả nỗi tuyệt vọng của nó. Sự vùng vẫy, phấn đấu, để thoát ra khỏi ngõ bí của nó đầy tính cách mong manh, khờ dại khiến ta xúc động, xao xuyến như khi ta nhìn thấy một con chim non lạc tổ sắp chết vì một trận mưa.

Dũng để một vật gì dưới ngăn bàn, hai đứa bên cạnh nó cùng chụm đầu lại để nhìn. Vừa nói, Dũng vừa cười có vẻ thích thú và hai đứa bên cạnh nó cũng cười theo. Bị gọi tên thành linh, Dũng giật mình đứng dậy, luống cuống khoanh tay. Nó chưa kịp trả lời câu hỏi của tôi thì một trong hai đứa bên cạnh nó đã nói:

- Thưa thầy, anh Dũng khoe cái xô số anh ấy mới mua.

Rồi nó cố nín cười để giữ giọng tự nhiên:

- Anh ấy nói nếu trúng độc đắc anh ấy sẽ mua cái xe hơi chở cả thầy và hết cả lớp đi chơi và đi coi hát bóng.

Cả lớp cười, vài đứa xì xào:

- Xe hơi nào mà chở được cả lớp...

Dũng có vẻ ngượng, nó mỉm cười và cúi đầu. Nhìn vẻ tiều tụy của nó tôi không nở máng, bao

giờ cũng thế, khi biết sắp bị mắng nó thường buồn rầu và lo sợ. Tôi bảo:

- Thôi cát xổ số đi... bao giờ trúng hãy đem khoe.

Dũng tươi tỉnh hẳn lại, đôi mắt nó long lanh tin tưởng, nó đã trở lại vẻ nhanh nhẩu bình thường:

- Thưa thầy, mấy người nghèo hết tiền mua giấy số hay trúng lắm thầy.

- Vậy hả. Ờ, thầy cũng hy vọng sẽ được đi xe hơi của trò Dũng. Bao giờ mở số đấy?

- Chiều nay ạ.

Nó ngồi xuống, trịnh trọng nhét tấm xổ số vào cặp. Tôi vội giảng bài tiếp để chặn đứng cuộc bàn về xổ số đang lan tràn trong lớp. Hình như có tấm vé xổ số trong cặp, Dũng vững tin ở cuộc đời hơn. Suốt giờ học tôi không nhận thấy vẻ buồn rầu thoáng qua mặt nó như mấy buổi học trước. Nó chịu đặt cả hai tay lên bàn nhưng không ngồi yên, thỉnh thoảng lại quay nhìn phải, nhìn trái, mỗi lúc nào cũng hé như sẵn sàng cười thật to. Cuối giờ, trước khi về học nó còn đi quanh lớp để ngắt lá úa trên những dây vạn niên thanh và siết lại những đầu dây thép gắn vài con ốc vào đầu đinh trên tường. Niềm vui, sự hân hoan của trẻ con thường tràn ra thành các cử chỉ như thế.

Buổi chiều, khi nghe máy thu thanh, tôi nhớ đến tấm xổ số của trò Dũng và ý nghĩ của tôi, tôi mỉm cười như những lần tôi nhớ đến một kỷ niệm ngộ nghĩnh về đám học trò.

Sáng hôm sau, bầu không khí có vẻ oi bức khiến tôi cảm thấy khó chịu. Những đám mây đen mờ che khuất mặt trời báo hiệu một ngày không có nắng. Vùng ngoại ô quá rộng để ta có thể cảm thấy tất cả sự khó chịu của một bầu trời nặng nề. Sức nóng không tỏa từ ánh nắng một cách tự nhiên mà như xuất hiện bất cứ chỗ nào. Sự bình thản, vui vẻ trong tâm hồn tôi hình như bị sự oi bức làm rạn nứt và đã trở thành một cái gì mong manh dễ vỡ.

Buổi học lại bắt đầu bằng vài chuyện lộn xộn. Hai đứa nhỏ ở cạnh nhau, đến lớp còn cãi vả om sòm vì một chuyện đã xảy ra giữa hai gia đình trong ngày hôm trước. Đứa này bảo bố đứa kia là đồ ăn cắp gỗ và đứa kia tố cáo việc anh đứa này bị người ta đánh vì dám cướp tiền một đám bạc. Một thằng học trò khác thì đem lên bàn tôi một quyển vở chỉ còn độ bốn năm tờ giấy trắng, nó kêu rằng nó không hề xé vở mà chính ba nó đã lấy giấy gói hàng. Tôi không thể nén sự bức mình, tôi đã gửi một bức thư cho ông ta về việc này và ông ta chưa trả lời. Tôi thờ dãi nhìn đứa trẻ, nó chớp mắt sợ hãi, cả nó và tôi đều lọt vào cái thế đáng chán. Tôi vừa lấy giấy ra định biên thêm cho ba đứa trẻ mấy dòng thì cuối lớp, một đứa đứng dậy báo cáo:

- Thưa thầy, hôm nay anh Dũng lại nghỉ.

- Lại nghỉ. Nó học hành thế thì còn ra làm sao...

Đứa bé cọ bàn tay phải vào cạnh bàn rồi nói rất nhanh, có vẻ kiêu hãnh vì những điều nó biết:

- Con thấy mấy người lối xóm nói: ba trò Dũng bị tù rồi. Hồi trước ông mua vỏ ruột xe hơi của mấy người ăn cắp, bị tù mười lăm ngày mới được tha ra. Giờ không biết sao lại bị bắt nữa...

Một đứa khác đứng phắt dậy, vừa xé lại quần vừa nói như sợ đứa khác nói tranh mất:

- Ba trò Dũng ăn cắp xe gắn máy, thầy. Cả những người khác cũng bị bắt hết, mấy bữa nay rồi

thầy.

Sự bất ngờ làm tôi bất động, chỉ biết chăm nhìn vào mắt những đứa trẻ vừa đứng lên nói, những lời nói vừa mở tung bức màn che giấu một thảm kịch. Lớp học hình như không bị xao động một chút nào. Vài đứa định đứng lên nói thêm nhưng tôi ra hiệu bắt chúng ngồi xuống. Chúng yên lặng, khoanh tay, mở mắt chăm chú nhìn tôi, hình như chờ đợi tôi nói một điều gì về việc ba trò Dũng. Tôi nói gì được? Cái sự làm tôi khó chịu, bực bội nhất là nét thản nhiên trên mặt lũ học trò. Chúng đã quen với những sự này đến thế cơ ư?

Đưa tờ giấy viết thư lên ngang tầm mắt, tôi nhìn chăm chú vào đó để tránh những đôi mắt ngây thơ, khờ dại và bình thản. Tờ giấy chưa có một chữ nào, đang mở dần thành một khoảng trời trắng, rộng và xa vời. Tôi lấy lại sự thản nhiên bằng một ý nghĩ tàn nhẫn.

Giữa buổi học thì trò Dũng đến. Nó lững thững đi qua cổng trường, hai vai co lên một chút như bị lạnh. Nó không đá chân vào đám cỏ hoang cho những con châu chấu bay vụt lên như mọi lần, trong bộ quần áo đẹp nhất của nó, Dũng có vẻ trịnh trọng. Nó bước vào lớp và nói với tôi:

- Thưa thầy, con xin thôi học.

Dũng đưa ra một cái đơn, chữ viết nghiêng ngả.

- Con phải về tỉnh ở với bà nội.

- Ở đó có trường công không mà về?

- Dạ, thưa thầy, khỏi cần. Con không đi học nữa. Bà nội con ở làng, trồng khoai với bắp.

Tôi cúi xuống đọc lại tờ đơn, phân vân. Dũng nhìn tôi thật lâu rồi chợt quay xuống với các bạn nó, nó đi qua các dãy bàn để thanh toán mọi việc. Trả đứa này món nợ một đồng, cho đứa kia mấy viên bi, trao lại đứa khác chiếc xe hơi hỏng nhờ nó chữa. Công việc đó diễn ra không gây một tiếng ồn nhỏ nào. Lũ trẻ đã giữ được một sự yên lặng lạ lùng.

Dũng trở lại bàn cúi đầu thật thấp chào tôi rồi đi ra, lên phòng hiệu trưởng. Suýt nữa thì tôi mở miệng khuyên nó nên cố gắng chăm học.

Mười phút sau nó trở lại đứng ở cửa lớp học, hai tay nắm vào một bên khung cửa, tần ngần nhìn lũ bạn đang ngồi học, những ngón tay nhỏ của nó cong lại, vuốt nhẹ lên mặt gỗ.

Tôi hỏi:

- Lấy hồ sơ rồi chưa?

- Thưa thầy, lấy rồi, con chờ thầy trả bài thi.

- Bài thi?... à, bài thi toán ấy hả.

Tôi ra hiệu cho nó vào lớp và giở tập bài thi ra. Dũng hớn hờ đứng cạnh tôi, chăm chú chờ đợi.

- Thưa thầy, hôm đó con làm đúng hết...

Và chợt nó reo khẽ:

- Đây rồi... trời! mười tám điểm!

Bài thi nó làm hoàn toàn, chỉ hơi bần một chút.

Dũng nắm tờ giấy trong hai tay, nhìn chăm chú vào con số mười tám màu đỏ. Miệng nó, đôi má nó, đôi mắt nó đều chan hòa một nụ cười. Nó giương đôi mắt long lanh nhìn tôi rồi lại nhìn vào bài thi của mình. Rồi chợt nó nghiêng tờ giấy và nháy mắt với mấy đứa bạn ngồi ở bàn cuối cùng, kiêu hãnh mỉm cười với chúng. Nó cứ đứng lặng như thế để tỏ lộ tất cả sự hân hoan của mình. Tôi buột miệng nói:

- Bài này trò làm khá lắm.

Có lẽ chính câu khen của tôi đã làm cho trò Dũng phập phồng muốn khóc khi nó chậm chạp để bài thi xuống bàn. Tôi không đủ can đảm để nói một lời thân mến với nó.

Khi chào tôi lần cuối, Dũng cúi đầu thật thấp như muốn giấu tất cả sự thê thảm trên mặt nó vào đôi tay khoanh lại. Nó trở ra rất nhanh, đá bung mấy viên gạch trên sân trường, nhìn mấy cây nhỏ, mới được trồng ở đầu sân để cho lũ trẻ có bóng mát sau này. Rồi nó cúi đầu, ra khỏi cổng trường.

Dũng là đứa học trò độc nhất mà tôi mong cho nó chóng quên thầy, quên bạn...

Những giọt mực

Đêm hơi lạnh. Ánh trăng lọt qua cửa sổ, soi sáng một chút mặt ông Bàn. Bình mực thủy tinh đỏ nghiêng, mang trên mình mảnh trăng nhỏ xíu, lấp lánh, xa vời.

Dòng mực xanh chảy lan trên mặt ông Bàn đã khô. Đáy bình còn một gợn đen đậm nhỏ. Đó là ba giọt mực cuối cùng.

Ông Bàn giận lắm. Chưa bao giờ ông giận đến thế. Chú Ngăn kéo sợ ông sẽ quẳng tất cả các vật trên thân thể ông xuống, kể luôn chú. Chú gắng thu xếp các vật trong lòng mình, cho chúng nằm thừ tự gợn gàng. Ở đậu trong bụng ông Bàn, chú Ngăn kéo luôn tế nhị, giữ gìn.

Nhưng lần này, lỗi không ở chú Ngăn kéo.

Ông Bàn to tiếng:

- Ông Cung, cụ Sách nghĩ coi: tôi làm sao chịu nổi. Trong phòng này tôi là món đồ xui xẻo, cực khổ nhất.. Vật gì cũng có thể nhảy lên mặt tôi được. Ban ngày tôi còn phải chống cả ánh nắng, ban đêm chống ánh trăng, toàn những món đồ do chị Cửa sổ mang về.

Cửa sổ nhỏ nhẹ:

- Ánh trăng và ánh nắng nhẹ tênh mà.

- Đồng ý. Nhưng chị phải biết ánh nắng có thể làm tôi vỡ mặt ra. Tuy nhiên việc đó bỏ qua. Tôi xin hỏi mọi vật: tôi là bàn tôi đâu có là anh hề nhựa, sao mặt tôi ngày một bần thỉu, kỳ cục, đầy những vết mực dọc ngang, lộn xộn?

Anh Bút chì nằm bên cạnh cô Vở quăn góc nói nhỏ:

- Cháu chỉ lỡ vẽ trên mặt bác một cái xe hơi, một cái nhà...

Anh Bút bi cũng lên tiếng:

- Cháu vẽ một con vịt.

Ông Bàn giận dữ hơn:

- Hình đó đâu phải là con vịt. Đó là một thứ quái vật, đầu to như đầu ngựa, hai cẳng như cây tăm. Tôi yêu cầu các cháu từ giờ đừng có trổ tài hoạt họa nữa.

Cụ Sách lên tiếng nghĩa là mở cửa kho đạo đức:

- Những vật trên mặt ông Bàn không biết điều chút nào. Hãy noi gương những vật ở nhờ trong lòng ông Tử. Họ tới, họ đi, biết bao đợt rồi, lòng ông Tử vẫn sạch sẽ.

Ông Cung góp lời:

- Vật cẩn thận không bao giờ để lại dấu tích nơi mình đã cư ngụ, nhất là những dấu tích mất vệ sinh. Ngày xưa, khi còn đi theo các chiến sĩ, ta đã từng cắm trại, các chiến sĩ không để lại một cái hố nhỏ.

Sau câu nói của ông Cung, ông Bàn đã bớt cầu nhàu, nhưng chưa nguôi giận.

- Lỗi tại tôi xin ông Bàn tha thứ. Tôi đứng không vững nên mới ra có sự.

Đó là câu nói của bình mực thủy tinh. Tất cả xô xao của mọi vật, cùng cơn giận của ông Bàn hình như bây giờ mới làm hẳn bình tĩnh. Không phải hẳn lì lợm, bướng bỉnh. Hẳn là vật đang trí mơ mộng nhất trong phòng.

Dù chứa mực trong lòng, thân thể hẳn vẫn có những phần trong veo. Cảnh vật in hình trên đó, nhỏ xíu, mơ hồ. Không giống mặt gương, phản chiếu hình một cách máy móc, chính xác. Bình mực bóp méo khuôn mặt mọi vật theo ý hẳn.

Những đêm trăng như đêm nay, đứng gần cửa sổ, hẳn chứa cả trăng sao, bầu trời yên tĩnh.

Vài cành cây bên cửa xao động làm cho mảnh thế giới in trên bình mực sinh động, đẹp tuyệt vời. Tất cả mang một màu xanh hơi tối. Nếu một chú kiến lạc vào thế giới nhỏ bé, xinh xắn ấy, chú sẽ biến thành thi sĩ.

Vì vậy, bình mực của chúng ta hoá ra là một vật mơ mộng.

Bình mực đỏ, từ cái miệng tròn vo của hẳn, mực trào ra, hào hứng như bọn tù vượt ngục. Mặt ông Bàn thêm một vết đen lớn khủng khiếp. Đó là lý do khiến ông giận dữ, nói những lời cay đắng, trách móc lung tung. Tai họa xảy tới từ hồi chiều.

Bình mực đã công khai nhận lỗi, dù chậm, ông Bàn cũng hài lòng. Ông già rồi, không chú ý tới dung nhan mình. Vết mực loang lớn thật, nhưng so với những hình vẽ lằng nhằng, những vết dao chém, nó cũng chẳng làm ông xấu hơn được. Tuy nhiên ông Bàn vẫn dọa:

- Bây giờ anh mới biết lỗi à? Tôi sẽ quăng anh xuống đất, cho anh vỡ tan xác ra.

Ông Bàn rung nhẹ, các khớp gỗ kêu cọt két. Nhiều vật tưởng ông quyết liệt hạ bình mực, đều hoảng kinh. Cụ Sách cất tiếng:

- Xin ông Bàn bớt nóng.

Những cây Bút mực cũng cuống quýt can ngăn:

- Anh Bình mực thật dễ ghét, nhưng thiếu anh ấy, chúng cháu mất kho nhiên liệu, hoá vô dụng. Mong ông nghĩ lại.

Chỉ có Bút chì im lặng. Đương sự rất đặc chí vì có thể tự lực, tự cường. Hẳn viết ra những chữ mờ nhạt, nhưng khỏi cần nhờ vả, lệ thuộc anh nào. Bình mực sống chết chả ăn nhậu gì tới hẳn. Bút chì bị mang tiếng ích kỷ và vụng về. Hẳn phải đeo kè kè ở sau đuôi một cục tẩy tròn chuyện việc xoá những bước đi lỗi lầm của hẳn.

Những bông hoa thuộc loại tình cảm, nghe chuyện cãi vã xô xát đã thất kinh. Giọng hoa run rẩy:

- Ông Bàn chớ làm vậy! Ông Bàn chớ làm vậy!

Chỉ có ông Cung, vật từng trải, lão luyện là biết ông Bàn dọa chơi. Một vật dễ giận, dễ to tiếng, rồi dễ nguôi như ông Bàn, ít khi làm chuyện ác độc.

Bình mực thủy tinh cũng sợ hãi. Rơi từ mặt bàn xuống, chắc tan xác thật? Nhưng vật đang trí và mơ mộng này lại tự an ủi bằng trí tưởng tượng. Cần quái gì. Hẳn nghĩ. Nếu tan thành trăm mảnh, ta sẽ là trăm mảnh lóng lánh sáng, trăm mảnh mang hình trăng tròn, trăm mảnh bầu trời ngoài khung cửa sổ...không còn một giọt mực nào dính trên thủy tinh, cả trăm mảnh sẽ trong veo.

Tuy nhiên trăm mảnh rục rờ đó không sống lâu, sẽ gặp nhau trong sự tăm tối của thùng rác. Kể mơ mộng, sau phút tưởng tượng tới sự tan tành đẹp đẽ, bỗng biết ớn:

- Tôi đã nhận lỗi rồi mà. Tôi xin hứa sẽ cẩn thận hơn.

Bình mực chưa dứt lời, mọi vật bỗng nghe tiếng khóc. Tiếng khóc vang lên từ trong lòng bình

mực. Tiếng khóc tỉ tê tuyệt vọng.

Mọi vật sững sờ, im lặng, lắng nghe. Ông Bàn bối rối trước tiên:

- Này chú Bình mực, ta doạ chơi vậy thôi, sao mà nhút nhát quá vậy?

Bình mực cãi:

- Ông làm rồi, tôi đâu có khóc.

Quả vậy, đó là tiếng khóc nhỏ bé của ba giọt mực cuối cùng, còn đọng dưới đáy bình.

Ba giọt mực tụ lại, như một giọt nước mắt đen lớn buồn thắm.

Hàng ngàn giọt mực đến rồi giã từ bình mực. Bình mực biến thành nơi tạm trú của chúng. Mới đầu vật mơ mộng này cũng lưu luyến, tất cả những khách trọ. Sau đó quen đi, hẳn trở về với nếp sống riêng tư.

Tiếng khóc của ba giọt mực khiến hấn kinh ngạc.

Bông hồng khẽ hỏi:

- Làm sao các em lại khóc?

Một giọt mực nghẹn ngào:

- Bọn em đang khô dần.

Giọt mực thứ hai:

- Chúng em không bao giờ được làm bổn phận của loài mực.

Giọt mực thứ ba tiếp lời:

Tất cả những giọt mực cùng sinh ra đời với chúng em đều đã sống đầy đủ. Họ được những anh chị bút đón ra khỏi bình, họ biến thành chữ, thành hình vẽ. Họ khô trong danh dự vinh quang, chúng em không như vậy. Chúng em đang héo tàn trong đáy bình mực một cách vô duyên.

Những câu than thở của ba giọt mực khiến cho muôn ngàn chữ trong tất cả những sách vở bùng tỉnh.

Sau đó muôn ngàn chữ cùng hân hoan. Tiếng than của kẻ hậu sinh như lời khen tặng các vị tiền bối.

Cả những giọt mực đã khô hàng trăm năm, đang mờ tới nét chữ cuối cùng cũng góp niềm kiêu hãnh.

Những giọt mực khô trong lòng cụ Sách thì reo vui hơi quá lố. Chúng ắt tiếng cười dù cố đè nén, vẫn làm cho những trang sách rung rung. Tất cả những giọt mực vào lòng cụ Sách đều biến thành lời đạo đức, khôn ngoan, dạy dỗ loài người, phác giác những chuyện huyền bí của vụ trụ. Những giọt mực ấy đã tìm được một địa vị hết sức cao trọng, như giọt mực xấu số thứ ba đã nói: " Họ khô trong danh dự vinh quang ".

Cụ Sách phải nạt khế:

- Này! Cười vui trước nỗi đau khổ của vật khác là vô ý thức.

Căn phòng đỡ mất trật tự.

Nhưng muôn ngàn chữ vẫn sung sướng, cười thắm, và ba giọt mực đang khô trong đáy bình, tiếp tục khóc tỉ tê.

Chỉ có năm sáu giọt mực khô trong lòng chị Vở cất tiếng an ủi:

- Không ra khỏi bình các em đừng buồn. Như bọn ta đây, đâu có gì là sung sướng. Chúng ta không hoá thành chữ, mà thành một cái hình quái gở.

Quả thực, cậu bé đã dùng những giọt mực này để vẽ một hình người đầu tròn, tóc lờm chờm, không có mũi, chân tay cong queo, kì dị.

Những giọt mực khác, biến thành hình vẽ xấu xí trong vở, trên bìa sách, trên mặt bàn, cũng đua nhau an ủi ba giọt mực. Họ cho rằng ở vĩnh viễn trong bình còn hơn là biến thành những quái thai.

Hàng trăm giọt mực, vết loang lớn trên mặt ông Bàn, bây giờ mới đứng đĩnh lên tiếng:

- Còn bọn chúng tôi thì sao? Cũng nhục nhã lắm chứ. Cả trăm mạng hoá thành vết đen dơ dáy trên mặt ông Bàn, chúng tôi đâu có khóc.

Ba giọt mực vẫn khăng khăng:

- Thà làm một vệt đen còn hơn khô héo trong đáy bình. Chúng tôi biết không phải giọt mực nào

cũng gặp may mắn khi ra đời. Nhưng đã là mực, phải được ghi một vết ở đâu đó. Là chữ, là hình vẽ, là một cái chấm xấu xí cũng được, chúng tôi muốn ra khỏi bình. Chúng tôi không muốn chết non và chết vô ích.

Các vật trong phòng lặng thinh. Ba giọt mực cảm thấy mình đang khô héo mau hơn, lại tí tê khóc. Bông hồng nghe thấy chuyện chết chóc, buồn rĩ cánh. Chị Bóng bay thơ thẩn lẩn tới một góc nhà, ngậm ngùi thương những vật nhỏ bé mong manh.

Chú con Quay muốn cất lời an ủi. Nhưng chính chú cũng nghĩ rằng một vật sinh ra đời chẳng để làm gì, chẳng có ích gì thì vật đó buồn phát khóc là phải.

Bông dương ông Bàn hỏi to:

-Sao? Cọ Sách, trong cái bụng đầy nhóc thông thái của cụ, không có ghi câu nào an ủi ba giọt mực hả?

Hỏi này, ông Bàn ươi trên cụ Sách. Ông nghi cụ vẫn có ý coi thường ông. Bụng cụ đầy chữ, bụng ông chỉ có chú Ngăn kéo dốt nát. Thình thoảng ông tìm cách đưa cụ Sách vào thế kẹt. Chẳng hạn ông hỏi cụ: tại sao giày dép không có chân lại đi khắp nơi, bàn ghế có tới bốn chân thì nằm một chỗ.

Bây giờ ông lại làm cụ Sách lúng túng.

- Ờ...ờ...nghĩ rằng ba giọt mực không nên buồn quá thế. Trời sinh ra muôn vật: mỗi vật có một số phận....

Chưa bao giờ cụ lại nói một câu thiếu dứt khoát như vậy.

Ông bàn bông phá lên cười:

- Ha! Ha! Ha! Xin lỗi cụ Sách! Nhà cháu không đồng ý với cụ. Theo quan niệm của vật dốt nát này thì ba giọt mực không có quyền khóc. Cả ba phải reo mừng vì đã sống những ngày đầy ý nghĩa.

Cả phòng kinh ngạc, ba giọt mực nín khóc lắng nghe. Ông Bàn vẫn cười ha hả:

- Hãy coi cái thân tôi này. Tôi là bàn, tôi có hoá ra gì đâu, nhưng tôi đã để cho biết bao nhiêu vị ngồi trên mặt. Các vị ấy đều có ích, thế là cuộc sống của tôi có ý nghĩa.

- Ba giọt mực dưới đáy bình đâu có vô ích. Nếu họ không ở đó thì làm sao các anh chị bút có thể với tới hết tất cả những giọt mực khác?

- Ba giọt mực cuối cùng đã làm một việc có ý nghĩa nhất: họ đội những đũa khác trên đầu, suốt ngày này sang ngày khác. Nhờ vậy, những giọt đứng trên đầu họ mới bám vào ngòi bút, ra ngoài, biến thành chữ.

- Chú Bình mực phải biết điều đó chứ. Bao nhiêu thế hệ mực đã qua trong lòng chú? Mỗi thế hệ đều có ít nhất ba giọt mực nằm dưới đáy, nâng các giọt mực khác lên cao. Sau đó, những giọt hy sinh khô đi trong lặng lẽ.

- Khi này, tôi nghe các chữ, những giọt mực khô trong lòng cụ Sách đã cười. Thật là một lũ vô ơn. Dù vinh quang hiển hách đáng lẽ lũ ấy phải biết tới những giọt mực đã đội chúng lên, những giọt mực chịu nằm dưới đáy bình, chịu nhục nhằn, tăm tối và thiệt thòi.

- Vậy ba giọt mực bé tí teo, các cháu có quyền kiêu hãnh. Các cháu đóng góp vào rất nhiều sách vở. Và hàng tỉ chữ, hàng sa số hình vẽ trên cõi thế gian này đều mang ơn những giọt mực nằm dưới đáy bình.

Ông Bàn không cười nữa, căn phòng im lặng hoàn toàn.

Một lát sau, cụ Sách nói với ông Cung tên:

- Lần này, tôi chịu thua lão già lỗ mãng. Lão chỉ có một cái bụng rỗng tuếch mà khôn ngóm! Trong bình thủy tinh lóng lánh, ba giọt mực cuối cùng kiêu hãnh hân hoan bốc thành hơi.

Phụ đính văn:



Trung thu của bác đèn xếp

Đêm thật khuya, buổi sinh hoạt của đồ vật trong phòng bắt đầu như thường lệ. Bao giờ họ cũng tán gẫu với nhau về chuyện xảy ra ban ngày, hoặc về chú bé chủ nhân của một vài vật. Chị Tranh trên tường hồi này ít nói. Trước kia chẳng ngày nào chị ta quên khoe sắc đẹp của mình và nhắc đến những đôi mắt đã chiêm ngưỡng chị.

Ông Bàn lên tiếng trước nhất. Ông càu nhàu về vụ hôm nay chú bé lại làm đổ mực lên mặt ông. Ông già rồi mặt mũi nứt nẻ cả, giờ lại loang lổ mực xanh, mực tím thật dơ bẩn. Ông cảm thấy xấu hổ, mắt mặt với bà con quá. Cái bệnh mọt ăn trong xương, trong mình ông vào mùa này lại thêm nặng. Hết cần nhần ông xoay qua kêu rên, rồi ông gây sự với chú Ngăn kéo:

- Đã nằm nhờ trong bụng người ta, còn rình về đủ thứ, nặng muốn chết.

Thực ra, lỗi không phải ở chú Ngăn kéo. Cậu bé có món đồ chơi gì cũng tống vào lòng chú.

Nhưng Ngăn kéo không cãi. Ông Bàn già rồi, “ kính lão đắc thọ ”. Ở với nhau lâu, chú biết tính ông. Ông hay cần nhần nhưng tốt bụng.

Anh Ghế cũng lên tiếng phụ họa với ông Bàn. Anh than phiền về vụ chú bé hồi này hay nghịch, thường đứng trên mình anh mà nhảy nhót hoài.

Anh Điều giầy suốt cả buổi chiều bay lượn mệt nhọc giờ này nằm ở gầm tủ ngủ bù. Nếu không, chắc anh đang ba hoa thuyết trình về tổ tiên của anh. Ôi! Thời đại của những ông Điều khổng lồ có sáo để ca hát vi vu giữa lưng trời. Anh thương nhớ thời đại đó biết bao! Tổ tiên của anh cũng chả bao giờ phải đeo một cái đuôi dài lằng nhằng như cái đuôi của anh bây giờ. Thân thể của các ngài rất cường tráng cân đối. Ít khi gió làm các ngài phải đảo nhiều vòng. Cần gì có đuôi để giữ thăng bằng.

Trầm lặng nhất là ông già Cung tên, ông mang dòng máu hiệp sĩ quý phái, lúc nào cũng kín đáo với lớp áo màu đen phơn phớt bụi phong trần. Thỉnh thoảng, ông kể lại một cuộc phiêu lưu kỳ thú. Các đồ vật trong phòng tường chừng nghe tiếng quân reo, ngựa hí và thấy ông Cung tên, nằm gọn trong tay một Dũng tướng, đang tả xung hữu đột giữa trận tiền. Đêm nay, ông không nói, chắc ông đang thương nhớ một điều gì. Hay ông lắng nghe tiếng bọn guốc dép kể các cuộc du lịch của chúng và lòng thầm khinh bỉ. Bọn giầy dép được đi xa, biết nhiều, nói dóc nghe còn thương được. Lũ guốc chỉ quanh quẩn ở xó nhà, cũng góp lời, thật nản.

Như thế, đêm sẽ trôi qua một cách bình thường cho tới lúc bình minh đến, nếu đột nhiên dưới gầm tủ không vang lên tiếng kêu thảm thiết:

- Trời ơi! Cứu tôi! Cứu tôi!

Đó là tiếng kêu của cụ Sách. Mọi vật nhón nháo hỏi:

- Chuyện gì đó cụ?

- Cụ mơ ngủ hả?

Cụ Sách hỗn hển:

- Tôi đang mơ màng thì bị cắn vào gáy một cái đau điếng!
- Cái gì cắn?
- Không biết. Chắc là một con quái vật.

Ông Tủ có vẻ ngạc nhiên:

- Nay cụ Sách, sao cụ lại nằm dưới đó? Tôi tưởng cụ phải nằm trong lòng tôi chứ. Lúc nào tôi cũng chả dành cho cụ một chỗ nằm mát mẻ rộng rãi.

Cụ Sách vừa xuýt xoa kêu đau, vừa than thở:

- Ấy, tại cậu chủ vứt tôi ra đây đấy. Cậu ấy bừa bãi quá, chả coi công dạy dỗ của tôi ra gì hết. Chưa nói xong câu, cụ lại kêu rú lên. Ông già Cung có máu hiệp sĩ trong người ra lệnh lập tức:
- Phải có ánh sáng.

Mọi vật đều hướng về phía Đèn Ông chờ đợi. Nhưng cái tên này đang ngủ say sưa. Bây giờ chỉ có ông chủ nhà đánh thức hắn mới dậy, và khi dậy hắn kêu lách tách mấy tiếng càu nhàu, nhấp nhোang ngái ngủ mấy cái. Hắn làm việc có giờ và cư xử một cách hết sức máy móc. Khi hắn mới được đưa về đây, ông Đèn Cây vừa trông thấy đã than:

- Thôi thế là máy móc đã bắt đầu ngự trị, đê bẹp loài đèn cây rồi.

Và ông lui về một góc bàn thờ, chỉ chờ dịp Đèn Ông ốm đau mới ra tay được một lát. Nhưng trong dịp có lẽ lạc ông trở nên quan trọng lạ thường, đó là người an ủi duy nhất, quả thực, những giây phút linh thiêng đó, ông Đèn Cây cảm động và hài lòng, mặt mũi ông thật rục rờ. Tự cách ông đang hoàng hơn anh Đèn Ông nhiều. Trong lúc nguy nan thế này, ai dám trông mong vào Đèn Ông máy móc và ích kỷ. Nhưng, lúc này ông Đèn Cây ngủ mê mết.

Anh Ghế gọi anh Điều:

- Ê! Bò bay lẹ tới gầm tủ coi con quái vật nào, đang tấn công cụ Sách?

Điều cần nhằn:

- Việc ai người ấy lo. Tôi làm việc nặng nhọc cả buổi chiều rồi, không làm giờ phụ trội đâu.

Nói xong, tên ích kỷ hạng nhì này ngủ tiếp. Mọi vật nghĩ đến chị Bóng bay. Nhưng chị ấy mới bị xì hơi hồi chiều qua, bị ốm, nằm ỉu xiêu ở một góc nhà, gầy tọp hẳn đi, chưa biết xẹp lúc nào. Chắc chị không cất bước nổi.

Tình hình có vẻ hoàn toàn tuyệt vọng. Bình hoa bắt đầu nhỏ lệ thương xót cho ông Sách.

Bỗng dưới gầm giường có tiếng quay vù vù. Chú Con Quay đã đứng dậy. Chú xoay tít, xoay tít và lần tới gầm tủ quan sát. Chú nói:

- Xin báo cáo với Đại tướng Cung tên. Kẻ tấn công cụ Sách là một con chuột khổng lồ. Nó đang cắn gáy cụ ấy.

Cụ Sách rên rỉ không ngừng. Ông Cung tên hét:

- Tôi có thể bắn hạ nó, nhưng làm sao xoay cho ra chút ánh sáng bây giờ. Tôi không thể bắn ẩu được.

Mọi vật lại ngẩn ngơ. Làm sao có ánh sáng bây giờ? Bình hoa khóc thảm thiết.

Ông Bàn sốt ruột:

- Tôi có thể khuân vác tất cả. Ai muốn nhảy lên mặt tôi mà ngồi cũng được. Nhưng tôi làm gì có ánh sáng. Tội nghiệp cụ Sách quá. Nếu cụ có bề gì chắc tôi không sống nổi. Ngày nào chúng tôi cũng gặp gỡ nhau.

Ông Bàn càng nói càng ghen ngào!

- Ông Cung tên sửa soạn tấn công đi. Tôi sẽ lo vụ ánh sáng.

Câu nói đó của một giọng khàn khàn như xuất phát ra từ một nơi đầy bụi. Đó là giọng bác Đèn xếp. Bác chui từ gầm giường ra. Bác đã nằm đó để chờ tết Trung thu. Mỗi năm bác chỉ làm việc có một ngày. Thời gian còn lại, bác nghỉ hè.

Bác Đèn xếp đã lẫn tới giữa nhà (đó là vật cô đơn nhất phòng, bình thường chả có vật nào nói chuyện hay nhắc tới đèn xếp)

Đèn xếp đứng thẳng và sáng dần. Thân thể bác đầy bụi. Ánh sáng còn mờ. Những lần xếp chưa dẫn ra hẳn, chúng cũng lười biếng như những khớp xương lâu không được dùng tới. Ông Cung tên hét:

- Ráng lên chút nữa!

Bác Đền xếp cổ sáng hơn.

- Tôi thấy bóng tên chuột rồi. Sáng thêm chút nữa bác Đền xếp.

Đền xếp không ngừng cố gắng.

- Rồi! Tôi thấy nó rồi!

Mũi tên vọt đi trúng ngay con chuột. Nhà hiệp sĩ Cung tên mà bắn thì có bao giờ trượt. Mọi vật reo hò.

Nhưng ở giữa nhà, bác Đền xếp không thể chia vui được. Bác đã ráng sức đến nỗi cả thân mình bác bốc lửa. Bình hoa rú lên và ngắt xiêu.

Trong ngọn lửa nóng hừng hực, bác Đền xếp thều thào:

- Xin vĩnh biệt các bồ!

Thoáng một cái, bác đã đen hết mình.

- Trung thu sang năm các bồ hãy nhớ đến tôi nhé!

Và bác ngã xuống cùng với ngọn lửa.

Tâm sự bác đình già

Trời mưa nước thấm qua tường, gấm tử hơi ẩm ướt. Một bác Đình già nằm lặng lẽ buồn với cơ sốt vàng da đã trở nên nguy kịch. Hồi xưa bác là chân của một chú con Quay gỗ. Bác cùng chú xoay tít trong những buổi mai nắng hồng, bác xoay tít trên hè phố, trong sân trường. Chú Quay gỗ nghiêng nghiêng chạy vòng quanh các đối thủ, chú giữ thăng bằng tài tình như một người làm xiếc. Khi những con quay khác kiệt sức, ngã quỵ, chú Quay gỗ còn đứng, thăng tấp. Trên trường đấu, kẻ đứng vững sau cũng được kẻ là thắng cuộc. Trước khi đổ xuống, chú Quay gỗ đảo vài vòng. Bác Đình đã từng khen ngợi:

- Thân hình chú cân đối lắm chúng ta mới tạo được những thành tích vẻ vang như vậy.

Chú Quay gỗ khiêm tốn:

- Tất cả nhờ chân bác. Nếu chân bác không tròn, hẳn đầu, tôi làm sao đứng vững được.

Bác Đình hiểu điều đó, bác thâm kiêu hãnh. Chân bác đầu có giống chân cẳng những chú đình tầm thường. Họ có những cái cẳng nhọn hoắt. Với cái cẳng như vậy họ chỉ có ước vọng là kiếm một chỗ đứng, đứng thật chắc, vĩnh viễn. Cho nên nhiều chú đình gãy gập xuống như một bà già còng, vẫn cố bám chặt vào tường.

Bác Đình của chúng ta không thuộc loại cẳng nhọn, bác có chân tròn sẵn sàng thích hợp với những cuộc phiêu lưu.

Cùng với chú Quay gỗ, bác cất bước giang hồ. Nơi nào bác đến cũng có tiếng trẻ reo cười, có nắng hồng, gió mát. Bác hiểu thế nào là mây trắng trời xanh, bác quay vù vù và cảm thấy dễ chịu. Hình như bác đang được hoà mình vào sự chuyển động không ngừng của vũ trụ.

Bác Đình yêu nhất những buổi chiều trên đồi. Đình đồi có một khoảng đất nâu hồng, xung quanh cỏ xanh mướt. Chú Quay gỗ chỉ có thể chạy vòng tròn trên đất, lạc đường một chút là vướng cỏ, mất thăng bằng. Đất không quá mềm khiến bước chân phiêu lưu của bác bị níu kéo. Đất không quá cứng khiến bác nhảy nhót làm chú Quay gỗ mất sức. Trên khoảng đất bằng phẳng dễ chịu ấy, bác Đình vừa xoay vừa lướt nhẹ nhàng như tài tử trượt trên băng.

Những ngày tháng êm đẹp nhất của đời bác Đình chấm dứt khi chú Quay gỗ bị thương, vết thương nứt ra. Đình và Quay vĩnh viễn từ giã nhau trong gấm tử. Một buổi sáng chị Chổi đưa chú Quay gỗ ra thùng rác, bác Đình kẹt lại.

Một nhân vật giang hồ như bác ít khi chịu than thở. Bệnh sốt vàng da làm thân thể bác mất hết màu sáng khoẻ mạnh. Bác lặng lẽ chịu đựng chờ tháng ngày qua. Chú Quay gỗ trước khi bị cây chổi tiễn đưa đã nói với bác:

- Chúng ta đã sống xứng đáng phải không bác?

Thân thể chú Quay gỗ gần vỡ làm đôi. Nhưng chú sống cuộc đời con Quay một cách tuyệt vời.

Bác là một phần thân thể của chú Quay gỗ, bác muốn giữ cuộc đời chú trước sau đều đẹp, không một lời than thở.

Một buổi chiều, có em bé Đinh ốc lăn vào gầm tủ, cạnh bác. Nó nhỏ xíu, da dẻ ướt nhẹp, nhưng sáng láng.

Bác hỏi:

- Ranh con, mày ở đâu ra đó?

Đinh ốc nhỏ nhẹ:

- Thừa bác, cháu ở trong chiếc xe hoả của cậu bé. Xe rớt từ bàn học xuống nhiều lần, anh em cháu ly tán gần hết.

Bác Đinh dịu giọng:

- Ở một mình mày sẽ khổ con ạ.

Đinh ốc có vẻ tinh quái:

- Cháu biết dư. Như bác ở một mình, bác đang đau.

- Ngày xưa da dẻ tao đâu có sần xù dơ dáy thế này.

- Tại bác không có chiếc áo dầu như cháu. Cháu không sợ bệnh sốt vàng da.

Thân thể bé quá thực có một lớp dầu che phủ. Với chiếc áo ấy, nó sẽ thọ lắm.

Bé Đinh ốc hỏi:

- Chắc bác đau lắm?

- Chút đỉnh mà ăn nhằm gì.

- Để cháu đưa cho bác một ít dầu.

Một hơi gió chiều lướt qua cửa, tung bụi xuống gầm tủ. Nương theo hơi gió, Đinh ốc lăn nhẹ nhàng đến bên bác Đinh. Một chút dầu dính vào cái thân thể gầy còm đã vàng khè của bác.

Bác Đinh không thích chiếc áo dầu. Nhưng bác lặng lẽ để cho bé Đinh ốc thực hiện hành động chia áo. Bác mừng thấy Đinh ốc tốt bụng và biết thương muôn vật. Bác cảm ơn bé và chúc nó sớm trở về toa xe hoả, đoàn tụ với anh em, trở thành một vật hoạt động, hữu ích.

Chỉ có một lần bác Đinh nói nhiều nhất. Bác tâm sự với chú Quay sừng.

Bác nói:

- Chắc chú vẫn nghĩ ta là một phé binh phải không?

Chú Quay sừng đáp:

- Thừa không. Ông anh là một chiến sĩ về già, em vẫn mơ ước có cái chân tròn nhẵn như ông anh.

Bác Đinh xúc động. Đám trẻ ngày nay không quá kiêu căng như bác tưởng. Mỗi vật có một thời rục rờ, bệnh sốt vàng da làm hư thân thể bác, không làm mất mát phút giây nào của một thời rục rờ kia.

- Cảm ơn chú đã biết kính trọng tuổi già.

- Đáng lẽ lúc này bác phải có chiếc áo dầu che chở như bé Đinh ốc.

- Không ta không cần thứ đó. Thật tình ta chỉ ước mong được hoạt động, xoay tròn mãi mãi. Ta nhớ đất rộng trời cao. Các thuở ta còn xoay tít, ta đâu có sợ nước, ta sáng láng mạnh mẽ. Trên đường xoay tròn, đôi khi ta vấp phải sỏi đá. Chú biết đấy, chúng ta đâu có sợ sỏi đá, chúng làm chân ta tròn hơn, nhẵn hơn. Chúng giúp ta xoay tròn bền bỉ.

- Bây giờ tệ quá, một giọt nước đã làm ta lạnh và rồi bệnh sốt vàng da.....

- Em hiểu ý bác....

- Chú cũng chẳng cần phải mặc áo dầu, nếu chú còn được xoay tít mãi mãi. Ráng lên chú em, chớ có dại dột nằm bất động. Tuổi trẻ của chú dài vô cùng nếu chú luôn luôn xoay tít.

Tình bạn của đôi quốc

Đêm hôm sau trời mưa to, nước ào ào trút xuống mái nhà, nhảy múa trước hiên. Căn phòng lạnh và có vẻ buồn. Chỉ có một mình bác Ô đen hân hoan. Bác chờ đợi im lặng suốt một mùa

nắng. Có những con nhện hỏn hào leo lên thân bác tính chuyện ở lâu dài. Thật là một điều không tha thứ được. Nhưng ngày mai, khi bình minh tới, ông chủ sẽ trịnh trọng nhờ tới bác. Khi ông ở xe hơi bước xuống, bác sẽ che đầu ông. Khi ông ở sở ra xe, bác lại che đầu ông lần nữa. Bác sẽ ngửa mặt nhìn trời, chống trả những giọt mưa một cách oai hùng. Một đồ vật cảm thấy sung sướng khi thấy mình có ích. Bác Ô muốn nói thật nhiều về ngày mai. Nhưng bác đành phải im lặng.

Căn phòng cũng im lặng đến nửa đêm. Đó là lệnh của ông Cung tên, kẻ quí phái nhiều tuổi, nhiều kinh nghiệm chiến trường này cho biết đây là cách tưởng niệm bác Đền xếp đẹp đẽ nhất. Ông Cung tên bảo vụ mặc niệm không có tính bắt buộc, ai muốn tỏ lòng cảm ơn bác Đền xếp thì cứ im lặng, có thể thôi. Nhưng cả phòng không có vật nào lên tiếng. Vật thành khẩn nhất dĩ nhiên là cụ Sách. Cụ đã được nằm trong tủ. Con chuột nguy hiểm đã được đem đi, nhưng ngọn lửa cháy rực rỡ trên mình bác Đền xếp thì tưởng như được ghi chép thành một thiên anh hùng ca trong lòng cụ. Sau cụ Sách, những bông hoa trong bình cũng bắt đầu héo úa vì nỗi tiếc thương. Quá nửa đêm, hết giờ mặc niệm, kẻ lên tiếng trước tiên lại là ông Bàn. Ông lên tiếng là cầu nhau ngay:

- Khổ quá! Khổ quá! Vì lòng kính trọng bác Đền xếp, tôi đã chịu im lặng không dám than thở gì. Nhưng thật là quá sức tôi. Cứ cái đà này chắc chắn tôi sắp tới ngày què cẳng và xum xuống.

Anh Ghế thờ dài:

- Tội nghiệp! Chắc cụ lại bị lũ một hành chứ gì.

Ông Bàn nói:

- Không phải! Lũ một thì tôi chịu quen rồi. Cái kẻ làm hại mình lại chính là cái kẻ ở ngay trong bụng mình mới đau chứ, thật quá đáng. Thật không ngờ!

Mọi vật biết liền là ông Bàn muốn ám chỉ ai. Chú Ngăn kéo cũng biết điều đó, chú vội lên tiếng:

- Ông Bàn ơi, ông hiểu lầm cháu rồi.

Ấy thế là ông Bàn làm toáng lên:

- Hiểu lầm cái gì? Anh ở nhờ trong bụng tôi, anh rình vè đủ thứ. Thằng già này chịu nặng hết nỗi. Bây giờ anh lại còn mời thêm bạn bè về nữa.

Chú Ngăn kéo cãi:

- Anh Búa đình đâu phải bạn cháu.

- Thế sao nó nằm với anh trong bụng tôi?

Búa đình ậm ừ lên tiếng:

- Ông Bàn lời thôi gớm. Tôi có nhà đằng hoàng, trong tủ đồ mộc dưới bếp, ai thềm ở nhờ ông. Cậu bé lời tôi ra đóng đinh cái xe của cậu ấy rồi tống bừa vào đấy. Mai ông chủ thấy thế nào cũng đưa tôi về. Đừng có làm khó, ông lão rồ ơi!

Búa đình dám gọi ông Bàn là “ ông lão rồ ”! Thật hỏn xược. Về già mặt ông có xấu xí, loang lổ chút đĩnh, nhưng vật nào cũng kính trọng ông. Chưa có vật nào trong phòng lại hỏn láo đến thế. Các vật nhao nhao lên phản đối Búa đình:

- Anh ăn nói lỗ mǎng quá.

- Phải biết kính trọng tuổi già chứ.

Búa đình cãi:

- Tôi nói thế còn lịch sự chán, phải tay thằng Dùi đục coi, nó chửi liền.

Dùi đục thì quả có tiếng là thô lỗ. Hấn ăn nói nhảm nhǎng khó nghe nhất nhà. Búa đình ở chung với Dùi đục nên lâu ngày quen tậ xấu.

Nghe Búa đình lời Dùi đục ra khoe, ông Cung tên khó chịu, ông nói chậm rãi:

- Đây, cậu Búa đình, cậu nên nhớ đây là phòng khách, toàn những vật đằng hoàng lễ độ. Cậu nên dành cái giọng đó để nói chuyện với lũ bạn Dùi đục của cậu.

Ông Cung tên không quát tháo, nhưng giọng nói thật nghiêm khắc, đáng sợ. Lời nói của ông có tuổi tác, có nhiều năm kinh nghiệm và một sự can đảm phi thường hỗ trợ, Búa đình có vẻ ngán.

Tuy nhiên, anh ta vẫn cầu nhau. Anh Ghế phát cáu. Anh nói:

- Chú Ngăn kéo ơi! Chú hát quách cái thằng lỗ mǎng đó xuống đất đi.

Một tiếng “ huych ” nặng nề đột ngột nổi lên dưới chân bàn. Tên Búa đình thiếu lịch sự đã nằm

thằng cán dưới đất. Chú Ngăn kéo nghe lời anh Ghế, chú cũng không ư kẻ dám nói hỗn với ông Bàn. Hắt Búa đình đi rồi, chú Ngăn kéo đột nhiên có vẻ cương quyết, chú hỏi to:

- Nào! Còn mấy thằng Đình ranh con này! Có đứa nào muốn lôi thôi lộn xộn cái gì không? Lũ đình nhỏ hoảng hốt:

- Dạ không! Xin chú Ngăn kéo cho chúng em ở nhờ, mai chúng em về. Trời mưa ẩm ướt thế này mà phải nằm đất nằm cát chúng em sẽ ốm hết.

Ông Bàn dụ giọng:

- Thôi chú Ngăn kéo, có cái thằng Búa nặng chình chịch ấy thì mới phải tống nó đi chứ lũ Đình thì tha. Trời này mà phải nước mưa chúng sẽ bị sốt vàng da, chả mấy lúc mềm ra mà chết, tội nghiệp lắm!

Lũ đình được tha cảm ơn rồi rít. Chúng nằm sát vào nhau và cố giấu cái căng nhon hoắt đi để khỏi làm phiền ông Bàn, chú Ngăn kéo. Vụ lộn xộn làm mọi vật tạm quên cái chết anh hùng của bác Đền xếp. Mưa ngớt dần, chỉ còn tiếng nước xối ào ào trong các ống cống trước hiên. Bỗng nhiên, mọi vật trong phòng nghe tiếng khóc nỉ non từ ngoài hiên vọng vào. Ông Tủ hốt hoảng:

- Chết chưa! Có chuyện gì vậy? Có cụ Sách nào lạc ra ngoài ấy không?

Các vật nhón nháo. Chú Con Quay đã đứng dậy xoay tít, sửa soạn cuộc dò thám. Nhưng thêm cửa quá cao, dù quay tít hết cỡ, chú cũng không sao nhảy ra ngoài được. Chú nói:

- Tôi chịu. Chị Bóng bay ráng xem chuyện gì ngoài đó.

Bóng bay đã được cậu bé thổi phồng trở lại. Nhưng trước kia mặt mũi chị trong, đẹp và thân hình hoàn toàn nhẹ nhõm vì khinh khí. Giờ thì hết rồi, chị căng lên sống đờ qua ngày vậy thôi. Chị không sao nhắc mình khỏi mặt đất được nữa thướt. Nhờ gió xô đẩy, chị Bóng bay lê la suốt ngày trong phòng một cách buồn bã, làn da lại nhăn nheo, thân thể lại mềm dần. Khi trời bắt đầu mưa, làn gió lạnh đã xô chị vào gầm tủ, tại đây nếu không né kịp thì chị đã bị một cây kim gút ám hại. Cái căng chân nhỏ xíu nhưng nhọn hoắt nhưng thừa sức làm chị toi mạng. Nghe chú Con Quay gọi, chị Bóng vội rời gầm tủ, lê tới gần cửa. Sau cái gương sáng của bác Đền xếp, vật nào cũng tỏ ra biết hy sinh cho vật khác. Chị Bóng bay ham làm việc thiện hơn tất cả vì chị biết mình chả còn ở đây lâu, chưa biết xẹp lúc nào. Chính cây chổi sẽ đưa tiễn chị tới nơi an nghỉ cuối cùng là cái giỏ rác. Ra đi như thế mà không để lại một kỷ niệm đẹp nào thì tệ quá. Dựa theo chiều xô đẩy của hướng gió, chị Bóng bay tự để cho mình va chạm vào chân ông Bàn rồi nhảy phắt ra ngoài hiên.

Chị thấy ở đó một chàng Guốc Mộc, đang đứng dầm mình trong mưa và nước nở khóc.

Lập tức, chị Bóng bay thông báo cho mọi vật trong phòng. Chàng Guốc nghẹn ngào vẫn chưa nói được. Bóng bay hỏi gặng mãi:

- Sao anh khóc?

Một lát sau, Guốc Mộc mới trả lời:

- Chị không biết gì sao?

- Chuyện gì vậy?

- Chị có bao giờ thấy tôi đứng một mình chưa?

Chị Bóng bay như hiểu ra:

- À, phải. Thế còn anh kia đâu? Sao anh lại đứng một mình? Bao giờ tôi cũng thấy hai anh có đôi như bóng với hình mà?

- Trên đời chắc có ít vật thân nhau như chúng tôi?

- Đúng vậy.

- Thế mà thằng kia bỏ tôi, đi rồi đó.

Chàng Guốc lại nghẹn ngào. Nỗi cô đơn của chàng chắc ghê gớm lắm. Chị Bóng bay giữ yên lặng trước nỗi khổ đau của Guốc. Đó là thái độ vừa lịch sự vừa khôn ngoan. Quả nhiên, sau đó, chàng Guốc kể lể hết:

- Thằng kia với tôi giống nhau như anh em sinh đôi. Chúng tôi là bạn thân. Tôi biết tính nó, suốt ngày nó chỉ mơ được phiêu lưu.

- Chuyện đó có gì xấu?

- Vâng. Nó muốn phiêu lưu quá khả năng của nó. Nó say mê nghe chuyện các bác Giày, bác

Dép. Nó muốn được đi khắp nơi như họ. Thế mà, chị biết đấy, nhiệm vụ của chúng tôi là chỉ đi quanh quần trong nhà, ngoài sân, hoặc xuống bếp. Tôi thích cuộc đời quanh quần nhàn hạ. Trời cho sức mình đến đâu thì mình làm đến đó. Tôi khuyên nó nhiều lần nhưng nó không chịu. Cả ngày nó nằm mơ tới những chân trời xa lắc, những con đường trải thảm nhưng theo lời bác Giày kể. Tôi nghi bác ấy thêu dệt nhiều, nhưng thằng bạn tôi thì tin lắm. Có lần, nó điều đình với một bác Dép, đứng thế vào chỗ bác. Nó hy vọng ông chủ sẽ làm lẫn và vốn đang trí, ông sẽ lờ nó đi khắp nơi. Nhưng ông chủ vừa đặt chân lên nó là biết liền, làm gì được! Tội nghiệp, nó thất vọng quá, ù xù, trong một tuần bị đứt quai hai lần. Mưa ngớt nên những lời chàng Guốc kể các vật trong phòng đã nghe rõ. Giày, Dép khúc khích cười. Ông Cung Tên nạt ngay:

- Đừng kiêu căng thế.

Giày, Dép im lặng, nhưng vẫn cười thầm. Đối với chúng, lũ Guốc thật là quê mùa cục mịch, vậy mà lại có một tên quê mùa học đời phiêu lưu. Thật là lố bịch. Chàng Guốc kể tiếp:

- Càng ngày, sự mơ ước được phiêu lưu càng khiến nó ngơ ngẩn. Nó bảo muốn cái thân nó được mòn đi ở những nơi xa lạ. Cái mặt đất quen thuộc này đã khiến nó mòn mắt gần nửa cuộc đời rồi.

- Hôm nay, trời mưa to, chúng tôi đứng ngoài hiên, tiện thể tắm luôn. Lúc nãy đột nhiên nó nhìn thấy dòng nước chảy trên đường mương. Đường mương đầy, nước chảy xiết. Nó hỏi bác Giày: "Nước chảy về đâu?". Bác Giày cho biết nước chảy đi khắp nơi. Ấy thế là nó hét lên: "Dịp may của ta đã tới". Rồi nó hỏi tôi: "Đi không?". Tôi hỏi lại: "Đi đâu?". Nó có vẻ khoái trá: "Đi khắp bốn phương trời". Tôi chưa kịp lên tiếng cản ngăn thì nó đã nói: "Tao biết! Mày nhát như cáy, mày đâu có dám rời cái xó bếp. Thôi mày cù lằn mày cứ việc ở lại, ông đi phiêu lưu đây". Ấy thế là nó nhào ngay xuống đường mương, nước cuốn nó đi băng băng, thoáng một cái chả thấy nó đâu nữa.

Chàng Guốc lại ngậm ngùi. Giây phút chia ly kinh hoàng ấy thật ghê gớm. Chàng không hiểu sao tên bạn thân của mình lại có thể mang một tâm hồn sắt đá như thế. Guốc hỏi chị Bóng bay:

- Chị đã từng được lên cao, đi xa, chị có biết dòng nước chảy về đâu không?

- Nước chảy ra sông, sông về biển.

- Không biết giờ này nó đã ra tới biển khơi chưa?

Một bác Giày xen vào:

- Làm sao mà ra tới biển!

- Tôi thấy nó đi lẹ lắm.

- Lẹ cũng chưa chắc đã ra tới sông. Chưa biết chừng hấn bị mắc kẹt ở đường cống nào rồi.

Xưa nay có ai đại đột phiêu lưu theo cái kiểu kỳ cục vậy.

Chàng Guốc lặng thinh. Tưởng chàng đã nguôi thương nhớ, chị Bóng bay dựa theo một làn gió, bay vào phòng. Nước mưa làm chị thấy lạnh. Bỗng Guốc lên tiếng, giọng rất bình tĩnh:

- Bác Dép ơi! Đời tôi như thế này kể là tàn rồi phải không?

Dép hốt hoảng:

- Sao anh lại nghĩ vậy?

Chàng Guốc cay đắng:

- Thôi, bác giầu tôi làm gì. Chúng ta dù sao cũng có họ hàng xa gần với nhau. Số mệnh của chúng ta chả khác nhau mấy. Một chiếc dép, một chiếc guốc chỉ còn một mình trên đời là hoàn toàn vô dụng, không sớm thì muộn tôi cũng bị đưa về nghĩa địa thùng rác.

Bác Dép lúng túng. Chị Bóng bay vội lên tiếng:

- Anh Guốc nghĩ quẩn rồi. Phải can đảm lên chứ.

Guốc vẫn điềm tĩnh:

- Tôi có sợ hãi gì đâu. Nếu thằng kia không bỏ đi tôi sẵn sàng chăm chỉ làm bổn phận cho đến khi mòn quá nửa thân mình. Các bác biết đấy, suốt từ ngày về đây chưa bao giờ tôi chịu đứt quai. Nhưng bây giờ tình thế khác hẳn. Một chiếc guốc cô đơn là chiếc guốc hoàn toàn vô dụng. Tôi tự coi như đã bị tàn phế.

Chị Bóng Bay lúng túng nốt. Các vật trong phòng xúm lại an ủi Guốc, nhưng không ai bác bỏ

được những điều Guốc suy nghĩ. Số phận một chiếc Guốc cô đơn rõ rệt quá!

Guốc đột ngột gọi to:

- Cự Sách ơi! Tôi nghĩ đúng phải không?

Không có tiếng cự Sách trả lời. Guốc gọi to hơn, vẫn im lặng. Ông Tủ vùi nói:

- Cự Sách ngủ say rồi.

Ông Bàn cầu nhàu:

- Sao lại cứ phải hỏi cự Sách. Làm như cái gì cự ấy cũng biết.

- Trường hợp của tôi chắc có ghi rõ trong lòng cự ấy.

Ông Bàn vẫn công kích:

- Ôi chao! Chắc gì ở cái lão gàn ấy. Tôi hỏi bác, có biết bao điều rắc rối mà cự Sách không kịp ghi trong lòng? Chẳng hạn như các bác không có cái chân nào sao các bác được đi cùng khắp, còn tôi sơ sơ cũng có tới bốn cẳng mà đứng đâu đứng đó, cả năm chả nhích được một phân.

Sự đời là vậy. Ta cứ can đảm chịu đựng số phận là quý nhất. Ông Cung Tên lên tiếng:

- Chuyện gì rồi cũng quen cả, anh Guốc ơi. Sự cô đơn mới đầu có vẻ ghê gớm sau cũng tầm thường. Anh chịu được những phút đầu là chịu được mãi.

Mưa dần dần trở lại nặng hạt. Tiếng chàng Guốc lẫn trong tiếng mưa reo trên mái ngói.

- Xin cảm ơn quý vị đã có lòng thương mà khuyên bảo. Thực ra, tôi đâu có sợ sự cô đơn, tôi chỉ thất vọng vì bỗng dưng mình thành vật vô ích. Phải đứng cạnh thằng kia đời tôi mới có ý nghĩa, số mệnh đã xếp đặt như vậy. Tôi rất ghét phiêu lưu, không muốn làm việc ngoài khả năng, phạm vi mình. Nhưng tôi phải đi tìm thằng bạn, dù nguy hiểm cũng phải đi tìm. May mắn gặp lại nó, chúng tôi trở lại là đôi guốc có ích. Nếu không gặp lại nó, tôi cũng yên tâm rằng những ngày cô đơn tôi không sống như một kẻ tàn phế. Xin vĩnh biệt quý vị.

Nói xong, chàng Guốc lặng lẽ phóng mình xuống đường mưa. Dòng nước lại cuộn cuộn kéo đi một chàng Guốc phiêu lưu. Chàng biến mất rất nhanh trong mưa mù và bóng tối.

Mọi vật trong phòng sững sờ. Họ ngẩn ngơ im lặng, lặng nghe tiếng nước, tưởng theo dõi được tiếng thân chàng Guốc trôi bập bênh trên sông.

Hai đêm chứng kiến liên hai thảm kịch, bông hoa trên bàn rũ xuống như sắp tàn.

Bống có tiếng thở dài:

- Tội nghiệp!

Đúng là tiếng cự Sách. Mọi vật nhao nhao lên:

- Cự Sách thức.

- Ê! Lúc này cự Sách giả vờ ngủ.

Ông Bàn cầu nhàu:

- Nay ông lão gàn. Sao lúc này ông không trả lời anh Guốc, còn vờ ngủ, chơi xấu vậy hả?

Giọng cự Sách trầm trầm:

- Anh Guốc đã nghĩ đúng. Tôi muốn an ủi anh ấy thì phải nói dối. Một quyền sách tự trọng như tôi không có quyền nói dối. Tôi đành phải im lặng.

Ông Cung Tên nói:

- Cũng là phiêu lưu, nhưng cuộc phiêu lưu trước là do sự tò mò, háo thắng, đại dốt. Cuộc phiêu lưu sau do ý muốn tìm ý nghĩa cho đời mình. Chúng ta không thể cản chàng Guốc được.

Có đôi dép tí hon nằm dưới gầm tủ rụt rè lên tiếng hỏi cự Sách:

- Cự Sách ơi. Bây giờ họ ra tới biển chưa?

Cự Sách dịu dàng:

- Chưa đâu. Chắc họ mới gặp nhau và hẹn hò nhau cùng bơi ra sông, các cháu ạ.

Cơn giận của bác đồng hồ

Chị Bóng bay hoàn toàn kiệt sức. Sinh lực của chị chỉ còn là một chút không khí lớn bằng anh Bóng đèn. Thân thể chị mềm nhũn, suốt ngày nay chị nằm liệt dưới chân ông Bàn. Những làn

gió nhẹ không làm chị nhúc nhích được.

Chị Bóng bay sống bằng không khí, chị đã hết thời bay bổng rồi. Chung quanh chị là bầu không khí bao la, nhưng chị vẫn gặp đại họa vì thiếu chất dinh dưỡng ấy. Vật ít thông minh như ông Bàn mà bây giờ hiểu sự cần thiết của những bàn tay từ thiện cấp cứu.

Quá nửa đêm không còn vật nào dám hy vọng chị Bóng bay sẽ qua khỏi. Chúng đoán rằng bình minh tới, chị sẽ chỉ còn bó da cao su không sót chút hơi nào để thở ra lần cuối. Chối sẽ rất buồn bã làm nhiệm vụ tiễn đưa một vật hết sức dễ thương. Giỏ rác đã dành một chỗ danh dự cho chị Bóng bay, mặc dầu nó hiểu tất cả những vật đến với nó đều bình đẳng tuyệt đối.

Chú con Quay dẫn dò Chối:

- Khi đưa chị Bóng bay ra giỏ rác anh nên đưa chị ấy một mình, đừng xếp chị ấy chung với rác rến, bụi bặm.

Chối đáp:

- Vậy thì mất công quá, nhưng tôi sẽ cố gắng. Chú bắn khoản làm chi. Đằng nào bụi bặm cũng gặp chị ấy ở giỏ rác.

Chú Quay sừng nín thính, nhưng chú giận lắm. Một lát sau chú Quay sừng bắt đầu gây chuyện.

- Này anh Chối, sao anh chọn cái nghề kỳ cục vậy?

Chối hỏi lại:

- A! Chú nhỏ này! Chú định phỉ báng nghề nghiệp của tôi đấy phải không?

Quay sừng đáp một cách lừng khừng:

- Tôi chẳng phỉ báng việc làm của bất cứ vật nào. Nhưng tôi xin thú thực, tôi không ưa nổi cái nghề đẩy mọi vật ra giỏ rác. Chắc thấy chị Bóng bay lâm nạn anh khoái lắm đấy nhỉ. Sắp có việc làm mà.

Chối cố nén giận:

- Chú nói năng cẩn thận một chút nghe, đừng có chọc tức tôi. Không có chị Bóng bay thì mỗi sáng tôi vẫn hoạt động như thường. Căn phòng này mà rời tôi ra vài ngày là mọi vật sẽ mặc áo mới, một cái áo toàn bụi. Hừ! Đẹp đẽ lắm đấy.

Quay sừng cầu nhàu:

- Anh khỏi kể công. Tôi chỉ muốn anh phân biệt bụi bặm và những vật chúng tôi mến thương chẳng may mắc nạn. Đừng xếp chị Bóng bay vào hàng ngũ bụi, khó nghe lắm.

- Tôi chỉ đưa ra một nhận xét thực tế: dù đi trước hay sau thì chị Bóng bay vẫn gặp lũ bụi nơi giỏ rác.

Chú Quay sừng nghe nhắc tới chuyện đó, nổi sùng:

- Bởi vậy, tôi xin nhắc lại, tôi không khoái cái nghề của anh.

Cuộc cãi vã giữa Chối và con Quay đã đến chỗ căng thẳng. Chối lắc lư muốn hất một ít bụi lên mặt Quay sừng. Trong khi đó chú con Quay sẵn sàng tiếp tục khiêu khích Chối, chú tin rằng Chối là một vật rất độc ác. Chưa vật nào trong phòng nói về chị Bóng bay bằng cái giọng tàn nhẫn như Chối.

Cụ Sách phải can thiệp:

- Này chú Quay sừng, chú chớ hiểu lầm anh Chối. Trên đời có những vật lo cho ta lúc đến thì cũng có vật lo cho ta lúc đi. Vật đón, vật đưa đều cần thiết và đáng quý, ta phải cảm ơn tất cả. Chú đừng trách anh Chối, anh ấy nói năng vụng về nhưng tốt bụng.

Cụ sách nói với Chối:

- Chú Chối cũng đừng giận Quay sừng, hấn thương chị Bóng bay quá nên mất bình tĩnh.

Nể lời cụ Sách, Chối và Quay sừng thôi nghinh nhau. Chối về một góc nhà đứng lặng thinh.

Quay sừng tiếp tục quay xung quanh chị Bóng bay, theo dõi bệnh tình của chị, để báo cáo cùng mọi vật trong phòng.

Ông Bàn cầu nhàu:

- Suốt buổi chiều cậu bé ngồi bên tôi học bài. Chị Bóng bay nằm ngay dưới chân tôi, sao chẳng lê tới chân cậu ấy nhắc nhở. Cậu bé biết, chị sẽ thoát nạn ngay mà.

Anh Ghế nói:

- Lúc ấy chị Bóng bay yếu quá rồi, có muốn lê đi cũng chẳng nổi.

Đêm lạnh lẽo và ẩm ướt. Từng đợt sương mong manh lảng đãng trôi qua khung cửa sổ. Chị Rèm cửa cảm thấy thân mình nặng trĩu. Bình mực thủy tinh tưởng như cả căn phòng cô đơn giống như chiếc thuyền nhỏ lạc trong biển sương. Khung cửa sổ in hình trên bình mực chỉ là một khoảng đen đậm. Bình mực bâng khuâng nhớ chị Hằng ở một nơi thật là xa. Trừ Bình mực mơ mộng và đấng trí, mọi vật trong phòng đều chú ý tới hoàn cảnh bi đát của chị Bóng bay.

Tất cả cố giữ im lặng để tỏ sự tôn trọng nỗi khổ của vật khác. Ông Tủ cũng đang bị bệnh một gặm trong xương. Ông muốn than thở chuyện đó với ông Bàn, kẻ đồng bệnh, nhưng không dám.

Sự chịu đựng trong im lặng khiến ông Tủ phiền lòng. Rồi ông cảm thấy cần gây gỗ với bất cứ vật nào:

- Này bác Đồng hồ, sao cứ kêu tích tắc hoài vậy?

Ông Tủ vốn hiền hoà. Đồng hồ không ngờ ông đang giận nên trả lời một cách vui vẻ, đùa cợt:

- Tim tôi đập đó ông ơi.

Ông Tủ gằn giọng:

- Hãy bảo trái tim nhà bác câm đi. Trong khi tất cả yên lặng, bác cứ tích tắc, nghe vô duyên lắm.

Đồng hồ kinh ngạc:

- Ô hay! Tôi làm bỗn phận của tôi mà.

Bông hoa trên bàn hét lên:

- Bỗn phận của bác độc ác lắm. Bác tích tắc, tích tắc xua đuổi thời gian tiến tới để dòng họ hoa chúng tôi chóng tới lúc già nua tàn héo. Chính bác là nguyên nhân của mọi thảm họa, chúng tôi thù bác.

Thì ra Hoa vẫn thù Đồng hồ từ lâu, nay được dịp cô ả đứng ngay về phía ông Tủ.

Đồng hồ bào chữa:

- Tôi làm việc một cách máy móc thật nhưng tôi đứng đắn, không có ý hại ai bao giờ.....

Được dịp thoát khỏi bầu không khí im lặng nặng nề, mọi vật nhao nhao lên tranh nhau nói.

Không vật nào bênh vực bác Đồng hồ. Cuốn Lịch tố cáo:

- Nhất định bác Đồng hồ có gian ý, một tờ lịch cũ của tôi đã than thở nhiều chuyện ấy. Hẳn bảo rằng hẳn sinh ra vào đúng một ngày lễ, hẳn có một ngày tuyệt vời, nhưng bác Đồng hồ ghen tức, bác ấy tích tắc nhanh hơn thường lệ để ngày riêng của tờ lịch chóng hết. Trước khi rút xuống tờ lịch còn dạn dò tôi là đừng bao giờ tin tưởng ở sự liêm chính của bác Đồng hồ.

Anh Điều giầy mới tới, nằm trong gấm tủ góp lời:

- Trường hợp của tôi thì ngược lại. Sáng hôm qua, tôi mong cho chóng tới chiều để được bay bổng, nhưng bác Đồng hồ cố tình tích tắc thật chậm, kéo thời gian chạy chậm lại để trêu tôi.

Ông Bàn cầu nhàu:

- Tôi không cần biết Đồng hồ làm việc nhanh chậm ra sao. Nhưng trong trường hợp mọi vật buồn bã, im lặng thế này mà anh ta cứ thản nhiên tích tắc, nghe không được tí nào. Tôi đồng ý với nỗi bất bình của ông Tủ.

Riêng chú con Quay thì hoàn toàn mất bình tĩnh. Nghe nói có vật xua kéo thời gian làm hại vật khác, chú phóng ra giữa nhà, xoay tít, lớn tiếng.

- A! Chính bác Đồng hồ xua thời gian chạy nhanh hơn để chị Bóng bay chóng xẹp lép phải không? Vậy mà tôi cứ ngu dại tin tưởng vào cái bụng đầy máy móc chính xác của bác. Nếu bác rời nóc tủ xuống đây chắc chắn tôi sẽ lao thẳng vào thân bác, cho bác vỡ mặt ra.

Lời khiêu khích, thách thức của Quay sừng quả là hơi quá đáng. Cụ Sách, ông Cung định can thiệp, nhưng không kịp. Bác Đồng hồ nói một cách rất bình thản:

- Quý vị hiểu lầm tôi rồi. Để chứng minh sự ngay thẳng của tôi, tôi sẽ ngừng chạy. Rồi quý vị coi....

Sự bình thản che dấu một cơn giận khủng khiếp. Nói chưa dứt câu, bác Đồng hồ nhảy thẳng từ nóc tủ xuống nền nhà. Mặt kính nứt ra, cây kim dài cong đi và ruột gan bác lộn tung phèo hết cả.

Bác nằm bất động, những tiếng tích tắc biến mất.

Tiếng nói của mọi vật trong phòng cũng biến mất. Bông hoa lặng đi, cảm thấy nước trong bình, dưới chân lạnh ngắt. Ông Bàn rùng mình kinh hãi làm ông Bút và Bình mực thủy tinh sụt lộn nhào. Chú Quay sừng đảo một vòng rồi lúi lúi trở về đứng bên cạnh chị Bóng bay không dám hó hé.

Không còn tiếng tích tắc, mọi vật lắng nghe tiếng thời gian đi qua. Chú Quay sừng thấy chân thời gian trên mình chị Bóng bay. Bông hoa cảm thấy chân thời gian nặng trĩu trên một cánh sắp tàn của nó. Bình mực thấy thời gian cạp kè những làn sương mỏng bước qua cửa sổ. Và ông Tủ, vật phiên trách bác Đồng hồ đầu tiên cũng không còn nghi ngờ chi nữa. Thời gian đang đồng loạt với lũ mọi, gặm nhấm thân thể ông một cách đều đặn, bền bỉ.

Ông Tủ nói với Đồng hồ:

- Xin lỗi bác, chúng tôi hàm hồ ngu dại quá. Chắc bác bị thương nặng lắm?

Đồng hồ nói nhỏ:

- Đừng chú ý tới tôi. Hãy ngắm thời gian đi, ngắm thật kỹ.

- Chúng tôi hiểu rồi mà.

Mọi vật cùng cất tiếng xin lỗi Đồng hồ. Khi đó, Đồng hồ mới bớt giận:

- Quý vị thấy đó. Tôi chẳng hề có liên lạc riêng tư gì với thời gian. Công việc của tôi chỉ là đếm....Nhiệm vụ của tôi nào có khác gì ông Lịch, chỉ tỉ mỉ hơn một chút mà thôi. Tôi không gian lận ngày vui hay phá phách những kẻ mong chờ.

Chú Quay sừng ân hận, bỏ chị Bóng bay, chạy quanh bác Đồng hồ:

- Bác bị thương nặng quá.

Đồng hồ mỉm cười tha thứ:

- Không sao! Chỉ cần được săn sóc một chút tôi hoạt động điều hoà lại ngay.

Ngừng một lát, bác nói tiếp:

- Bây giờ tôi có cố gắng chạy lại cũng vô ích, thời gian bỏ tôi một quãng khá xa rồi. Có điều thật đáng tiếc là sáng mai tôi không thể gõ chuông kêu chú bé dậy sớm.

“Chú bé dậy sớm” đó là nguồn hy vọng mong manh cuối cùng của mọi vật. Bình minh tới, nếu chú bé còn ngủ thì chị Bóng bay không thể nào sống sót được.

Nhưng sau cơn giận, sau cái nhảy tai hại, bác Đồng hồ mất hẳn khả năng gõ chuông.

Mọi vật vô cùng lo âu nghĩ tới buổi bình minh tới trong lặng lẽ.

Điều giấy mắc nạn

Cuộc sinh hoạt của đồ vật đêm nay mở màn sớm hơn thường lệ. Quả thật đã có nhiều điều xui xẻo xảy ra trong thế giới của chúng. Nơi gầm tủ kể từ nay đã vĩnh viễn vắng mặt anh Điều giấy. Anh ta là vật có cuộc đời sôi nổi, phiêu lưu nổi tiếng. Anh đã đem tính mạng mình treo đầu sợi chỉ. Chiều nào anh cũng bay lượn lửng lơ giữa bầu trời xanh, vẫy vùng trong gió. Đêm về, anh mệt, thường ngủ bù hoặc im lặng sống cuộc đời riêng. Anh có vẻ ích kỷ và hơi kiêu căng. Anh Điều giấy đã gặp nạn! Nhưng mọi vật trong phòng không hiểu kẻ bay cao ấy thọ nạn thế nào?

Cuộn chỉ được coi là vật kể chuyện hấp dẫn, đáng tin nhất. Bởi vì, chỉ có mình nó chứng kiến tai nạn và ở bên anh Điều giấy những giây phút chót.

Cuộn chỉ nằm trên bàn, thỉnh thoảng lăn qua lăn lại cho thêm phần quan trọng. Ông Bàn gọi chuyện trước:

- Tao nghi chính mày có lỗi to nhất trong việc làm hại anh Điều giấy.

Cuộn chỉ cãi ngay:

- Cháu không có lỗi gì hết.

- Không có lỗi? Chắc chỉ của mày đứt rồi anh ấy bị gió lôi đi mất tích chứ gì. Cái lũ chỉ chúng mày bờ bưng bực, mày giữ anh Điều nào là anh Điều ấy bị gió bắt cóc mất tiêu.

- Ông Bàn kết tội hồ đồ quá. Ông phải biết cháu là một trong những cuộn chỉ dai nhất. Gió to tới bậc nào cháu cũng níu anh Điều lại được. Vả lại, chúng cháu lên cao xuống thấp có nhau, thân thiết như tình ruột thịt, đời nào cháu lại chịu cho gió bắt cóc anh ấy. Thú thực với ông chưa có anh Điều giấy nào được cháu quý như anh này. Thân thể anh ấy cân đối, vững vàng, gặp một chút gió là bay bổng.

- Thế sao anh ấy gặp nạn?

- Thì ông để từ từ, cháu phải nhớ lại mọi chuyện rồi mới kể được.

Ông Bàn đành im lặng nhưng vẫn hậm hực.

Cuộn chỉ lăn qua lăn lại thêm vài vòng, rồi bắt đầu tường thuật nội vụ:

- Chiều hôm nay gió to, cậu bé đem anh Điều giấy đi thả sớm. Như mọi lần, cậu vào công viên, nơi đây có bãi cỏ rộng. Anh Điều giấy no gió bốc thẳng lên trời. Tôi (lời cuộn chỉ) níu kéo anh ấy thật là mệt. Cái đuôi ba màu của anh ấy bay phớt rất đẹp. Những hôm Điều no gió chỉ có cái thân làm cuộn chỉ chúng tôi là khổ. Chịu không nổi để anh Điều bay đi mất thì thật mang tiếng xấu muôn đời. Nhưng bù lại, anh Điều bay cao, chúng tôi cùng chung niềm kiêu hãnh.

- Tôi có bao nhiêu chỉ được mặc sức thả ra hết cho anh Điều tha hồ vùng vẫy. Anh lên cao hơn các anh Điều khác rất nhiều. Cậu bé hài lòng, vui cười suốt buổi.

- Thành linh trời đổ mấy hạt mưa cậu bé đành thôi thả, kéo Điều xuống ra về. Một chiều hoạt động như thế kể cũng là nhiều rồi.

- Khi chúng tôi về gần tới nhà, mưa chợt tạnh, mây đen tan dần. Gió lại nổi lên, rất hấp dẫn, nhưng ngại trở lại công viên, sợ gặp mưa thành linh, cậu bé đưa chúng tôi lên sân thượng. Anh Điều lại được tung ra. Nhưng gió trong thành phố vướng nhà cửa thổi không đúng chiều nhất định. Anh Điều chưa kịp lên cao đã đảo hai vòng và đâm đầu ngay xuống, mắc tòn ten giữa những sợi dây điện....

Các vật trong phòng ò lên một tiếng, xôn xao vì cái tai họa bất ngờ. Cuộn chỉ bùi ngùi tiếp:

- Quý vị nào có dịp ra khỏi nhà thì biết đấy. Đường phố đầy dây điện, chỗ nào cũng có, nhà cửa lại san sát, thật chả có chỗ nào đủ rộng cho một anh Điều cất cánh, hạ cánh an toàn. Phải bay nhảy trong thành phố là một điều vô cùng nguy hiểm, mất mạng như chơi.

- Ngay khi anh Điều mắc trên dây điện cậu bé đã tìm cách cứu ngay. Nhưng cái đuôi của anh ấy dài quá. Cứ mỗi lần gió thổi cái đuôi lại quấn thêm một vòng vào dây điện. Điều giấy lại bị trói chặt vào đó.

- Cậu bé liều lĩnh và đại dột kéo mạnh một cái. Ấy thế là hai sợi dây điện được dịp chạm nhau. Như mọi vật biết đấy, bọn dây điện đâu có ưa gì nhau. Vừa chạm mặt là chúng hét lên, lửa xanh, lửa đỏ tung toé. Chỉ đứt luôn! Cậu bé cầm tôi chạy thẳng, anh Điều bị giam cứng trên đó.

- Tôi vẫn hy vọng một lúc nào đó anh được gió vô tình gỡ ra. Nhưng buổi tối mưa to. Tôi thực tình không biết số phận anh Điều ra sao, nhưng anh ấy khó lòng thoát nạn.

Cuộn chỉ không lăn qua lăn lại, đứng im lặng ngậm ngùi. Bỗng ở góc nhà, có tiếng nói:

- Anh Điều giấy tan xác rồi.

Đó là tiếng bác Ô đen. Chiều qua bác về nhà trễ nhất. Bây giờ bác Ô đen kể:

- Tôi đi với ông chủ nên về trễ. Tôi thấy anh Điều giấy nằm chết cứng trên dây điện, đuôi anh ấy đứt hết. Một bên cánh chỉ còn trơ cái xương tre, trận mưa to đã tàn phá anh ấy hoàn toàn rồi.

Mọi vật cùng hướng về phía gầm tử nơi trước kia Điều giấy vẫn nằm. Nơi đó trống không buồn bã. Nhiều vật trước kia có chuyện xích mích với Điều giấy đều cảm thấy ân hận. Đáng lẽ phải cư xử tốt với anh ta. Một vật luôn luôn bay lơ lửng trên trời đâu có hứa hẹn ở với ta lâu dài.

Muôn vàn nỗi tiếc thương lúc này cũng là vô ích. Chỉ có niềm vui đem đến cho anh ta trước đây mới thật là quý giá đáng kể.

Ông Bàn lại càu nhàu:

- Lỗi hoàn toàn ở cậu bé.

Cụ Sách thở dài trong tủ:

- Hồi này cậu bé ít hỏi ý kiến tôi. Cậu ấy ham chơi quá rồi.

Ông Bàn vắn cụ Sách:

- Xin lỗi cụ, trong lòng cụ làm gì có ghi cái vụ cứu chiếc Điều giấy bị mắc trên dây điện?

Cụ Sách điềm nhiên:

- À, điều đó dĩ nhiên là không. Nhưng tôi dạy cậu ấy rằng không bao giờ được thả diều trong thành phố.

Lão dao sắc

Dù không có tiếng chuông đồng hồ báo thức, sáng hôm sau, chú bé vẫn dậy sớm do thói quen. Đúng ngày chủ nhật, chú nghĩ tới đám đồ chơi ngay khi vừa bừng tỉnh. Nhờ vậy chị Bóng bay đã được cứu. Bác Đồng hồ cũng được đưa đi bệnh viện. Trước khi lên đường, bác vui vẻ chào tất cả và hứa hẹn sẽ tái ngộ trong một ngày rất gần, khi bác hoàn toàn bình phục.

Bác Đồng hồ không còn giận bất cứ vật nào, kể cả chú con Quay. Bác hy vọng trong tương lai có thể đếm thời gian một cách chính xác hơn nữa.

Chị Bóng bay tròn trịa, da dẻ trong veo, chị được buộc bằng một sợi chỉ trắng rất chắc. Sinh lực của chị không thoát ra ngoài một cách phí phạm như trước. Ông Cung tin chắc rằng ít nhất chị có thể khỏe mạnh một tuần liền.

Lão Dao sắc được chú bé đem từ nhà bếp lên để cắt sợi chỉ buộc chị Bóng bay, bị chú bé quăng trong gầm tủ.

Lão Dao có cái mũi nhọn hoắt và cái lưỡi sáng loáng, mỏng tanh. Lão chỉ chạm nhẹ vào chân mà ông Tủ bị thương ngay. Tủ giận, lão Dao xin lỗi rồi rít. Nhưng chỉ một lát sau, lão nói nhỏ với bác Đinh già nằm cạnh:

- Gớm, thân thể họ mềm quá sức. Mới chạm một chút xíu mà đã kêu la ầm ĩ.

Giọng nói của lão Dao đầy vẻ ngạo mạn khinh thị.

Bác Đinh già nói:

- Họ bằng gỗ mà, làm sao so bì được với chúng ta.

Bác Đinh già cũng hơi kiêu hãnh vì chất thép của mình. Đã lâu lắm bác không được nghe ai nhắc nhở tới nguồn gốc cứng chắc ấy.

Cảm thấy thương mến bạn mới, bác Đinh già nói:

- Tuy nhiên, bạn nên cẩn thận. Chúng ta dễ bị bệnh sốt vàng da, nhất là khi ở lâu trong cái gầm tủ ẩm ướt này. Trước kia tôi còn sáng sủa hơn bạn nữa, nhưng vì chẳng hoạt động gì...

Lão Dao có vẻ không chú ý tới lời báo động của bác Đinh già. Trên thân thể lão không hề có một dấu vết nhỏ của cái bệnh quái ác mà bác Đinh sợ. Nhưng nơi không sáng loáng, da lão đen như mun.

Bác Đinh thao thao kể lại những cuộc phiêu lưu của mình. Lão Dao im lặng, nhưng khó mà biết lão có chú ý nghe hay không. Khi bác Đinh hỏi về cuộc đời lão Dao, lão chỉ đáp ồm ờ, nhát gừng. Bé Đinh ốc ham nghe chuyện phiêu lưu rất chú ý vào những câu nói của Dao, nhưng cũng chẳng biết gì hơn rằng lão Dao là một trong những con dao rất sắc bén và ham hoạt động.

Sau đó, suốt một ngày liền, lão Dao giữ im lặng. Đến nỗi bác Đinh già nói với chú Quay sừng:

- Đây là một vật hết sức hiền từ.

Đêm hôm sau, lão Dao bỗng tỉnh táo như vừa ngủ một giấc dài thức dậy. Lão hỏi bác Đinh già:

- Trong phòng này có bao nhiêu vật gốc bằng thép, cứng cáp như tôi với bác?

Bác Đinh đáp:

- Không nhiều lắm. Ngoài tôi ra có chiếc xe hoả, bé Đinh ốc, chân của chú Quay sừng. Bác Đồng hồ thì đi nằm nhà thương rồi....

Bác Đinh chưa kể hết, lão Dao đã rời gầm tủ, tiến ra giữa nhà. Dao xoay một vòng. Ánh nền phản chiếu trên thân lão lấp lánh. Bốn phía tường như vừa có những làn chớp nhỏ xẹt qua. Vùng không khí quanh lão Dao bỗng lạnh ngắt.

Hai cô Nén hồng đang chập chờn kinh ngạc. Dao đã tới bên các cô, nói bằng một giọng vô cùng êm ái:

- Tôi giúp các chị tách làm hai nhé?

Nến hồng ngờ ngác không hiểu. Lão tiếp:

- Một nến sẽ thành hai nến. Mỗi chị Nến hồng sẽ có hai ngọn lửa, họ nhà nến sẽ đông gấp đôi. Giọng nói của lão Dao vừa dịu dàng, vừa chân thành. Một cô Nến hồng hỏi lại:

- Ông làm vậy được sao?

- Nghề của tôi mà.

Nói dứt câu, Dao lao tới, soạt một cái, lão cắt đôi cô Nến hồng. Nửa thân nến trên rớt xuống lão đảo mãi mới đứng vững được. Lão Dao nói thật to:

- Xong rồi đó, thật dễ dàng, giản dị biết bao. Hãy sáng lên chứ, hãy tiếp lửa cho bạn nến mới của chúng ta.

Quả nhiên cô Nến hồng vừa bị Dao cắt sáng gấp đôi. Cô có tới hai ngọn lửa. Vật nào cũng có cảm tưởng là cô đang kiêu hãnh vì sự tiến bộ bất ngờ này.

Cô Nến hồng thứ hai náo nức:

- Trời ơi! Sao ông Dao tài quá vậy?

Cô ta vừa nói dứt câu, lão Dao đã xẹt tới. Tức thì cô này cũng có hai ngọn lửa sáng rực rỡ.

Lão Dao xoay một vòng. những làn chớp xẹt quanh bốn phía, tường trắng hơn, không khí quanh Dao lạnh hơn.

Dao nói to, giọng vẫn vui tươi êm đềm:

- Tôi sẵn sàng giúp đỡ tất cả nhà họ nến tách làm hai. Tôi phục vụ miễn phí, cam đoan không đòi hỏi điều gì.

Trước hai cô Nến hồng – bây giờ đã hóa bốn – sáng rực rỡ với bốn ngọn lửa, họ hàng nhà nến đều cảm thấy sung sướng như được dự một ngày hội bất ngờ. Từ những chàng Nến trắng cao lớn nhất tới những mẫu nến nhỏ nằm trong lòng anh đèn Ông sao đều đến trước lão Dao, xếp hàng rất trật tự và chờ đợi.

Trong khoảng khắc lão Dao đã làm cho tất cả họ nhà Nến hài lòng. Thế là căn phòng này đột nhiên có một số nến đông đảo lạ thường. Mỗi ngọn nến vừa tách ra làm đôi đều thấp lên hai ngọn lửa để tự thưởng thức sự rực rỡ của mình.

Căn phòng có tới sáu mươi ngọn lửa. Chưa có ngày lễ nào cần tới một số ánh sáng đông đảo đến như vậy.

Lão Dao xoay mình tới ba vòng. Lần này những tia chớp lão phản chiếu trên bốn phía tường có lẫn cả màu xanh biếc.

Họ hàng nhà nến đồng thanh:

- Xin cảm ơn Dao đã đem thêm nhiều ánh sáng lại cho chúng tôi.

Hầu hết các vật trong phòng đều sững sờ kinh ngạc về sự tài tình của lão Dao. Lưỡi Dao sáng loáng biến thành một cái gì thật lời cuốn.

Bông Hoa cung kính nói:

- Tôi cũng muốn biến thành hai bông Hoa.

Anh Điều giấy mới nằm không yên trong gầm tủ:

- Có thêm một cánh điều để cùng bay lượn bên nhau mỗi buổi chiều thì thật là tuyệt. Ông Dao giúp tôi với.

Bác Ô đen, anh Ghé, đoàn xe bằng nhựa, Bình mực thủy tinh, chị Vở quăn góc...v.v...tất cả đều nhao nhao:

- Ông Dao nhớ giúp chúng tôi. Đừng có quên tách dùm bọn này ra làm hai đấy nhé.

Chỉ có một mình ông Bàn cầu nhàu:

- Tôi cũng khoái tách làm hai. Có thêm một tên Bàn nữa chứa bớt mấy vật lảm cẩm tôi cũng đỡ khổ. Nhưng tôi không khoái họ nhà Dao. Chúng nó chém vào mặt tôi nhiều lần rồi. Tôi không tin đó là những vật tốt bụng.

Chú Ngăn kéo nghe thấy vậy cũng cảm thấy yên tâm. Nếu phòng này có thêm một ông Bàn nữa thì cả ngày chú sẽ nghe những lời cầu nhàu, đâu có vui thú gì.

Trước những lời khẩn cầu của mọi vật, lão Dao bỗng đổi thái độ. Lúc này lão vồn vã sốt sắng với họ nhà nến, bây giờ lão chậm chạp, bình thản. Dao tới gần bông hoa, nhưng trong lúc mọi

vật chờ đợi một cách nóng nảy và Hoa hân hoan tưởng mình sắp được Dao tách làm hai, thì Dao quay đi, tiến đến bên anh Diều giấy. Bác Ô đen nói nhỏ:

- Giúp anh Diều giấy xong, bác phải lo cho tôi.

Nhưng Dao lại đột nhiên không chú ý tới Ô đen và Diều giấy, lão xoay qua đoàn xe bằng nhựa. Đoàn xe nhựa vội vã xếp hàng, cãi nhau chí chóe:

- Tao đứng số một.

- Làm gì mà chen lấn dữ vậy?

- Đừng có tranh nhau, tùy ông Dao muốn giúp vật nào trước thì giúp.

Dao lại quay đi, lão làm như cảm thấy thất vọng vì sự lộn xộn, vô trật tự của lũ xe hơi nhựa.

Đột nhiên Dao đứng khựng lại, xoay một vòng sáng lấp lánh và nói với ông Cung:

- Ông Cung là một trong những vật quý phái, già lão nhất phòng này. Tôi xin gắng sức giúp ông trước.

Ông Cung đáp một cách dè dặt:

- Xin cảm tạ hảo ý của ông. Tuy nhiên tôi chưa tin rằng việc làm của ông ích lợi và cần thiết.

Ông cho phép tôi suy nghĩ, tôi đang chờ ý kiến của cụ Sách.

Lão Dao hơi khựng một chút. Nhưng rồi lão quay đi, nói với mọi vật bằng giọng đầm ấm, vui tươi:

- Xin lỗi quý vị nhé. Tôi biết quý vị đang nóng lòng chờ đợi. Tôi càng chậm trễ thì quý vị càng thiệt thòi, càng chậm được hưởng những phút giây hạnh phúc của một cuộc đời mới. Những tháng ngày trước đây, dù hăng say phục vụ tôi vẫn bị nhiều vật oán giận vì đã chậm tách họ làm đôi. Nhưng xin quý vị thông cảm cho trong phòng này cụ Sách; ông Cung là những vật trưởng thượng chúng ta phải kính trọng. Tôi không dám quên lễ nghĩa, tôi cam đoan quý vị không phải chờ lâu.

Chú Quay sừng càu nhàu nhỏ nhỏ:

- Đã thế còn đọc diễn văn dài dòng nữa, sốt cả ruột.

Hình như lão Dao có nghe tiếng Quay sừng, nhưng lão vẫn bình thản.

- Thế nào các chị Nén hồng? Các chị hết vui rồi hay sao mà những ngọn nến bớt sáng như vậy?

Thực ra sáu chục ngọn nến vẫn sáng rực rỡ, căn phòng chưa có đêm nào sáng đến thế.

Nhưng nghe lời lão Dao, họ hàng nhà nến vội vàng đốt lửa lớn thêm và reo:

- Chúng tôi vui vô cùng. Cám ơn ông Dao nhiều lắm.

Bây giờ lão Dao mới tới bên cụ Sách:

- Thưa cụ, tôi hiểu rằng cụ cần được tách làm đôi nhanh hơn tất cả mọi vật trong phòng này.

Cụ Sách lưỡng lự:

- Có lẽ ông làm rồi.

Giọng lão Dao trầm xuống:

- Cụ thật là một vật can đảm và giàu tinh thần hy sinh mà tôi chưa từng gặp. Cái gáy cụ bị rách nát.

- Bị chuột cắn đấy. Cậu bé bỏ quên tôi dưới gầm tủ thành ra tôi gặp nạn. Nhưng cũng chẳng sao. Những cuốn sách về già thế nào cũng mắc cái bệnh rách gáy, như loài dao sốt vàng da và loài người thì bạc đầu.

Lão Dao ngậm ngùi:

- Tội nghiệp cụ quá. Vậy mà cụ còn phải chứa một số trang sách quá đông đảo, chắc cũng có tới bốn trăm trang?

- Bốn trăm hai mươi trang tất cả.

- Quá sức tưởng tượng? Với một cái gáy bị chuột gặm nát ra như thế kia làm sao mà cụ giữ cho những trang sách khỏi đi lang thang rồi thất lạc luôn?

- Dạ, thưa một cuốn sách tự trọng thì bao giờ cũng phải giữ gìn đủ từ trang đầu tới trang cuối và cũng phải bắt các trang đứng theo thứ tự trước sau đàng hoàng, không có lộn xộn được. Tôi đã dạy dỗ các trang sách rất kỹ điều đó nên không có chuyện đáng tiếc nào xảy ra.

- Cụ có bao nhiêu chương tất cả nhỉ?

- Dạ, hai chục chương tất cả.

Lão Dao xuyết xoa như cảm phục lắm:

- Thừa cụ, thế thì chúng tôi lại xin phép tỏ sự cảm thông xa xa với nỗi khó khăn của cụ. Chắc chắn mười chương đầu với mười chương cuối không ưa nhau. Chúng chia phe cãi lộn suốt ngày....

Cụ Sách kinh ngạc:

- Úa! Sao ông biết chuyện đó?

- Tuy là dao lớn nhưng không bao giờ tôi từ nan những công tác nhỏ. Vì vậy thỉnh thoảng tôi được dùng vào việc rọc sách, cuốn nào cũng có cái nạn chương nọ gây chuyện cãi lộn với chương kia.

Cụ Sách thì thầm:

- Chuyện lộn xộn xảy ra trong lòng mình, tôi vẫn phải giấu mọi vật trong phòng, sợ họ cười. Quả thực, chưa khi nào những chương sách của tôi chịu sống hoà thuận với nhau. Chúng chia làm hai phe, phe thứ nhất do chương thứ mười cầm đầu. Chương thứ mười một lãnh đạo phe còn lại gồm trọn nửa phần cuốn sách. Chương mười và chương mười một ở sát cạnh nhau nên luôn luôn có chuyện xích mích.

Cụ Sách chưa nói hết lời, bỗng một chương sách lên tiếng:

- Lỗi tại chúng nó cả. Luôn luôn chúng kể công rằng nhờ có bọn chúng mở đường người ta mới biết tới chúng tôi. Nếu không những chương về sau là đồ bỏ.

Đó là lập trường của chương thứ mười một.

Chương thứ mười phản công ngay:

- Láo khoét! Thừa ông Dao, chưa có vật nào hợm hĩnh kê căng như bọn chúng nó. Chúng chê bọn tôi, những chương sách đầu, là quê mùa thô kệch dốt nát. Chỉ có những chúng mới thực sự là bọn thông thái và bao nhiêu cái hay chúng nắm giữ cả. Thật là một bọn vô ơn.

Những chương sách sau chương thứ mười một nhao nhao lên:

- Đừng có hỗn.

- Tài cán chẳng được bao nhiêu, mà lại ưa kể công.

- Chương giỏi nhất của bọn bay còn thua chương hạng bét của chúng tao.

Mười chương sách kia đâu có chịu nhịn. Chúng chửi lại địch thủ là bọn mất gốc, vô ơn bạc nghĩa...

Cụ Sách hét lên nhiều lần, bắt hai phe im tiếng. Nhưng các chương sách cứ vừa phân trần với lão Dao vừa sỉ nhục, chọc tức nhau. Cụ Sách cũng kinh hoàng vì chưa bao giờ thấy chúng cãi lộn nhau dữ dội đến như thế. Chúng moi móc cả những lỗi in sai của nhau ra để giễu cợt, phỉ báng. Chương thứ mười bảo rằng chương thứ mười một đã được tác giả viết trong một cơn say tí bĩ. Còn chương mười một thì chê lại rằng chương mười ra đời trong lúc tác giả đang mắc bệnh khủng. Cả đến chương cuối, một chương thông thái nhất, cũng bị chửi là đồ không có hậu.

Cuối cùng, chương thứ mười hét lên:

- Tôi không thể nào sống chung với bọn kiêu căng vô lối được.

Chương thứ mười một quay ra nói với lão Dao:

- Xin ông giúp cho, tôi không còn muốn thấy mặt bọn dốt nát hỗn hào.

Cụ Sách hình như không có ý kiến nào sáng suốt nữa. Cụ mệt nhoài và gáy nứt ra thêm một đường dài.

Lão Dao nói to:

- Thế theo lời khẩn khoản yêu cầu của các chương sách cùng sự đồng ý của cụ Sách, tôi tách cụ Sách ra hai phía.

Dao xẹt tới một đường và hai nửa cuốn sách văng ra hai phía.

Cụ Sách, vật khôn ngoan cao quý nhất trong phòng đã tách làm đôi. Bấy giờ lão Dao mới bình tĩnh trở lại với mọi vật khác. Các vật náo nức xông xáo. Chúng không còn giữ trật tự nữa, chúng vây quanh lão Dao, tranh nhau xin lão giúp đỡ trước.

Lão Dao cắt bác Ô đen ra làm hai. Chỉ có phần vải và các nan thép được chia đồng đều cho hai

phía. Cán ô bằng thép lão Dao không chạm tới. Chúng ta không có hai cái Ô mà chỉ có một chiếc ô rách tả tơi cùng những mảnh vải vô dụng.

Vĩnh biệt bác Ô đen!

Anh Điều giấy được cắt làm đôi trong chớp mắt. Những nan tre bung ra. Chỉ còn chiếc đuôi nguyên vẹn. Không bao giờ có những mảnh tre gãy bay lộn nhệ nhàng trên trời.

Vĩnh biệt anh Điều giấy!

Lão Dao cắt đôi bông Hoa một cách thận trọng tỉ mỉ hơn. Cả cái cuống cũng được chẻ làm đôi rất đều đặn. Nhưng ngay sau đó Hoa tàn héo, gục đầu xuống miệng bình, các cánh đều rũ liệt. Vĩnh biệt bông Hoa!

Lão cắt đôi những chiếc xe hơi tí hon bằng nhựa. Mỗi chiếc xe được chia làm hai phần, mỗi phần chỉ có hai bánh. Như thế tất nhiên chẳng khi nào chúng có thể chở niềm vui chạy quanh nhà như trước. Bây giờ chúng đứng cũng không vững.

Vĩnh biệt những chiếc xe hơi nhựa!

Bình mực bị cắt không chia làm hai mà bị vỡ thành trăm mảnh. Niềm an ủi cuối cùng của vật mơ mộng và đáng trí này là cả trăm mảnh đều lấp lánh phản chiếu ánh nến sáng ngời.

Vĩnh biệt chị Hằng nhỏ bé xa vời vẫn lướt mây trong lòng bình mực!

Lão Dao làm lì tiếp tục cắt, càng làm việc lưỡi dao càng sáng quắc.

Ông Bàn là vật lên tiếng báo động đầu tiên. Lúc đó bình minh đã sắp tới. Ông hét:

- Nguy rồi. Hoa không ngủ, cô ấy đã héo đi.

Cùng lúc đó sau mười ngọn Nến gào thét dữ dội:

-Chúng tôi bị giảm thọ, mất hẳn một nửa đời sống.

-Chúng tôi bị lừa.

Chú Quay sừng vung dậy chạy đến hỏi thăm bác Ô đen, Ô đen không trả lời. Rồi Điều giấy, nhưng chiếc xe hơi nhựa cũng không có vật nào lên tiếng, dù chú Quay sừng hét thật lớn.

Bây giờ ông Cung đã hiểu. Khi này thấy chính cụ Sách cũng đòi tách làm hai, ông hết nghi ngờ.

Ông đang nhớ những kỷ niệm oai hùng trong quá khứ.

Ông Cung gọi:

- Cụ Sách.....cụ Sách ơi!

Có tiếng hai cụ Sách thều thào:

- Tôi bị thương nặng bị tách làm đôi. Bây giờ nửa này đang thương nhớ nửa kia. Nhưng không sao, chỉ cần một chút keo là xong. Ông hãy cứu lấy những vật khác.

Ông Cung hét to:

- Yêu cầu anh Dao ngừng lại.

Lão Dao tỉnh bơ. Lão làm như không hề nghe một tiếng nào và tiếp tục chặt đôi chị Tranh. Chị Tranh kêu cứu một cách tuyệt vọng.

Ông Cung hét một lần nữa:

- Anh Dao không ngừng lại tôi bắn.

Chị Tranh đã bị cắt làm đôi.

Ông Cung có ba mũi tên mới, chúng còn non nên chưa được phiêu lưu. Trong lúc nguy cấp ông Cung bắn cả ba mũi tên vào lão Dao. Cả ba mũi đều trúng đích làm lão Dao ngã lộn xuồng. Nhưng cái thân thể bằng sắt thép của lão đâu có hề hấn gì. Chú Quay sừng được dịp xoay tít lao thẳng vào thân lão, gây lên một tiếng keng dữ dội, nhưng rồi chú văng ra. Lão Dao tiếp tục chặt đôi tới anh Ghé.

Anh Ghé đã thấy những chiếc xe bằng nhựa, anh hiểu rõ số phận bi đát của mình nếu bị cắt đôi, anh kêu la thật thảm thiết. Nhưng ông Cung chẳng còn một mũi tên nào, mà dù còn, cũng vô ích.

Lão Dao trở thành vật vô địch.

Bây giờ chị Bóng bay lơ lửng ở góc nhà đang nhớ tới sự hy sinh của bác Đền xếp. Bác đã chịu cháy tiêu để cứu mạng cụ Sách. Chị cảm thấy lão Dao đến phòng này và tác hại là vì chị và vì sự đáng trí cầu thả của cậu bé.

Chị biết rằng chỉ có cách gọi cậu bé sang phòng này bằng một tiếng động thật lớn.

Chị dũng cảm lướt tới trước mũi lão Dao và nói:

- Chia tôi ra làm hai đi.

Chị muốn chào vĩnh biệt mọi vật trong phòng nhưng không kịp. Vừa chạm nhẹ vào lão Dao, chị đã nổ tung

Trong lúc lão Dao bàng hoàng, kinh ngạc. Ở trong phòng ngủ của chú bé vang lên tiếng dép....

Ông Cung nói với cụ Sách giọng nghẹn ngào:

- Chúng ta mất nhiều bạn quá.

Cụ Sách khóc:

- Lỗi tại tôi dốt nát, ngu si. Đáng lẽ không nên tin tưởng vào một con dao sắc và độc ác như thế. Tôi sẽ xin ghi nhớ thêm trong lòng, ở những trang cuối cùng, lời nhắc nhở cậu bé: "Đừng bao giờ đùa nghịch với một con dao và để quên nó trong phòng, nhất là những con dao quý quái".

Ông Bàn than thở ở góc nhà:

- Tội mình thương chú bé biết bao. Nếu biết, chắc chú ấy không nở xử tệ với tội mình như vậy.

Cụ Sách cố dần cơn xúc động, trầm ngâm, rồi phát biểu một câu rất lạc quan:

- Quý vị cứ yên tâm. Họ hàng nhà sách chúng tôi đông lắm. Thế nào sau này cũng có một chàng sách trẻ ghi tâm sự tội mình. Cậu bé giờ sách đọc, cậu ấy sẽ hiểu.

Cái ngọn mía ngọt

Bây giờ, tôi thấm thía vô cùng sự viên vông, nhỏ nhoi thảm hại của đời mình, của tài năng mình. Đã có đôi lúc, trong cơn mù quáng, tôi tưởng là mình ghê. Tôi viết được dăm ba cuốn sách và được một số độc giả quý mến. Tôi cộng tác với vài tờ báo, thỉnh thoảng cũng nhận được một bức thư ái mộ. Nhưng cái tôi tự tưởng là mình hơi to ấy không giúp được gì cho em ruột mình, không bảo vệ nổi cho em, cho các cháu mình.

Đã hơn mười năm rồi, mỗi khi cầm bút một cách trịnh trọng, tôi đều ước mơ đóng góp được phần nào vào việc ngăn chặn bớt những tai họa, những chuyện thương tâm. Rút cục thì trái hỏa tiễn vẫn không thay đổi lộ trình, vẫn hoàn tất cái nhiệm vụ kinh khiếp của nó.

Tôi không che chở giúp đỡ nổi em tôi từ ngày chúng tôi còn nhỏ. Chính nó lại khéo léo an ủi sự yếu đuối, bạc nhược của tôi.

Thị xã Hà Đông cách làng tôi khoảng 15 cây số. Xe hơi chỉ đưa chúng tôi đến ngã ba cách làng khoảng ba cây số. Từ đấy về làng chúng tôi đi bộ. Nếu chọn ngã Đại Từ bao giờ chúng tôi cũng qua cánh đồng mía mênh mông.

Tôi không nhớ hồi ấy anh em chúng tôi bao nhiêu tuổi. Chỉ biết những cây mía đối với tôi cao lắm. Chúng tôi đi trên bờ ruộng, hai bên là mía dày đặc, chi chít như cây rừng. Tất cả những hình ảnh tôi còn nhớ được về thửa ấy là con đường đất quanh co giữa những ruộng mía, cỏ xanh mọc lan từ bờ đường xuống tới chân những cây mía lá khô cong phủ lòa xòa. Những con cào cào, châu chấu bay vút từ cỏ lên gây chút bất ngờ hào hứng thân thiết. Và ở một rặng cây nào đó, con chim tu hú kêu đều đều. Chim tu hú kêu suốt những lần chúng tôi đi trong ruộng mía và hình như đã kêu suốt thời thơ ấu của tôi. Bây giờ tiếng kêu của loài chim đó còn vang mãi trong trí nhớ, gây xao xuyến như dư ảnh quê hương sau giấc mơ đậm đà còn nhớ được.

Về quê hay từ quê trở lại tỉnh, anh em tôi luôn luôn đi theo mấy ông chú, ông anh họ. Các vị này đều hơn tôi năm mươi tuổi, và hình như đều đủ lớn để ba, mẹ tôi yên tâm cho chúng tôi đi theo họ.

Anh em tôi nhỏ xíu, dắt nhau đi theo các chú, các anh một cách vui thích.

Kể ra các vị ấy cũng có chú ý săn sóc chúng tôi ở một vài chỗ. Khi qua chỗ sông cạn ở Đại Từ, chúng tôi được cõng, khi lên xe, chúng tôi được lên trước và em G. được bế lên.

Nhưng khi chúng tôi còn đi giữa khu rừng mía thì các anh, các chú không có thì giờ chú ý đến chúng tôi. Họ lo bắn chim, bắt cào cào, châu chấu để đem về nuôi chim sáo. Và dĩ nhiên họ bận ăn mía.

Cả làng Đại Từ trồng vải và mía. Cả làng sống về nghề kéo mật. Như thế bất cứ ai đi qua khu rừng mía đều có thể ăn no bụng và vác về vài cây tùy sức. Như thế trong tiếng chim tu hú đều đều quen thuộc, với những bước chân làm bay vút lên những con cào cào, châu chấu đập cánh xè xè hào hứng, chúng tôi hân hoan chọn những cây mía vừa ý để ăn.

Các chú, các anh tôi bao giờ cũng bẻ một cây ăn và một cây vác lên vai, hoặc chống xuống đất như chống gậy. Tiêu chuẩn chọn cây mía để dành là thật thẳng. Bởi vậy, đang đi các vị ấy có thể vứt cây mía đang vác để nhảy xuống ruộng, bẻ một cây khác đẹp hơn.

Hồi ấy, tôi chưa đến cái tuổi đủ sức bẻ một cây mía. Vả lại, anh em tôi chỉ việc chờ các anh các chú ở ruộng lên là ăn no bụng mía, như họ.

Nhưng có một lần tôi làm tưởng mình đủ sức bẻ nổi một cây. Hào hứng vì mọi người ào xuống ruộng mía, tôi cũng bước xuống.

Tôi đã cố ý chọn một cây thật nhỏ. Tôi bẻ nó gãy. Nhưng sức tôi chỉ làm được có thế. Tôi không sao vận nổi vài vòng cho cây mía đứt rời ra. Em tôi cũng xuống ruộng đứng ngay sau lưng tôi chờ đợi. Trong lúc tôi dùng hết gân sức đánh vật với cây mía thì em tôi đứng nhìn đầy lo ngại, cái miệng nó méo mó theo từng cử động của tôi, như chính nó cũng đang phải làm công việc vất vả ấy.

Sự láu táu cuống cuồng càng làm cho tôi chóng mặt, đồng thời trong lúc quá hăng hái, tôi nắm cả vào những lá mía khô, cứng và sắc như có hàng ngàn mũi gai. Tôi không biết đau, chỉ mệt. Tôi nghĩ nếu có thể bẻ được cây mía và anh em tôi ăn cây mía ấy, không phải nhờ các anh, các chú thì chắc tôi sung sướng và kiêu hãnh không thể tả được.

Nhưng cây mía hạ tôi sát ván.

Trong khi các chú các anh tôi đã bẻ mía xong, quay nhìn tôi nói vài câu giễu cợt và tiếp tục đi thì em tôi cũng khuyên ông anh nó bỏ cuộc. Tôi tức giận phát khóc.

Thế rồi tôi nghĩ ra rằng chỗ ngọn mía bao giờ cũng giòn, không dai một cách khủng khiếp như đoạn gốc. Ít nhất thì cũng phải bẻ được một cái gì rồi mới đi nổi. Tôi bẻ dần lên và, phụt chót, được một cái ngọn mía ngắn ngắn, trắng nhách, mỗi đốt mía chỉ dài cỡ đốt ngón tay.

Tôi không nhớ nổi ngôn ngữ của anh em tôi thừa đó. Tôi chỉ nhớ rằng tất cả những lời phê bình của em tôi trước chiến lợi phẩm thảm hại của tôi đại ý là: “Thôi được rồi anh! Thôi được rồi anh!”. Chúng tôi rời ruộng mía, chạy vội cho kịp các chú, các anh. Tôi xấu hổ và buồn bã trao cho em tôi cái ngọn mía. Con bé ăn ngọn lạnh, làm như cái ngọn mía ấy quý hóa lắm.

Khi anh em tôi theo kịp mọi người, một ông chú cho tôi hai tấm mía to dài, ngọt lịm như thường lệ. Em tôi nhận phần của nó. Nhưng thay vì quăng ngay cái ngọn mía nhạt như nước ốc đó

xuống đất thì nó cứ tiếp tục ăn cho đến hết.

Sau này, lớn lên và hiểu biết hơn, nhớ lại chuyện đó, tôi còn kinh ngạc. Em tôi khư khư giữ cái ngọn mía ấy không phải vì ngu.

Vậy thì con bé nhóc tí đã học được ở đâu cái lối lịch sự, tế nhị, đầy chịu đựng như vậy?

Cao Tần, thơ người di tản buồn Nguyễn Mạnh Trinh

Cao Tần Là một thi sĩ xuất hiện một cách bất ngờ trong thời điểm vô cùng đặc biệt. Lúc đó, là những năm đầu kế tiếp sau cuộc di tản của mấy trăm ngàn người Việt lưu lạc sang xứ người. Trong hoàn cảnh bắt đầu của một cuộc sống xa lạ, khởi đi từ những nỗi niềm mang theo, văn chương ở hải ngoại đã nảy mầm từ những tâm tư thương nhà nhớ nước của người Việt tị nạn sau một cuộc đời. Cao Tần là một nhà thơ xuất hiện sớm nhất và cũng là một nhà thơ nổi bật nhất trong thời kỳ ấy. Vốn là một nhà văn đã thành danh ở Việt Nam và cũng là một ký giả có lối viết phiếm luận sắc bén, thơ Cao Tần đã được đề ý từ những bài thơ đầu tiên.

Năm 1977, gần hai năm sau ngày 30 tháng tư năm 1975, trên tờ báo Bút Lửa có đăng mấy bài thơ của một thi sĩ danh tánh lạ hoặc ký tên Cao Tần. Những bài thơ ấy mới xuất hiện đã nổi bật ngay và gây một hiện tượng xôn xao cho độc giả. Nhiều người liên tưởng tới như những bài thơ của T.T Kh. đã tạo thành một nghi vấn cho văn học Việt Nam mà còn mù mờ chưa rõ ràng. Quả thực những bài thơ trên Bút Lửa ấy đã gây kinh ngạc cho độc giả. Mãi về sau này, mới biết Cao Tần là bút danh của nhà văn Lê Tất Điều hay nhà báo Kiều Phong, một người đã là một cây bút quen thuộc của hai mươi năm văn học miền Nam...

Ông sinh ngày 2 tháng 8 năm 1942 tại Hà Đông. Di cư vào Nam năm 1954 và di tản sang Mỹ năm 1975. Trước khi di tản ông là một nhà giáo và cũng là một ký giả ở Sài Gòn. Đã xuất bản truyện dài Đêm Dài Một Đời đã đoạt giải thưởng của Trung Tâm Văn Bút Việt Nam, và các tập truyện ngắn Khởi Hành, Kẻ Tình Nguyện, Quay Trong Gió Lốc, Phá Núi, Người Đi, Những Giọt Mực.

Lý do mà những bài thơ đầu tiên mang tên Cao Tần được chú ý thật là giản dị. Bởi tâm sự của Cao Tần khi làm thơ cũng là tâm trạng chung của những người Việt di tản lúc ấy. Với ngôn ngữ vừa bi hùng vừa tha thiết, diễn tả lại một tình trạng tâm lý của những người còn xa lạ với cuộc sống mới và tiếc nuối những tháng ngày của cuộc đời xưa cũ. Lúc ấy, một nền văn học lưu vong đang dần dần hình thành. Ở những ngóc ngách nhìn quá khứ và bản khoán từ những bước chân đi đến tương lai. Ai mà chẳng cùng chung suy tư và ở những câu thơ Cao Tần lại gợi lên từ tâm cảm yêu nước nhớ nhà và ngôn ngữ mẹ đẻ đã thành thân yêu vô cùng trong những ngày bắt đầu tạo dựng một cuộc sống mới ở xứ người..

Có lẽ hồi trước 1975, nhà văn Lê Tất Điều cũng không làm thơ và sau này khi loạt thơ Cao Tần chấm dứt ông cũng ngưng làm thơ. Tại sao ông chỉ làm thơ trong khoảng thời gian đó?

Có lẽ chỉ có một mình tác giả mới có thể trả lời câu hỏi khó này. Trong một cuộc phỏng vấn của đài phát thanh Á Châu Tự Do RFA do Mặc Lâm thực hiện thì ông giải thích:

“Tự nhiên tôi không có cảm hứng viết truyện ngắn nữa. Thế rồi thơ nó lôi cuốn bởi vì trong bài thơ công việc sáng tác nó ngắn hơn nó không đòi hỏi thời gian nhiều..”

Nhà văn Võ Phiến có viết đại ý là Cao Tần làm thơ như người kể chuyện và đó chính là một yếu tố để thơ ông gần gũi với cuộc sống hơn và tạo sự chú ý của độc giả.

Trong bài đề tựa tập thơ Cao tần do nhà xuất bản Văn Nghệ phát hành, nhà văn Võ Phiến nói rằng thơ của Cao Tần kết cấu như truyện và là những truyện ly kỳ nữa nên gọi được sự tò mò muốn tìm hiểu của người đọc. Và ông nêu ra vài thí dụ bài thơ Kho tàng kể về chuyện của một anh chàng tị nạn Cù Lân..

Nội dung của bài thơ cũng chỉ là một anh chàng tị nạn lúc nào cũng kè kè bên mình một cái túi không một phút nào rời xa. Bạn bè tưởng là anh chàng biền lận nên đùa anh ta xuống để mở cái túi bí mật kia ra. Và cũng chẳng có gì ngoài một lạng vàng, chiếc khăn tay và những danh thiếp cũ. Nhưng là cả một kho tàng của một người di tản và nhắc lại người và cảnh đã xa. Vàng thì nhắc đến người mẹ:

*“.. miệng túi mở ra kho tàng rơi tung toé
một lạng vàng trong giấy gói đơn sơ
một đũa hét “vàng này thằng em bé
không mại đi mà tính để đem thờ
“Sư chúng mày, vàng đem theo bốn cục
ông bán ba, bắt gọn mấy trăm đô
còn cục này tàn đời ông cóc bán
lúc lên đường bà cụ dú tay cho”
Còn khăn tay thì nhắc đến người vợ bây giờ đã xa cách ngàn trùng:
“...một chiếc khăn tay cũ xỉ cũ xit
màu nâu già thêu mấy chữ xanh xanh
“giẻ rách gì đây hở thằng chết tiệt
“ Khăn vợ tao trao ngày khoác áo nhà binh”*

và những tấm danh thiếp, ôi những tấm giấy làm nhớ lại những tên đường những tên người đã vào xa xưa:

*”đáy túi nhỏ thì đầy danh thiếp cũ
những tên người tên tỉnh đã xa xưa
những dòng vôi ghi hẹn hò gặp gỡ
những đường quen không trở lại bao giờ
...Với danh thiếp những tên đường đã đổi
những số nhà chớp mắt đã tang thương
những chốn hẹn ngàn năm không trở lại
những tên đời tôi tá khắp quê hương.”
Đọc xong bài thơ này chúng ta thấy thế nào?*

Phải nói là rất xúc động anh Trinh à! Nhưng có khi chỉ cảm thấy thôi chứ diễn tả ra cái hay thế nào thì khó lắm. Phải có một lúc , đợi xúc cảm lắng xuống thì dễ dàng để thất bài thơ này đọc đáo ra sao..

Chúng tôi cũng như những độc giả khác, chỉ cảm thấy rung động thôi và cũng phải loay hoay suy nghĩ để may ra có thể tìm được những điều mà mình cho là tâm đắc và tuyệt diệu. Bài thơ sống động quá với những ngôn ngữ đời thường mô tả những cuộc đối thoại chuyên chở được ý tình mà tác giả muốn đề cập đến. Có một chút điều cợt nhưng chỉ là cảm giác thoáng qua để thay vào đó là sự thương cảm. Chỉ một túi nhỏ tầm thường của người di tản vốn vẹn có thể mà sao lại coi như một kho tàng vô gia được ? . Bởi vì những vật thể này không còn đơn thuần là vật thể nữa mà nó chứa đựng cả một trời quê hương và nhắc lại những người thân đã xa và những nơi chốn đã khuất biệt. Câu chuyện kể bằng thơ chỉ giản dị như thế nhưng lại gây ra sự xúc động đến vô bờ cho người đọc. Bởi nó đánh động đến tâm sự chung nên đầy ắp những chia sẻ...

Một bài thơ khác mà nhà văn Võ Phiến nhắc đến như một bằng chứng đơn cử cho lập luận của mình. Như bài " *Ta làm gì cho hết nửa đời sau*". Hình như đã có nhiều người lưu vong thốt lên lời nói đó mỗi khi bị ray rứt vì chuyện nước chuyện non..

*sẽ có lúc rừng sâu bùng chuyển động
những hùm thiêng cựa móng thét rung trời
và sông núi sẽ vượn mình trời dậy
và cờ bay trên đất nước xinh tươi.."*

Và một chàng khác, thì lại muốn làm tượng thần tự do hỏa thiêu thân xác chính mình để làm đuốc soi đường cho những oan hồn bị trầm luân trong đáy nước bao la:

*"Một tráng sĩ vô êm chùng sáu cõi
thần tự do giờ đứng ở nơi nào?
Ta muốn đến leo lên làm đuốc mới
Tự đốt mình cho lửa sáng xem sao
Thần tự do giờ hoài cây đuốc lạnh
Ta tiếc gì năm chục ký xương da
Sẽ làm đuốc soi tìm trong đáy biển
những oan hồn ai bỏ giữa bao la"*

Và kết cuộc, chỉ là một cơn say, một tình dậy giữa nỗi buồn của những người thấy mình bất lực giữa thế thời, mộng ước lớn mà bàn tay thì quá nhỏ:

*"..sàn gác trọ những tâm hồn bão nổi
Những hào hùng uất hận gối lên nhau
Kẻ thức tỉnh ngu ngơ nhìn nắng mới
Ta làm gì cho hết nửa đời sau."*

Thật là cảm khái. Thật là cay đắng với những nỗi niềm của những kẻ sinh bất phùng thời lớn lên và trưởng thành trong những nghiệt ngã của đất nước chiến tranh. Thực trạng sao buồn quá! Câu hỏi như một tiếng than...Ta làm gì cho hết nửa đời sau?...Những thân phận lưu vong. Những nỗi niềm nhược tiều.

Mỗi người tị nạn đều mang theo những kỷ niệm trong ký ức. Có những người vẫn còn vương vấn đến tận bây giờ. Có những buồn phiền . có những ray rứt. Nhà thơ Cao Tần có bài thơ nào diễn tả tâm trạng ấy trong nhiều bài thơ. Chúng ta thử đọc bài thơ Chốn Tạm Dung xem. Bản thân tôi đã sống ở đây ba chục năm, thế mà có lúc cũng có những nỗi niềm trống vắng như thế. Thơ nói lên tâm cảm của những người nhiều khi thấy mình bơ vơ giữa cuộc sống và kỷ niệm của nơi chốn xưa của đời sống cũ vẫn cứ bàng bạc hiện hữu:

*"nhà tôi ở toong teng đỉnh đồi
buổi mai đi làm thấy đời xuống dốc
sau lưng sương ngập cao lưng trời
trước mặt thông sâu reo đáy vực
bắt đầu ngày bằng một chút vui
hát nghêu ngao trong lòng xe rỗng tuếch
bài ca quen bỗng chợt quên lời
chút kỷ niệm còn lại mắt khơi khơi
tiếng Việt trong ta ngày bỗng héo
hồn Việt trong ta ngày mỗi khô
dốc mở như đời ta trước mặt"*

sương kín như đời ta năm xưa..”

Một ngày qua một ngày. Ra đi khi lúc vừa mờ sáng và trở về khi phố đã lên đèn, khúc ca sầu xứ mãi mãi ám ảnh. Trải qua bao nhiêu cuộc đời. Bao nhiêu là nỗi muộn phiền . bao nhiêu là ray rứt. Người tị nạn có một mẫu số chung, của khởi hành đi vào cuộc đời mới với tất cả năng lực của mình nhưng vẫn canh cánh bên lòng nhớ mong về quê hương đất nước:

*“chiều về lên dốc thân tôi tả
một quả hoàng hôn phủ kín trời
minh mới ngoi lên ngày đã ngả
đêm phờ lẩn lóc ngủ thay chơi
giữa đỉnh sương mù thông đáy vực
ngược xuôi ngơ ngẩn một linh hồn
còng lưng gánh nốt đời lưu lạc
nặng trĩu nghìn cân nhớ nước non.”*

Cái độc đáo của thơ Cao Tần là dùng những ngôn từ thật sống động , những ngôn ngữ tạo nhiều hình ảnh như: kỷ niệm còm“, như “quả hoàng hôn”, như “mắt khơi khơi”. Xử dụng những ngôn từ ấy thành thơ chính là một dụng công để thi ca có máu huyết xương thịt của đời sống thực, của suy nghĩ thực...

Người tị nạn tuy hội nhập vào dòng chính nhưng vẫn còn ám ảnh bởi quê hương cũ của đất nước xưa. Có một lúc nào thơ Cao Tần biểu lộ tâm cảm ấy .

Đọc bài thơ Cảm Khái chúng ta nhận ra ngay lập tức.Tám thẻ căn cước , tờ chứng chỉ tại ngũ nhắc lại một thời xa xưa.Một cách hóm hỉnh pha lẫn đau xót,tác giả nhận thấy hình như những tấm hình trên căn cước đều lam nhem xấu xí , không biết có phải là số phận tiền định xui khiến như vậy:

*“hình căn cước anh nào mà chẳng xấu
tên chụp hình như một lão tiên tri
triệu mặt ngậy ngô bàng hoàng xót xác
cùng đến một ngày gãy đổ phân ly
nhìn hình chim in trên tờ chứng chỉ
chợt nhớ câu thơ Gãy cánh đại bàng
ngàn lăm liệt tan trong chiều rã ngũ
muôn anh hùng phút chốc hóa tang thương..”*

và những câu cảm khái mà chúng ta trong những ngày lưu lạc thường hay thấm thía:

*“Hỡi kẻ trong hình mặt xanh mày xám
người sắp thành tên mọi Mỹ rồi ư
hỡi thằng chiến binh một đời dững cảm
mày lang thang đất lạ đến bao giờ
Ôái trong ví mỗi người dân mất nước
Còn một oan hồn mặt mũi ngu ngơ
Ôái trong trí mỗi anh hùng thuở trước
Còn dậy trời lên những buổi tung cờ.”*

Có người nhận xét rằng mỗi bài thơ của Cao Tần đều mang theo một thông điệp gửi gắm cho người cùng cảnh ngộ và gửi trả lại quê hương. Trong hai mươi bài của tập Thơ Cao Tần, hình như hầu hết các bài đều diễn tả được một tâm sự đặc thù của người bỏ xứ ra đi.

*Thư Quê Hương là "Gửi cho anh viên sỏi nhỏ bên đường
 Anh sẽ đọc ra trăm nghìn lối cũ
 Gửi cho anh vài nhánh cỏ quê hương
 anh sẽ đọc đất trời ta đã thờ.."
 Chuyện Thần Tiên là: "Ta muốn điều chi cuối đời lưu lạc
 Nay bà tiên vừa hỏi giấc mơ ta
 "hãy đem hết những đổi đời tan tác
 gói giùm vào cơn mộng dữ đêm qua"
 Chiều Bát Phố là "Chỉ gặp toàn Tây một chiều bát phố
 Tiếc sao xưa cả nước chẳng quen nhau
 Quen cả nước? Ra đường chào gầy cổ
 Và chắc gì nay nghĩ lại không sầu
 Nhưng quen cả nước chắc lòng sẽ nhẹ
 Khi đi có chào may bớt xót xa
 Ơi xóm mưa Ơi có khi nào đổi kiếp
 Tôi về thành chim hót trước hiên nhà."
 Mai Mốt Anh Về là: "nếu mai mốt bỗng đổi đời phen nữa
 Ông anh hùng ông cứu được quê hương
 Ông sẽ mở ra ngàn lò cải tạo
 Lùa cả nước vào học tập yêu thương
 Cuộc chiến cũ sẽ coi là tiền kiếp
 Phản động gì cũng chỉ sống trăm năm
 Bỏ bịch hết không đưa nào là nguy
 Thắng vinh quang mà bại cũng anh hùng"*

Và còn nhiều bài thơ khác với những ý tưởng khác, thông điệp khác. Giở từng trang thơ, để thấy những ngôn ngữ linh hoạt, những chữ lóng, những ngôn từ dân giã, tất cả làm nổi bật một phong vị có lúc như diều cọt, có lúc như ngông nghênh, mà có lúc là tình cảnh "ở ngoài cười nụ ở trong khóc thầm". Người tị nạn đã trải qua những đoạn đời, đã qua nhiều nghịch cảnh, sẽ thấy thấm thía biết bao nhiêu với tâm cảm người thơ. Nếu nói thơ Cao Tần là biểu hiện sống động một thời kỳ của người Việt di tản đầu tiên thì cũng chưa đầy đủ mà phải nói rằng thơ Cao Tần đã làm hồi sinh lại một thời đại văn học lưu vong ở hải ngoại.

Cao Tần nhà thơ của thời cuộc thành danh Hò Nam

Cao Tần là bút hiệu của nhà văn Lê Tất Điều khi ông làm thơ cũng như Kiều Phong là bút hiệu của nhà văn Lê Tất Điều khi ông viết báo Xuất thân là một nhà giáo Lê Tất Điều viết tiểu thuyết theo dòng văn tiền chiến của Tự Lực Văn Đoàn chỉ đạt một vị trí "làng nhàng" dù Lê Tất Điều đã đoạt giải thưởng văn chương của Văn Bút VNCH nhưng qua nghề viết báo với bút hiệu Kiều Phong chuyên môn "dở mặt" thiên hạ thi Lê Tất Điều lại rất nổi. Sau ngày 30 tháng tư Lê Tất Điều nhờ làm đài phát thanh Mẹ Việt Nam của Mỹ đã di tản theo đài Mẹ Việt Nam ra đảo Phú Quốc rồi quaqua Mỹ sớm không bị đi tù "cải tạo" nhưng cũng trần ai khổ ải. Trên đất Mỹ Lê Tất Điều đã chuyên ngòi bút từ viết văn viết báo sang làm thơ, và sáng tác những văn thơ đầy cảm khái về thân phận kẻ di tản làm mũi lõng người

Trong ví ta này chứng chỉ tại ngũ
 Mất nước rồi còn hiệu lực hơi lâu
 Chiều lưu lạc còn thương tờ giấy cũ

Tái tê cười giờ gia hạn nơi đâu?
Trong ví ta này một thẻ căn cước
Hình chụp ngày đó rất mực cù lần
Da nhọt nhạt như bị đời nhúng nước
Má hóp vào như cả tháng không ăn
Mười tám tuổi thành công dân nước Việt
Tên chụp hình làm ta xấu như ma
Thằng khốn nạn làm sao mà nó biết
Ta sẽ thành dân mất nước tan nhà..

Cái thế giới thơ của Cao Tần là cái thế giới thơ gần gũi với đời thường đời một người cầm bút"di tản", một người cầm bút bị thời thế"quăng quật" phải làm đủ thứ nghề để kiếm sống, để tồn tại và mơ mộng

Bài học lớn từ khi đến Mỹ
Là ngày đêm thương nước mênh mông
Thù hận bọn làm nước ông nghèo xí
Hận gáp nghìn lần khi chúng đánh ông vắng
Nếu mai mốt bỗng đổi đời lần nữa
Ông anh hùng ông cứu được quê hương
Ông sẽ mở ra nghìn lò cải tạo
Lùa cả nước vào học tập yêu thương
Cuộc chiến cũ sẽ coi là tiền kiếp
Phản động gì cũng chỉ sống trăm năm
Bồ bịch hết không đũa nào là Ngụy
Thắng vinh quang mà bại cũng anh hùng

Con người Cao Tần là như thế đó lòng nhân ái mênh mông không thù hận ai không ghét bỏ ai nếu có "buồn tình" phần nộ thì đem mình ra "tự trào" đem mình ra tự điều để "mua vui" cho thiên hạ mà thôi không "cạnh khóe" ai

Hai mươi năm xưa làm thằng nhỏ di cư
Hai mươi năm sau thành nhà thơ di tản

Con đường thơ của Cao Tần là con đường thơ của cuộc đời của bạn bè của trang lứa của một thế hệ "lỡ bước" một thế hệ cùng đường nhưng luôn mơ mông luôn "vượt" thực tế để tồn tại dù rằng cuộc sống hàng ngày có cay đắng thế nào cũng mặc, cứ mơ mộng cái đã

Ta biết nhà ông rầu thấy mờ
Thôi cuối tuần này theo ta lên núi
Lên núi cao nhìn xuống đời lô nhô
Rũ bớt bụi trần quen thân múa rối...
Trên núi cao ta biết một chỗ
Có hòn đá xanh có gốc thông già
Ngồi trên đá ông sẽ thành Trang Tử
Hồn nhẹ tênh theo bướm lượn chiều tà

Cao Tần là nhà thơ không mới Cao Tần chọn thi pháp cổ điển Cao Tần nhả nha với thơ quần quanh với những chữ nghĩa đời thường do đó Cao Tần không sáng tác được nhiều thơ nhưng làm được câu nào bài nào cũng đều khá rất khá chỉ tiếc rằng cả đời thơ Cao Tần không có nhiều thơ hay cho lắm

Giới thiệu thơ Cao Tần Võ Phiến

Gần đúng hai mươi năm sau ngày chúng ta bỏ nước ra đi, tờ báo Bút Lửa số 1 tung ra hai bài thơ lạ lùng của một tên tuổi lạ hoắc: Cao Tần.

Thơ Cao Tần được tán thưởng ngay. Nó gây chấn động. Nó thành một biến cố trong sinh hoạt văn nghệ tha phương. Trong giới độc giả và giới cầm bút nổi lên một thắc mắc: “Thơ hay đấy, ‘tới’ lắm, Nhưng Cao Tần là ai vậy ?”

Cao Tần hành tung bí mật như T.T.Kh, vì vậy người ta e rằng rồi cũng chỉ thoáng qua trên thi đàn trong chốc lát như T.T.Kh. Nhưng không, Từ số nọ sang số kia, Bút Lửa tiếp tục đăng thơ Cao Tần gần một năm trời. Và thơ ấy càng ngày càng “tới”. Nó không phải là một phút ngẫu nhiên may mắn, mà dần dần chứng minh một tài năng có bản lĩnh vững vàng. Vào khoảng tháng 11-1977 nhà văn Mặc Đỗ, “riêng nhắc Cao Tần: Cảm lắm”. Sau đó, nếu nhà văn còn theo dõi, còn đọc nữa, chắc chắn sẽ còn “cảm” hơn nữa.

Vì kỹ thuật làm báo, Bút Lửa đã dành cho Cao Tần một sự xuất hiện đột ngột, cố ý gây một kinh ngạc. Thực ra sau này chúng ta lần lần nhận thấy sự ngạc nhiên của độc giả không hẳn chỉ là kết quả do kỹ thuật nghề nghiệp: Trong bản chất thơ Cao

Cái ấy trước hết là đề tài. Nhiều bài thơ của Cao Tần được kết cấu như truyện, những câu chuyện khá ly kỳ: hai người bạn tịnh khẩu uống ti ti giữa sa mạc; truyện chàng cù lần có cái túi nhỏ; truyện dăm thằng khùng bàn chuyện vá trời; kẻ vượt suối trèo non về nước phát cờ khởi nghĩa như “hùm thiêng cựa móng thét rung trời” người leo lên tượng Thần Tự Do Mỹ quốc tự đốt mình làm lửa sáng để soi tìm đáy biển “những oan ồn ai bỏ giữa bao la” vv..

Cái đột ngột ấy lại ở những hình ảnh độc đáo, ý tưởng bất ngờ. Hoặc về những lá thư gởi từ Sài Gòn qua ngoại quốc, vừa phải ca ngợi cách mạng, vừa tiết lộ sự thực bi đát qua lời lẽ úp mở:

“thư quê hương như tên hề óm nặng
hồn tang thương sau mặt nạ tươi cười”

kẻ tha hương bảo vợ thay vì viết lách quanh co, hãy gửi vài sợi tóc mẹ già, gửi viên sỏi nhỏ bên đường....

“và gửi cho anh một tờ giấy trắng
thấm nước trời quê qua mái dột đêm mưa
để anh đọc mệnh mông đời lạnh vắng
em tiếc thương hoài ấm áp gối chăn xưa”
Hoặc về tấm hình nhợt nhạt trên thẻ căn cước mà mỗi chúng ta còn

mang theo:

“Ôi trong ví mỗi người dân mất nước
còn một oan hồn mặt mũi ngu ngơ”

Cái đột ngột còn ở những lời những chữ, những cách nói không thường thấy trong văn

chương, càng không thường trong thi ca:

“Mày có linh thiêng qua đây tao cúng
Một châu phim X, một quả tẩm hơi”
“...Cũng ngất ngư đời như con...củ khoai”

Chắc chắn sẽ có lời cật vấn “cái đột ngột thì dính dáng gì đến giá trị thi ca ?”

Quả vậy. Thật khó xác nhận rằng thơ hay là thơ kỳ lạ, mặc dù xưa nay không hiếm những trường hợp thi nhân đua nhau biểu diễn các trò quái đản, tự dưng điên loạn, đòi uống ánh sáng, bay lên trăng, đớp các vì sao v.v...

Đột ngột kỳ lạ, có thể không phải là một giá trị. Nhưng ai biết được chính xác đâu là những yếu tố làm nên giá trị của thơ, gây nên xúc cảm thơ ? Chẳng qua thi ca là địa hạt của tình cảm, của tưởng tượng, và nhà thơ vẫn khoái chứng tỏ một sức tưởng tượng phóng khoáng phi phàm, ai nấy ra sức vượt thoát ra khỏi khuôn sáo tầm thường. Giữa những kẻ đớp sao uống trăng v.v...Cao Tần không chọn kiểu quái dị nhất. Vậy mà Cao Tần vẫn gây được cảm tưởng đột ngột độc đáo. Có phải chính vì thế mà cái kỳ lạ này đậm ra ít sáo hơn cả ?

Tứ thơ lạ, câu thơ đẹp – trong hoàn cảnh một cuộc sống thanh bình tại quê hương, đó hẳn là những mong ước của kẻ chọn nghiệp thi ca. Những cái ấy đều có ở Cao Tần. Nhưng trong cảnh ngộ lưu lạc hiện nay, liệu còn có ai cầm bút chỉ vì những lý do nghệ thuật như thế ? Và trong số độc giả liệu mấy ai còn tìm đọc thơ vì tứ lạ lời hay ?

Chắc chắn khi nhà văn Mặc Đỗ “cảm” Cao Tần, cái cảm ấy không vì một hình thức nghệ thuật độc đáo hay điều luyện. Cái hấp dẫn của Cao Tần đó là một tâm sự vừa bi thống vừa phẫn uất, một phong thái ngang tàng tuyệt vọng. Người tị nạn nhìn vào thơ Cao Tần niềm đau đón xót xa: niềm đau của mình; thấy nổi cay đắng, nổi cay đắng của mình, thấy chán nản mệnh mông: của mình... Và trên chừng ấy nét tâm trạng của chính mình là một khí phách hào hùng, dù là cái hào hùng của người lâm vào mạt lộ.

Nghĩ đến cảnh sa cơ lỡ vận, người thơ cười: “ông thượng đẳng cu li” Nói đến một phi công thấy thế, lại cười: “Đời khốn kiếp đã quăng ông xuống đất”. Kể chuyện một người trân trọng giữ từng chút kỷ niệm của mẹ, của vợ, của bạn bè trong cái túi nhỏ kè kè mang theo mình, lại cười: đó là chàng cù lần ! Trong thơ Cao Tần thường ẩn hiện nụ cười, cười như người Việt nam vẫn cười trong tận cùng cay đắng. Đối với người ngoại quốc đang sống chung quanh ta không biết họ thấy thế nào; riêng đối với chúng ta tiếng cười ấy làm xao xuyến đến tận đáy tâm hồn, cách xa quê hương muôn vạn dặm, có thơ Cao Tần lúc đau đón ta “được” đau đón trong cách thể biểu hiện đặc biệt của dân tộc. Chẳng cũng khoái sao ?

Cao Tần cười cay đắng, nói huyênh hoang ngạo mạn, lắm khi đến tục tằn, như thế chỉ vì không muốn phơi bày chỗ thâm hại. Sự thực phía sau tiếng cười ấy, phía sau cái nghiêng ngang ấy là một cảnh thâm hại: chỗ gặp gỡ chung của chúng ta. Gặp gỡ để thương nhau.

Con người cười cợt ngạo nghệ có thể là người “yếu” hơn bất cứ ai khác. Năm chàng tráng sĩ họp nhau bàn chuyện lớn suốt đêm, quát ngã la liệt nhiều chai rượu mạnh, để rồi mờ sáng hôm sau:

Sàn gác trọ những tâm hồn bão nổi
những hào hùng uất hận gói lên nhau
kẻ thức tỉnh ngư ngơ nhìn nắng mới

“ta làm gì cho hết nửa đời sau ?”
Chàng cù lần bị giật cái túi nhỏ bí mật:
“Cù lần dọa đêm nay đêm chết hết
Ồi ví dầu chú mở được tim anh
chú cũng thấy một kho tàng thắm thiết
với khăn tay nhàu nát chữ thêu xanh...”

Cái nghề ngang bên ngoài, chỉ đẹp vì “cái kho tàng thắm thiết” bên trong.. Nếu không thế nó vô duyên biết mấy.

Kho tàng của Cao Tần chưa mở hết - thời gian xuất hiện trên thi đàn của Cao Tần còn quá ngắn với một đời văn thơ- tuy nhiên chúng ta đã bắt gặp bao nhiêu cái thắm thiết: hoặc những nhớ nhung hướng về từng chiếc ghế công viên, từng cái tháp chuông nhà thờ, từng viên gạch vỡ ở góc vườn quê xưa, vì:

“Dưới ghế công viên anh giấu thời thơ dại
trên tháp nhà thờ anh giấu niềm tin
trong vườn cũ anh giấu thời hạnh phúc
nơi nụ cười em anh giấu trái tim”

Hoặc những thắc mắc vẫn vơ: ở cái xứ sở muôn trùng xa cách, ở nơi thành phố mình đã rời bỏ đi không hẹn ngày về buổi sáng hôm nay nhưng ai đang bước đi trên con đường quen thuộc trước nhà mình ? đêm nay ai ngồi trên ngai đồi thờ mùi gió thông mà mình nhớ quay quắt ? và:

chú nào ngồi trước hiên nhà ta chiều nay
nghe mưa Sài Gòn rạt rào thơm mát
sau một ngày nắng lóa chín từng mây
những mái tôn mưa cười ran hạnh phúc

Trong thơ Cao Tần có cái cao ngạo của tráng sĩ lẫn cái yếu đuối vô vàn của chàng Cù Lần. Và đó cũng là hai khía cạnh của mỗi một tâm hồn di tản tha hương. “cảm” nhau vì thế.

Ồ, mới cảm thông thắm thiết giữa những tráng sĩ...Cù Lần.

Trường hợp thơ Cao Tần gợi lên một vấn đề: khả năng sáng tác của người di tản lưu lạc. Đầu tháng tư năm ngoái, tạp chí Newsweek có bài kiểm điểm về cái thế giới thảm lặng của di dân: từ 1972 đến nay, nhà cầm quyền Xô Viết đã cưỡng bức tổng xuất “gần trọn một thế hệ những văn nghệ sĩ xuất sắc nhất của nước Nga.” thực hiện “cuộc thanh trừng văn học lớn lao nhất kể từ thời Sataline”, và những văn nghệ sĩ nọ đã mất sức sáng tạo khi ra khỏi nước.

Thi sĩ Aleksandr Galich kêu rằng ở Paris họ mất ngôn ngữ và tất cả xung quanh đều câm nín, họ sống giữa một thế giới câm. Phong phú như Alikxandr Solzenitsyn, tiếng rằng tiếp tục viết hằng vẫn không thấy cho in được gì đáng kể sau 1974. Vladimir maximov vừa xuất bản tờ tạp chí của di dân Nga vừa bảo: “bây giờ chuyện làm người quan trọng hơn chuyện làm nhà văn”

Jerry Kosinski, nhà văn di cư Ba Lan thành công bằng các tác phẩm Anh ngữ, đã mĩa mai các đồng nghiệp Nga nọ: Thay vì viết lách, họ ngồi trong các quán cà phê Pháp mà nói tiếng Nga, bàn chuyện giải phóng cố quốc. Thoát ra khỏi một tù ngục, họ lại tự giam mình vào một tù ngục khác, cái tù ngục của thứ ngôn ngữ và văn hoá riêng biệt của họ.

Chúng ta lo lắng: Thế giới Tây phương quanh mình đối với chúng ta càng câm lặng

hơn là đối với các nghệ sĩ Nga. Có phải do đó mà thắc mắc “Cao Tần là ai ?”

Câu hỏi ấy chứng tỏ người ta không tin cuộc sống di cư có thể là khung cảnh xuất hiện một tài năng mới...

Trong lúc chúng ta đang suy nghĩ về một sự may mắn xảy đến trong sinh hoạt văn nghệ ly hương của Việt Nam thì thi sĩ Minoru Fujita từ Los Angeles bay về Đông Kinh để đọc trước Nhật Hoàng bài đoán ca của ông trong dịp đầu năm. (Đó là một tục lệ đã có từ lâu đời: hàng năm nước Nhật chọn lấy mười bài hay nhất trong số nhiều đoán ca được viết ra khắp trong và ngoài nước. Tết đến trong một buổi lễ long trọng các tác giả được mời vào hoàng cung tự mình ngâm thơ trước mặt vua. Minoru Fujita là thi sĩ hết sức hiếm hoi thành công ở hải ngoại. Người thi sĩ ấy lại đoạt được cái vinh dự này những hai lần: một lần vào năm 1971, lần nữa năm 1977. Fujita xa quê hương từ 1953, tức đã gần một phần tư thế kỷ. Ngày ấy ông chưa từng làm thơ. Tại sao cái năng khiếu đối với loại thơ cổ điển có một lịch sử xưa hàng nghìn năm lại bỗng dựng nảy sinh rồi phát triển rực rỡ nơi người cựu thủy thủ sống trong hoàn cảnh tha hương ? Cuộc đời vẫn dành quyền thỉnh thoảng tung ra một chuyện lạ thường, khó hiểu).

Fujita khiến Cao Tần không đến nỗi kỳ quái; nhưng liệu có khiến nổi những người cầm bút lưu vong của Việt Nam trở nên lạc quan ?

Nghĩ ngợi về trường hợp Fujita, một ký giả của tờ Los Angeles Times đã tìm gặp một bài đoán ca Nhật mà ông dịch:

I no longer know
What they are saying
In my native land
But I know the flowers
Smell the same

Một người lưu lạc lâu năm, biết rằng quê hương đã trải qua nhiều biến đổi, biết mình đã xa lạc các vấn đề xã hội cũ đến nỗi không còn biết nơi cố quốc đồng bào đang suy nghĩ về những gì, đang nói năng những gì nữa. Dù sao người ấy còn thấy có điều an ủi là ở nơi đó hoa xưa vẫn toả mùi hương cũ: cái ấy thì muôn đời không thay đổi.

Thời gian Cao Tần xa nước chỉ bằng một phần mười thời gian của Fujita. Thế nhưng sự cách biệt giữa Việt Nam hiện nay với Cao Tần, với chúng ta, lớn lao hơn nhiều: chẳng những bộ mặt xã hội đổi khác, tâm lý con người, mà tư tưởng ngôn ngữ ở nước ta cũng đổi khác. Thật vậy, cái tiếng nói mới do cách mạng đưa vào Sài Gòn gần đây khác trước nhiều chứ:

Quê xưa người đổi tiếng người
trước sau hoa vẫn một mùi hoa thơm

Và thế là ông Fujita cứ yên trí làm thơ, và làm thơ hay, và thơ ông được tán thưởng cả trong lẫn ngoài nước.

Cao Tần không có được hoàn cảnh ấy. Người cầm bút Việt Nam lưu vong không có được hoàn cảnh ấy, Hoa quê hương vẫn thơm một mùi, nhưng người hoa bây giờ phải có lập trường, một lập trường người hoa mới lạ. Bị bức tường lập trường ngăn cách hoàn toàn đường giao tiếp với quê hương. Cao Tần vừa làm thơ vừa kêu hoảng:

Tiếng Việt trong ta ngày mỗi héo

hồn Việt trong ta ngày mỗi khô

Dù đang thành công Cao Tần không lạc quan nổi, không hề lạc quan chút nào; tuy vậy thơ Cao Tần nhất thời cũng tránh cho chúng ta một cảnh trạng rất đáng bi quan. Bởi vì làm thơ trong cảnh sợ...hết tiếng hết chữ, chuyện đã đáng thương, nhưng đáng thương hơn có lẽ là khi một tập thể di dân đông đảo và buồn thảm như chúng ta mà không có được một tiếng thơ nói lên cảnh ngộ của mình.

Cao Tần Vĩnh Hào

Bỗng dưng bị đặt vào một hoàn cảnh không còn chọn lựa nào khác, họ lên đường, ly hương, bắt đầu đời sống của những kẻ lưu vong. Từ mảnh đất mới, với hai tay trắng, cố gắng gầy dựng nên cơ nghiệp mới. Cơ nghiệp thành tựu lớn lao hay chỉ là những mảnh đời chấp vá thì cũng tùy khả năng, tuổi tác, sự xông xáo hay thụ động, lạnh lợi hay chậm chạp, và đôi khi, vận may hay số rủi của mỗi người mà thành khác nhau. Nhưng điểm giống nhau nhất là ai cũng quay quắt, nhớ nước nhớ non, và bỗng thấy yêu vô cùng tiếng mẹ đẻ... Hoài vọng về quê hương, hoài niệm về dĩ vãng, hoài bão một ngày xán lạn cho đất nước... người di tản cảm thấy miền đất mới chỉ là chỗ "tạm dung." Họ vẫn mong đợi một ngày nào đó được trở về cố quốc. Và người di tản, bỗng thấy "buồn". Thơ lưu vong từ đó xuất hiện. Nhiều lắm. Hình như ai biết chữ cũng làm thơ được trong cái cảnh trạng và tâm trạng "nhớ nước đau lòng" ấy. Nhưng trong số những người di tản làm thơ "bất đắc dĩ", Cao Tần lên tiếng sớm nhất, thành công nhất, nổi bật nhất; và không như những nhà thơ khác phải trải qua nhiều năm bị ngấm ngấm, coi giò... của văn thi hữu và bạn đọc, ông nghiêm nhiên trở thành một nhà thơ rất nhanh, rất tự nhiên. Là vì không ai vào lúc ấy có thể trải được cái tâm trạng bất đắc chí, hụt hẫng, dở khóc dở cười của mình... một cách thấu đáo, ý nhị, hào hùng, cảm động mà lại lạc quan tếu kiêu như ông. Từng từng, tếu, tự biếm, mà thâm sâu làm sao. Đọc thơ ông, người ta vừa cười, vừa khóc.

Mai một anh về

*Mai một anh về có thằng túm hỏi
Mày qua bên Mỹ học được củ gì
Muốn biết tài nhau đưa ông cây chổi
Nói mày hay ông thượng đẳng cu li*

*Ông rửa bát chì hơn bà nội trợ
Ông quét nhà sạch hơn em bé ngoan
Ngày ngày phóng xe như thằng phải gió
Đêm về nằm vùi nước mắt chứa chan*

*Nghệ thuật nói bỗng hóa trò lao động
Thằng nào nói nhiều, thằng ấy tay to
Tiếng mẹ đẻ thường chỉ dùng chửi đồng
Hay những đêm sầu tí toáy làm thơ*

*Ông học được Mỹ đất trời bát ngát
Nhưng tình người nhỏ hơn que tăm
Nhiều đứa hồn nhiên giống bầy trẻ nít
Còn hồn ông: già cỗi cỡ nghìn năm*

Bài học lớn từ khi đến Mỹ
Là ngày đêm thương nước mênh mang
Thù hận bọn làm nước ông nghèo xí
Hận gấp nghìn lần khi chúng đánh ông vắng

Nếu mai một bỗng đổi đời phen nữa
Ông anh hùng ông cứu được quê hương
Ông sẽ mở ra nghìn lò cải tạo
Lùa cả nước vào học tập yêu thương

Cuộc chiến cũ sẽ coi là tiền kiếp
Phản động gì cũng chỉ sống trăm năm
Bồ bịch hết không đũa nào là Ngụy
Thắng vinh quang mà bại cũng anh hùng.
(tháng 3, 77)

Những nỗi niềm thương non nhớ nước, lo nghĩ về tương lai tiếng mẹ đẻ trên đất người, thao thức về vận hội thanh bình nơi quê xa... là ưu tư chung của người tị nạn xa xứ; nhưng ghi lại thành những câu thơ, những bài thơ để cho ai cũng thấm thía và có thể thuộc lòng thì hầu như chỉ có thơ Cao Tần.

Chốn tạm dung

Nhà tôi ở toòng teng đỉnh đồi
Buổi mai đi làm thấy đời xuống dốc
Sau lưng sương ngập cao lưng trời
Trước mặt thông sấu reo đay vục

Bắt đầu ngày bằng một chút vui
Hát nghêu ngao trong lòng xe rỗng tuếch
Bài ca quen bỗng chợt quên lời
Chút kỷ niệm còn lại mát khơi khơi

Tiếng Việt trong ta ngày mỗi héo
Hồn Việt trong ta ngày mỗi khô
Dốc mở như đời ta trước mặt
Sương kín như đời ta hôm xưa

Giang hồ một túi bài ca cũ
Hát nhảm cho qua nốt tuổi già
Qua những bình minh còn ngái ngủ
Còn như chưa lạc mất quê ta

Giữa đỉnh sương mù thông đay vục
Trên đường chênh chếch nắng mênh mang
Trôi xuôi một mảnh hồn lưu lạc
Đã chán nhân gian ở cuối đường

Chiều về lên dốc thân tôi tả
Một quả hoàng hôn đỏ kín trời
Minh mới ngoi lên ngày đã ngã

Đêm phờ lẩn lóc ngủ thay chơi

*Giữa đỉnh sương mù thông đáy vực
Ngược xuôi ngơ ngẩn một linh hồn
Còng lưng gánh nốt đời lưu lạc
Nặng trĩu nghìn cân nhớ nước non.
(tháng 5, 77)*

Thì vị hóa đời mình qua đời sống thường nhật, với cái giọng nửa chua xót nửa ngạo nghễ, hiểm thấy bài thơ nào thâm trầm sâu sắc như của ông. Đọc mấy câu thơ đầu bài Chốn Tạm Dung, tôi giật mình ngay:

*Nhà tôi ở toòng teng đỉnh đồi
Buổi mai đi làm thấy đời xuống dốc*

Nội tâm phải thật thâm thúy và sống triền miên trong thơ mới nảy ra được hai câu với hình ảnh tỉ dụ ví von tuyệt khéo như vậy.

Mặc dù ông cố ý dùng cái giọng cà rững ở câu đầu, chẳng hạn nói "toòng teng" thay vì "chênh vênh" hay "cheo leo," nhưng đến câu thứ hai, và các câu kế tiếp, ông vẫn không thể giấu được ý và lời đầy ắp chất "thơ."

*Buổi mai đi làm thấy đời xuống dốc
Sau lưng sương ngập cao lưng trời
Trước mặt thông sầu reo đáy vực*

Nơi ở thì toòng teng, đường đi thì xuống dốc, sau lưng thì mờ mịt sương, trước mặt thì những cây thông reo buồn nơi đáy vực, lên xe thì thấy rỗng tuếch, bài ca quen thuộc thì bỗng quên lời, kỷ niệm đẹp thì tự dưng lạc mất... Diễn tả như thế là đã đẩy ngôn ngữ đến chỗ tận cùng, không còn phải nói gì thêm, về vẻ ngơ ngẩn lạc loài của một linh hồn lưu vong tội nghiệp.

Ông còn chứng tỏ là một người giàu từ tâm, rộng lượng, đầy ắp tình cảm, luôn nhớ nghĩ đến những người khác, dù rằng đời mình cũng xuống dốc, cũng rách nát tan tành. Mà sức tưởng tượng của ông mới thật là tràn trề! Ngồi nhúng chân bên bờ biển này mà thả hồn theo nước về đến bờ bên kia, cách xa vạn dặm; chưa hết, hơi thở dài cũng muốn gửi theo về chốn xưa, khuê động cây lá nơi rừng già, an ủi và ca ngợi những tráng sĩ lì lợm còn nuôi mộng quang phục quê hương...

Biển chiều

*Chiều nay ra biển ngòi ngơ ngẩn
Nhúng hai giò trong nước Thái Bình Dương
Để hơi ta dạt về bờ Ô Cấp
Chạm thân ái vào lưng đất mẹ tang thương*

*Có bạn nào đang rắp tâm vượt thoát
Nhớ rằng ta luôn cầu nguyện cho người
Láng đời chót đã tan trên chiếu bạc
Thì sá gì thêm một chuyến ra khơi*

Thở thật dài vào thình không bát ngát

Theo gió về động lá cánh rừng xa
Này thẳng li còn chơi miền gió cát
Trong kiêu dũng mây cho gửi chút hồn ta

Có thằng bạn nào tàn đời học tập
Cồng gông xiềng lê lét một thân đau
Này biển chiều sóng xô ào lớp lớp
Những tiếng đời phiêu bạt khóc thương nhau.
(tháng 6, 77)

Có thể nói không ngần ngại, rằng thơ ông xứng đáng là tiếng nói tiêu biểu, ghi lại ý hồn chung của một thời chạy loạn di tản, của những người tị nạn ly hương, đánh dấu một trời kỷ niệm lưu vong bi lệ, hùng tráng.

Câu cá

Ta đã vượt muôn dặm dài biển cả
Đường tử sinh lui tới cũng đôi lần
Bỗng bình minh này ngồi thuyền, câu cá
Trôi dạt dờ như lá trên hồ xanh

Hỡi chú cá rong chơi miền nước biếc
Ta vượt đường muôn dặm chẳng tìm nhau
Bày đặt buông cần mà quên thương tiếc
Cho đời êm, qua được mấy giờ đau

Nói nghe coi này cổ thụ ven hồ
Kể từ những trăm năm dài đứng đó
Có gặp khi nào một kẻ xác xơ
Lòng sầu hận hơn kiếp người da đỏ

Đời đang bão khi không chìm lặng ngắt
Như cành khô nằm chết đáy sông sâu
Đời đang dậy sóng thần lên bát ngát
Bỗng vui yên đáy biển một thân tàu

Và móc đời lên cần câu vớ vẩn
Đem chìm chơi trong đáy nước rong rêu
Tuổi chưa nặng hồn đã chùng ngư ngẩn
Lòng vàng khô hơn chiếc lá đưa vèo?
(tháng 11, 77)

Phiêu bồng

Cho ta làm lại cuộc đời
Thì ta lại vẫn ra khơi như thường
Vật vờ vượt sóng trùng dương
Kiếm đời di tản nghìn cơn nhục nhằn
Mai này tính sổ trăm năm
May chăng lời được cái thân phiêu bồng.
(tháng 12, 77)

Bông giấy

*Tưởng ta nhớ chú lằm sao
Này cây bông giấy bên rào năm xưa
Chẳng qua trời đổ cơn mưa
Thì thương cảnh mọn đong đưa một mình.
(tháng 12, 77)*

Thơ ông là lịch sử chép gọn. Trang trải tâm tình và ước vọng của người Việt trong một giai đoạn buồn thảm khó quên. Tâm tình ấy, không biết hận thù và trả thù; chỉ biết tự vệ và mơ ước những gì tốt đẹp nhất cho đồng loại của mình. (Có cần phải chứng minh "cụ thể" chăng? Thì đây: dù là một trong những nạn nhân bị trù dập, trả thù, đày ải trong các trại tập trung cải tạo--bởi chính sách không hề mang một chút gì tinh thần nhân ái, độ lượng, vốn là đặc tính của tộc Việt; mà cũng chẳng có chút tinh thần mã thượng, văn hóa hay văn minh gì của con người thời đại--Cao Tần cũng không lên giọng nguyên rủa phía những người "anh em" hành hạ mình bằng lòng thù hận; trái lại, ông ước mơ có cơ hội để trải tâm tình yêu thương đến họ, "lấy tình thương xóa bỏ hận thù":

*Nếu mai một bổng đời phen nữa
Ông anh hùng ông cứu được quê hương
Ông sẽ mở ra nghìn lò cải tạo
Lùa cả nước vào học tập yêu thương...
(Mai một anh về)*

Tâm tình ấy thật đẹp, thật nhân ái và nồng nàn tình tự quê hương, là nét văn minh tinh thần được gieo sâu trong mỗi người để mang theo, khắp những phương trời. Chỉ ngần ấy thôi, thơ ông đã vạch ra biên giới rạch ròi giữa thiện và ác, chính nghĩa và phi chính nghĩa. Người ta sẽ thấy ngay phần chính nghĩa thuộc về phía nào. Không phải cứ thắng là có chính nghĩa. Cũng không phải lưu vong là mất tất cả. Những người lưu vong như Cao Tần, đã quên dần mọi thứ, nhưng vẫn còn giữ lại một trời quê hương, một trời thơ. Cảm ơn ông đã thay mọi người, nói tất cả.

Nhà văn Lê Tất Điều & thơ Cao Tần Mạc Lâm RFA

Lê Tất Điều là nhà văn nổi tiếng của Miền Nam. Ông viết thận trọng và có ý thức. *Khởi Hành* là tập truyện đầu tiên của ông được tạp chí Bách Khoa ấn hành. Có thể nói, Bách Khoa đã mở cửa cho ông bước vào văn nghiệp. Ông cũng là người viết về tuổi thơ. Còn nhớ, ông đã có một số truyện in trên loạt sách Truyện Thiếu Nhi của nhà sách Khai Trí rất được ưa thích. Ngoài ra *Những Giọt Mực* viết về tuổi nhỏ của ông là tác phẩm nổi tiếng. Trong nghiệp văn nghiệp báo của mình, Lê Tất Điều còn dùng bút hiệu Kiều Phong cho nhiều bài báo có giọng sắc bén, đôi khi cay độc. Sang Mỹ, ông không viết truyện nữa mà làm thơ với bút danh Cao Tần rất nổi tiếng.

Lê Tất Điều và bước đầu văn nghiệp

Trên đài RFA, trả lời phỏng vấn của Mạc Lâm, Lê Tất Điều cho biết:

“Từ khoảng 15, 16 tuổi tôi đã bắt đầu viết một số truyện cho các báo hàng ngày như là viết” Mỗi ngày một truyện” cho báo Ngôn Luận của ông Hồ Anh. Viết một số truyện cho bà Bút Trà trong phụ trương đặc biệt của báo Sài Gòn Mới.

Viết một cách nghiêm chỉnh là sau khi có một truyện ngắn đăng trên tạp chí Bách Khoa, sau đó có dịp gặp các nhà văn như là ông Võ Phiến, ông chủ nhiệm kiêm chủ bút tờ Bách Khoa là ông Lê Châu. Được sự khuyến khích của họ và bắt đầu quen thuộc với không khí văn chương, và lúc này là lúc bắt đầu vào khoảng 17, 18 tuổi gì đó...

Phải ghi nhận rằng Lê Tất Điều nổi tiếng ngay sau đó với nhiều tác phẩm văn chương qua nhiều thể loại, từ truyện ngắn đến tiểu thuyết. Truyện ngắn đầu tiên mang tên *Cỏ Hoang* được độc giả của báo Bách Khoa nồng nhiệt đón nhận đã tạo cơ hội cho ông chính thức bước vào giới văn chương Việt Nam mà lúc đó rất nhiều người mong ước. Tạp chí Bách Khoa có công phát hiện ra nhà văn Lê Tất Điều khi cho in tập truyện ngắn đầu tiên của ông: Tạp chí Bách Khoa có in cho tôi một tập truyện ngắn nhan đề là *Khởi Hành*. Đó là vào khoảng năm 1962-1963....

Lê Tất Điều và thơ Cao Tần

Nhiều người, nhất là các bạn văn, lấy làm thắc mắc khi thấy Lê Tất Điều sau 1975 sang Mỹ đột nhiên làm thơ và nổi tiếng vang dội. Ông tâm sự với Mạc Lâm trên đài RFA: “Tự nhiên tôi không có cảm hứng viết truyện ngắn nữa. Thế rồi thơ nó lôi cuốn, bởi vì trong bài thơ công việc sáng tác nó ngắn hơn nó không đòi hỏi thời gian nhiều...”

Đúng như Mạc Lâm nhận định: “*Tập Thơ Cao Tần* nhanh chóng được độc giả hải ngoại nồng nhiệt đón nhận vào những ngày đầu tiên của người Việt tha hương, đặc biệt là những người từng phục vụ trong quân đội. Trong “*Thơ Cao Tần*”, người đọc thấm thía nỗi buồn của những kẻ chiến bại. Tâm lý thua cuộc là một tâm lý bi thảm nhất sau chiến tranh. Nỗi buồn đeo đuổi như bị ma ám cộng với đời sống mới lạ lẫm đã kéo người ta lại với nhau như một yếu tố khởi đầu của tính bầy đàn. Ngồi lại để chia sẻ mọi thứ, từ kỷ niệm cho đến buồn phiền. Từ đời sống thường nhật bấp bênh cho đến những ước ao hoang tưởng.

Thơ Cao Tần được nhiều người đón nhận bởi ngôn ngữ của nó thể hiện hơn là những gì chứa đựng bên trong. Ngôn ngữ trong thơ Cao Tần mang đậm tính tự trào lại phảng phất nét quyến rũ của chất anh hùng ca từ nhân vật Kiều Phong mà tác giả đã có cơ hội nhiều năm gần gũi. Có lẽ sự hòa trộn giữa ngôn ngữ chất lọc thi ca và tính phán xét lạnh lùng, mạnh mẽ của loại văn chính luận đã khiến thơ Cao Tần có được sự hấp dẫn kín đáo nhưng ngấm ngấm dữ dội đã khiến người đọc khó thể bỏ qua khi đã đọc những dòng chữ đầu tiên trong thơ ông.”

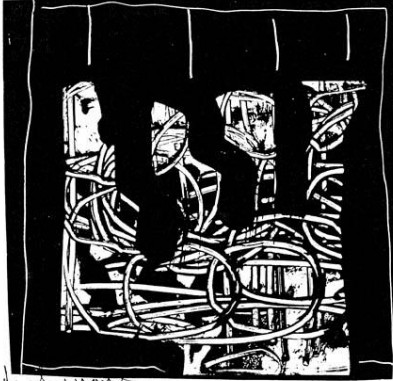
Thơ Cao Tần

Một mai Anh về (trích)

*Mai một anh về có thằng túm hỏi
Mấy qua bên Mỹ học được củ gì
Muốn biết tài nhau đưa ông cây chổi
Nói mấy hay ông thượng đẳng cu li.
Ông rửa bát chì hơn bà nội trợ
Ông quét nhà sạch hơn em bé ngoan
Ngày ngày phóng xe như thằng phải gió,*

*Đêm về nằm vùi nước mắt chứa chan.
Nghệ thuật nói bỗng hóa trò lao động
Thằng nào nói nhiều thằng ấy tay to
Tiếng mẹ thường chỉ dùng chửi đổng
Hay những đêm sâu tí toáy làm thơ...*

Ta làm gì cho hết nửa đời sau



Tranh Đinh Cường

*Dăm thằng khùng họp nhau bàn chuyện lớn
Gánh sơn hà toan chất thử lên vai
Chuyện binh lửa anh em chùng cũng ớn
Dọn tinh thần: thưa nhẹ đỡ ba chai*

*Rừng đất khách bạt ngàn màu áo trận
Xong hiệp đầu mây núi đã băng khuâng
Hào khí bốc đủ mười thành chất ngất
Chuyện vá trời coi đã nhẹ như không*

*Một tráng sĩ vung ly cười ngạo mạn
"Nửa đời xưa ta trấn thủ lưu đồn
Nay đất khách kéo lê đời rất nản
Ta tính sẽ về, vượt suối trèo non..."*

*Sẽ có lúc rừng sâu bùng chuyển động
Những hùm thiêng cựa móng thét rung trời
Và sông núi sẽ vươn mình trở dậy
Và cờ bay trên đất nước xinh tươi."*

*Một tráng sĩ vô êm chùng sáu cõi:
"Thần tự do giờ đứng ở nơi nào?
Ta muốn đến leo lên làm đuốc mới
Tự đốt mình cho lửa sáng xem sao..."*

*Thần tự do giờ hoài cây đuốc lạnh
Ta tiếc gì năm chục ký xương da
Sẽ làm đuốc soi tìm trong đáy biển
Những oan hồn ai bỏ giữa bao la...”*

*Bình minh tới một chàng bưng tỉnh giấc
Thấy chiến trường la liệt xác anh em
Năm tháng sĩ bị mùi chai quất gục
Đời tha hương coi bộ vẫn êm đềm*

*Sàn gác trọ những tâm hồn bão nổi
Những hào hùng uất hận gối lên nhau
Kẻ thức tỉnh ngu ngơ nhìn nắng mới:
“Ta làm gì cho hết nửa đời sau?”...*

Tháng 3/77

Truyện Lê Tất Điều Võ Phiến

Đầu năm 1944, Nguyễn Đình Thi viết:

“Tinh thần Việt Nam biểu lộ trong ca dao và cổ tích, không phải một tinh thần buồn bã, yếu hèn, sợ sống, sợ đấu tranh. Trái lại đó là một tinh thần vui vẻ, lạc quan, ham sống, ham vật lộn (...) Tinh thần ấy, mỗi khi bị nén xuống, đều cố tìm đường thoát dậy, mỗi khi gặp một sự thật đau đớn, lại cố tìm một cách chữa cho kỳ được. Nó yêu khỏe khoắn, buồn trung hậu, chứ không đằm đuối, chịu đựng, ủy mị. Nó khác hẳn những tư tưởng chán đời, thoát tục (...) (Nó) giữ vững lửa sống”.(1)

Thiết tưởng đặc điểm nổi bật của truyện (và ký và thơ) Lê Tất Điều chính là cái tinh thần Việt Nam nói trên.

Thu Tứ

(1) Trong “Sức sống của dân tộc Việt Nam trong ca dao và cổ tích”, bài nói chuyện đầu năm 1944, in lần đầu trong Mấy vấn đề văn học, nxb. Văn Hóa, Hà Nội, 1958, in lại trong Luận về quốc học, nxb. Đà Nẵng, VN, 1999.

Điều (1) lớn lên trong chiến tranh. Nhân vật trong tác phẩm Điều, nam có nữ có, phần đông là trẻ con, phần đông là nghèo khó, lắm khi cơ cực, trong ấy cái số nạn nhân của chiến tranh không phải ít. Thảm thương là số phận thông thường. Nhưng lạ lùng là không khí khắp các truyện không u uất, cũng không hùng hực oán hờn. Trái lại.

Trẻ con bất hạnh, chúng cũng xuất hiện đông đảo ở một số tác giả khác. Ở Duyên Anh, ta gặp những trẻ áo đói. Ở Nhật Tiến là hạng trẻ em hiền lành, hăm hiu. Ở Điều, thường là những đứa trẻ thông minh, tinh quái, mà thật đáng yêu.

Đêm dài một đời kể chuyện những trẻ mù. Trẻ mù được nơi nuôi nấng, dạy dỗ trong năm năm, thế đã là điều an ủi. Trẻ mù được những thanh niên nam nữ - sinh viên, ca sĩ, Phật tử - tình

nguyện đến chăm sóc: lại càng quý hóa nữa. Nhưng thiết tưởng quý nhất là ở chỗ một trong những kẻ mù nọ đã tha thiết thành khẩn khuyên một đàn anh lành mạnh, một sinh viên làm việc thiện nguyện, về quan niệm tin tưởng yêu đời. Anh Phong và chị Kim yêu nhau, nhưng Phong nghèo mà Kim giàu, nên Phong né tránh nhân duyên. Bằng rụt rè khiêm tốn - vì tuổi nhỏ, vì mù lòa - xin góp ý với anh Phong: “Vị trí đời em cũng chỉ là một vực sâu thăm thẳm. Nhưng em tin là nếu mình hết sức cố gắng, trời vẫn cho mình đủ thời gian để leo từ vực thăm lên đỉnh núi. Vì nỗi khổ hiện tại mà từ chối sự sung sướng trong tương lai là một điều dại dột. Nếu có một người con gái yêu em, em sẽ nhất định xin cưới cô ta làm vợ, không có mặc cảm, lo lắng hay sợ hãi gì hết. Có thể nỗi khổ sẽ đến ngay sau hạnh phúc. Nhưng em sẽ tiếp đón cả hai như một người chủ tiếp đón những ông khách vừa xấu, vừa tốt. Em muốn được sống, thiết tha sống. Em thích một căn phòng ồn ào hơn là một căn phòng trống rỗng (...) Theo ý em, anh đã yêu thì cứ tiếp tục và tính chuyện xây dựng với chị Kim. Một cuộc đời đủ dài để anh làm giàu, tạo sự nghiệp, lại rất có thể quá ngắn khiến anh không kịp tìm ra một người yêu thương mình thực tình.” Sau những lời chí tình như thế, thấy Phong im lặng, Bằng e ngại, lại rất mực khiêm tốn, hỏi: “Em nghĩ sai hả anh Phong.”

Kết thúc cuốn truyện là cái cảnh San lên đường ngay giữa cơn mưa đi tìm gặp cô Quỳnh về dự án một trang trại cho người mù mà hai người - một sáng một mù - cùng ôm ấp bấy lâu.

Trẻ con trong các truyện của Điều hầu hết có nét nghịch ngợm, có đũa lười lĩnh nữa, nhưng không ác độc bao giờ. Chúng yêu thương cha mẹ, anh em, bạn bè. Có thể láu lĩnh, nhưng vẫn tình nghĩa: có tám vé số, bé Dũng ước trúng độc đắc lấy tiền “mua cái xe hơi để chở cả thầy và hết cả lớp đi chơi và đi coi hát bóng”. (Cỏ Hoang)

Còn người lớn, gặp thời khó khăn, họ chịu nhiều đau đớn. Thượng sĩ Hoan trúng đạn vào ngực, vào bả vai, vào sườn, cánh tay phải vô dụng; hội đồng bác sĩ giám định cho là bất lực vĩnh viễn, đề nghị cho xuất ngũ. Thượng sĩ Hoan nằm khóc âm ỉ một lúc, rồi hét: “Mình còn khỏe mạnh chứ đã chết chóc gì đâu!... Mẹ! Thằng này bắn tay trái cũng không đến nỗi gửi đạn về làng. Những đứa còn đủ chân tay đánh lộn chưa chắc đã ăn thằng này.” (Đoạn Đường Còn Lại). Không phải thượng sĩ Hoan ham đánh giặc vì tự ái, như lão tướng Hoàng Trung khi bị chê già. Chẳng qua đông con, sợ xuất ngũ không biết làm gì để nuôi gia đình. Về sau, giải ngũ về nhà trở tài đàn rỏ rá kiếm được tiền, sườn hết đau, “cưỡi xe gắn máy chạy như gió”. Đời giản dị thôi.

Một thương binh khác, mất tay phải chân phải, teo chân trái, mù mắt, ngồi xe lăn, khi nghe hội đồng xướng đến tên mình: “Nguyễn Đình Phúc, tàn phế trăm phần trăm, miễn dịch vĩnh viễn, mẫu số... một”, thì ông liền quơ tay tìm người vợ đang đẩy xe, reo: “Rồi, trăm phần trăm! Biết trước mà.” Người vợ cũng mỉm cười sung sướng, nhưng bà ta cúi đầu giữ nguyên vẻ khép nép. Nghe xong các chi tiết về trường hợp mình, người chồng lại vừa giơ tay vừa cúi đầu chào. Ông ta cười vui thành tiếng: “Xin chào hết mấy ông. Xin lỗi! Tôi mù cả hai mắt thành ra không biết mấy ông chức gì! Xin chào!” Người vợ đẩy xe đi rồi, bàn tay trái ông ta còn giơ cao tới ngang mũi. (Đoạn Đường Còn Lại)

Trẻ con và người lớn, kẻ tàn tật và người lành mạnh, đa số nhân vật của Điều yêu đời, lạc quan, tin cậy ở cuộc sống.

- “Vậy thì xã hội có hướng đi lên mạnh quá!”

Những ai có ác ý liên hệ cái viết của Điều với một xu hướng nhằm minh họa chính sách nào, ca ngợi chủ nghĩa nào, tôn vinh chế độ nào, ai đó sẽ tha hồ hỏ thẹn về sự sai lầm của mình. Không thể tìm thấy tác phẩm ca ngợi chính quyền của Điều đâu, chúng ta chỉ gặp những chỉ

trích, giễu cợt chính giới (của Kiều Phong) thôi. Điều có ca ngợi là ca ngợi con người, cả loài người, cả cuộc sống; chứ không phải một chính quyền, một chế độ nào.

Đây đó, tác giả có ghi nhận cái mỉa mai trong những cảnh ngộ nghiệt ngã. Nhưng cả tác giả lẫn nhân vật đều chấp nhận hoàn cảnh không cay đắng uất hận.

Không phải chỉ cái nhìn vào con người, mà cả cái nhìn ra thiên nhiên ở Điều cũng thế.

Hãy để ý đến một cái nhỏ nhặt: cái gió. Thỉnh thoảng tôi bắt gặp ở *Đêm dài một đời* một thoáng gió. Cậu bé Thương đang ngồi với hai huynh trưởng. “Anh Phong, anh Bằng và tôi chiếm một chỗ cỏ mọc dày gần cửa phòng nhạc. Đêm mát, cỏ thơm (...) Gió thổi đều như không bao giờ dứt. Nhờ gió tôi cảm thấy bãi cỏ rộng mênh mang. Bóng tối bớt nặng nề. Sự vui mừng cùng nỗi buồn rầu đã hòa hợp lại gây nên một cảm giác lâng lâng dễ chịu. Thỉnh thoảng, một con vật nhỏ bé từ lá cỏ bò lên chân tôi. Tôi gạt nó đi rất chậm để khỏi làm nó phật lòng.” Ngọn gió làm cho người mù cảm thấy bãi cỏ rộng, thế đã thú. Lại còn cái gió này mới tuyệt: “Tiếng máy ở cổng xưởng trước trường bỗng nhiên ngừng. Gió đêm lùa qua cửa sổ, vào phòng, thoáng qua tôi như một bóng người vội vã. Trời lạnh, đêm khuya rồi.” Gió, như bóng người thoáng qua một đứa trẻ cô đơn trong bóng tối triền miên: tài tình và cảm động biết bao! Con gió được bắt gặp, được nhận định tinh tế, và được phát huy công đức trong một lúc bất ngờ!

Đọc Điều, ta tiếp cận một tâm hồn nhân ái bao la và dịu dàng.

6 - 1998

(In trong phần *Truyện của bộ Văn học Miền Nam*)

(1) Các nhà văn nhà thơ nói đến trong sách này đều được xưng là ông hay bà. Tuy vậy, đối với một ít vị mà tác giả có quan hệ tình cảm thân thiết đã lâu, tiếng ông bà nghe có vẻ vờ vĩnh giả tạo. Vậy xin được giữ cách xưng hô riêng vẫn dùng từ trước. (VP).

Tính uy mua và nghệ thuật trong thơ Cao Tần Đặng Tiến

Uy mua là phiên âm chữ Pháp humour, tôi tìm không ra từ Việt tương đương, đại khái như là hóm hỉnh, dí dỏm, hài hước, phóng thích, tếu, v.v... Dường như có lần Nhất Linh phiên âm thành u mặc.

Uy mua là hóm. Thêm cái ý: vượt lên trên những không may, vượt lên trên tai họa hay bị kịch. Không những lấy được khoảng cách, độ lùi, mà còn vượt lên trên. Uy mua là mình tự giễu mình, với giọng đùa cợt chứ không chua cay. Khi Cao Tần xưng ông, xưng «gãy cánh đại bàng» thì không phải là kiêu, mà là hóm. Đại ngôn một chút: uy mua là hòa giải với số mệnh. Nếu cần thu thơ Cao Tần vào cái hồ lô, thì có thể hô lên một câu ngắn: hòa giải với số mệnh.

*

Trong văn thơ Việt Nam ít có, nhưng vẫn có, uy mua. Ca dao có câu vô cùng tinh tế:

*Tương giếng sâu, anh (em) nói sợi dây dài
Ai ngờ giếng cạn, anh (em) tiếc hoài sợi dây*

Ở mức độ đơn giản hơn:

*Chàng ơi đưa gói em mang
Đưa gươm em xách để chàng đi không*

Và dân già hơn nữa:

Trời mưa trời gió

Xách đũa đi đơm

Chạy về ăn cơm

Chạy ra mất đũa

(đũa: dụng cụ để đơm, bắt cá bằng tre đan)

Câu vãn về này không có nghĩa lý gì, và cũng không có giá trị gì, ngoài chất uy mua. Người không có óc uy mua sẽ cho là quê mùa, vớ vẩn. Nói lên: Xuân Diệu, sinh thời, là người sành và sành ca dao. Nhưng ít uy mua nên dứt khoát không chấp nhận câu:

Xùng xình như áo mới may

Hôm qua mới mặc, hôm nay mất rồi

Võ Phiến là nhà văn giàu uy mua, lại là người sành thơ Cao Tần, là người viết tựa cho Cao Tần, năm 1978, có nhận xét «trong thơ Cao Tần thường ẩn hiện nụ cười, cười như người Việt Nam vẫn cười trong tận cùng cay đắng». Nhưng anh không chính xác gọi nụ cười dân gian «tận cùng cay đắng» ấy là uy mua.

Trong văn thơ cổ điển, bài thơ tiêu biểu cho tính uy mua và đạt đến nghệ thuật siêu đẳng là bài «Bạn đến chơi nhà» của Nguyễn Khuyến, mượn lại ý thơ Nguyễn Bình Khiêm, bài «Gượng đến mừng nhau một mặt không»:

Cải chữa ra cây, cà mới nụ

Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa

Thơ Cao Tần hay, thành công nhanh và được yêu chuộng lâu dài, là nhờ vào nghệ thuật có nền truyền thống lâu đời. Chỉ mỗi sàu di tản không thôi, thì khó trụ được dài lâu và truyền tụng rộng rãi.

Những người di tản vào tháng 4-1975, ra đi hoảng hốt, thường không mang được hành trang gì. May ra còn giữ được đôi ba giấy má tùy thân. Quân nhân có khi còn giữ được trong người giấy tờ quân sự:

1. *Trong ví ta này chứng chỉ tại ngũ*

2. *Mất nước rồi còn hiệu lực hơi lâu,*

3. *Chiều lưu lạc chợt thương tờ giấy cũ*

4. *Tái tề cười: giờ gia hạn nơi đâu?*

(Bài 17, tr. 52, «Cầm khải», tr. 39) ^[1]

Cao Tần dùng lời ăn tiếng nói dân gian «còn hơi lâu», cũng như «còn lâu», là từ ngữ phủ định dứt khoát: còn lâu tôi mới yêu anh, nghĩa là không bao giờ. Nhưng trớ trêu hiểu ngược lại, theo cú pháp bình thường cũng không sao, có thể còn lý thú: nước mất rồi thì giấy tờ sẽ có hiệu lực vĩnh viễn. Câu 2, bản chất nó là uy mua. Nhưng vì tính đa nghĩa, chất uy mua loãng đi. Uy mua ở đây là câu nói tự nhiên, không chơi chữ, không tu từ (nhưng ở nơi khác, như câu đối, thì uy mua dùng phép tu từ, kỹ thuật ngôn ngữ, cái này không loại trừ cái kia).

Câu 4 rõ chất uy mua: câu hỏi tự nhiên, cực kỳ duy lý. Vì cực kỳ duy lý mà nó ngớ ngẩn, thậm chí điển hình cho khái niệm phi lý (absurde) phổ biến trong triết học phương Tây khoảng giữa thế kỷ XX, du nhập vào Việt Nam, chủ yếu là qua tiểu luận và tiểu thuyết Camus. Nhưng điều này không can dự gì đến Cao Tần: uy mua của anh bắt nguồn từ tính dí dỏm trong truyền thống dân tộc. Chúng ta ai có dịp lân la trò chuyện với các bà cụ nhà quê, ít học hay thất học, sẽ ngạc nhiên về câu chuyện, ngôn ngữ cực kỳ sắc sảo, với những nét hóm hỉnh, tinh anh kỳ diệu của họ. Cao Tần sống thời đại mình, trong một bầu không khí văn hóa, văn học, một khung cảnh xã hội và trải qua một cuộc chấn động đổi

đòi, thì tự nhiên tâm tư mang âm vang «phi lý» sẵn có trong tư trào hiện đại. Và tình cờ thôi, nét dí dỏm dân gian trong anh vấp phải cái phi lý của lịch sử - tạo chất uy mua nhuộm màu phi lý có giá trị không riêng gì cho người Việt di tản, lưu vong, mà cho cả làng văn học Việt Nam trong nền văn chương thế giới. Chiều kích nhân văn và toàn cầu của thơ Cao Tần, nếu có, trong chủ quan của tôi, là chất uy mua trong tư trào văn học đang giảm tính bi kịch và tăng chất uy mua.

«Giờ gia hạn nơi đâu» là một câu thơ hóm hỉnh có hiệu lực, nhưng tự thân nó không có chất hóm. Nét dí dỏm dựa vào cả câu thơ, trong cả đoạn 4 câu và toàn bài tả những giây tờ còn lại trong ví. Mệnh đề dẫn nhập là:

*Chiều lưu lạc chợt thương tờ giấy cũ
Tái tê cười...*

Động từ «cười» báo hiệu cho câu thơ tếu, dù tự thân chưa phải tếu vì chữ tái tê, nhưng đã đưa tín hiệu uy mua, mà xưa kia Pascal gọi là «tiếng cười của tâm hồn» và gần đây Jankélévich gọi là «nụ cười của lý luận». Hồi gia hạn nơi đâu, lý sự thì lẩn thẩn mà đậm đà tình cảm vì đưa lên câu trước, ráp lại thành mất nước rồi... còn gia hạn nơi đâu». Câu thơ bi thiết đòi lại một không gian đã mất, cửa mạnh vào niềm «nhớ nước đau lòng con cuộc cuộc».

Đoạn thơ sẽ tăng giá khi đặt vào toàn bài thơ:

*Trong ví ta này một thẻ căn cước
Hình chụp ngay đơ rất mực cù lần
Da nhọt nhạt như bị đời nhúng nước
Má hóp vào như cả tháng không ăn*

*Mười tám tuổi thành công dân nước Việt
Tên chụp hình làm ta xấu như ma
Thằng khốn nạn làm sao mà nó biết
Ta sẽ thành dân mất nước tan nhà (...)
(Bài đã dẫn)*

Mất nước tan nhà thì nào có can dự gì đến tên chụp hình mà chữ nó là «thằng khốn nạn». Đây là một lý luận hoàn toàn phi lý – mà Camus gọi là *raisonnement absurde* – để đáp ứng vào một hoàn cảnh phi lý,

(...) một đời quái đản:

*Hai mươi năm xưa làm thằng nhỏ di cư
Hai mươi năm sau thành nhà thơ di tản
(«Hát ngao trên tuyết», tr. 43)*

Mảng tên chụp hình là giống như Nguyễn Khuyến, giận tuổi già, mắng cái răng, trong bài «Sắt xỉ».

Cao Tần không làm thơ trào phúng như Tú Xương, nhưng cùng chia cái ngông, cái «ông» với Tú Xương: «*Ông nốc rượu vào ông nói ngông (...)* Khách hỏi nhà ông đến, nhà ông đã bán rồi...»

Xuân Diệu có viết: «thực tình là tôi thấy những câu thơ xúc cảm của Tú Xương chiếm phần lớn nhất (...). Trào phúng là vỏ, mà ruột thì thật cảm xúc đớn đau, thì cũng thành trữ tình thôi». Ý này áp dụng vào thơ uy mua của Cao Tần cũng đúng. Từ thế kỷ 19, các từ điển Littré và Larousse đã cho uy mua là «cái vui nghiêm trọng» (*la gaité serieuse*), Kierkegaard đi sâu hơn, cho là «nỗi thống khổ nội tại của nhân sinh». Nhưng nói như thế thì hết cả... uy mua.

Giới làm văn học Việt Nam chưa mấy quan tâm vào phong cách uy mua, mà họ đồng hóa với trào phúng, dù rằng uy mua chỉ là thành tố nhỏ của trào phúng, có khi nó hủy diệt chất

trào phúng; ngược lại trong văn chương bi kịch của Kafka, Beckett, Ionesco... thường có uy mua. Thơ Cao Tần mang tính uy mua dân dã Việt Nam, trong truyền thống văn học dân gian: ca dao, tuồng chèo, câu đối – nhất là câu đối – và một số chuyện tiểu lâm cười mỉm. Đỉnh cao trong truyền thống đó là bài hát «Mắt ô» của Trần Tế Xương, một đêm đi hát cô đầu:

*Hôm qua anh đến chơi đây
Giày dón anh dận, ô tây anh cầm
Rạng này trông điếm canh năm
Anh dậy, em vẫn còn nằm trơ trơ
Hỏi ô, ô mắt bao giờ
Hỏi em, em cứ ỡm ờ không thừa
Chỉnh e rày gió mai mưa
Lấy gì đi sớm về trưa với tình*

Mắt ô mà vẫn thản nhiên, ỡm ờ, thậm chí còn huê tình như thế, quả là uy mua tuyệt vời. Cao Tần cũng có cái giọng ấy, khi nhắc đến những câu hát cũ còn đọng trong tim óc người xa xứ, thỉnh thoảng ẽ a bật lên môi, với bạn cũ hay với một mình:

*Hát tự nhiên đi mà bạn quý,
Giọng bạn khàn khàn hơn chú vịt bầu
Đừng e sẽ mất lòng tri kỷ,
Dù nghe bạn hát chỉ thêm đau
(...)
Bạn bỗng kể: khi về gặp nàng
Có lúc du dương nàng bắt hát
Cứ hát, ta nghe mà bạn quý
Mai đời di tản lại buồn tênh
Rồi ra cặp được đào thơm Mỹ
Bạn sẽ trăm năm hát một mình
(Bài 2, tr. 2, "Hát một mình", tr. 29)*

Uy mua ở đây do bất ngờ ở kết luận, như bài hát "Mắt ô", Cả hai tác giả tinh quái đùa vui với một cảnh ngộ. Ở Tú Xương là nét dí dỏm nhẹ nhàng: mắt ô này thì sấm ô khác, "lấy gì đi sớm về trưa với tình" là một lời trách khéo, máng yêu. Máng mà vẫn yêu. Nhưng cái anh mắt nước và mắt vợ thì vô phương bù đắp. "Rồi ra cặp được đào thơm Mỹ" là một cơ may ngang trái, có khi là oan trái. Đào Mỹ nào mà chả thơm. Nhưng chả nhẽ trăm năm với nhau chỉ bằng cái lỗ mũi? Hát một mình tự nó có khi là niềm vui, là hạnh phúc. Nhưng ở đây là khổ lụy không có lối thoát. Cái mâu thuẫn mà Kierkegaard gọi là «niềm thống khổ nội tại của nhân sinh» ở đoạn trên, không phải là triết lý viển vông.

Từ "đi sớm về trưa với tình" đến "trăm năm hát một mình", Cao Tần theo gót Tú Xương và xứng là môn sinh. Vì vậy khi Cao Tần tự xưng là Nhà Thơ Di Tản thì tôi hoạn mất phần sau, gọi bạn là: Nhà Thơ Tú Cua.

*

Hóm hình với tấm hình căn cước của chính mình, hay với giọng hát vịt bầu của người bạn là tình nghịch với hoàn cảnh cá nhân; nhưng gắn liền với lịch sử đất nước, nên thơ Cao Tần có âm vang lâu và sâu, vừa tếu vừa mỉa. Chưa mà ngọt, bùi bùi, đắng đắng.

Nhưng khi cao hứng, nhà thơ đùa cả nước:

*Bài học lớn từ khi đến Mỹ
Là ngày đêm thương nước mênh mang
Thù hận bọn làm nước ông nghèo xí
Hận gấp nghìn lần khi chúng đánh ông vắng.*

*Nếu mai mốt bỗng đổi đời lần nữa
Ông anh hùng ông cứu được quê hương
Ông sẽ mở ra nghìn lò cải tạo
Lùa cả nước vào học tập yêu thương*

*Cuộc chiến cũ sẽ coi là tiền kiếp
Phân động gì cũng chỉ sống trăm năm
Bỏ bịch hết, không đũa nào là Ngụy,
Thắng vinh quang mà bại cũng anh hùng
(Bài 6, tr.18, "Bài học lớn", tr. 26)*

Uy mua là vượt lên khỏi thân phận, và hòa giải với mệnh số - ở đây là thân phận nghiệt ngã và mệnh số bi đát. Uy mua là tầm nhìn, lối nghĩ hiền triết vốn có trong tư tưởng phương Đông và truyền thống dân tộc. Cao Tần phát ngôn trong tư thế người bại trận, một chế độ bại trận, bị "đánh văng", mất hết tài sản, chức năng, quyền lợi. Thậm chí còn bị xúc phạm trầm trọng trong tình cảm và danh dự. Cao Tần không đầu hàng, không thỏa hiệp, không hận thù vì thua cuộc, bị "đánh văng", mà vì đất nước "nghèo xí". Uy mua nơi Cao Tần bắt đầu từ lòng khoan thứ, ước ao mọi người đều bỏ bịch, cùng nhau học tập yêu thương. Tuy nhiên không phải ai ai cũng sẽ chia tấm lòng cao đẹp ấy, từ phía bên này đến phía bên kia, chưa kể là không phải ai ai cũng chấp nhận uy mua. Cuộc đời Nguyễn Trãi không biết bao nhiêu gian truân, mà đã viết được câu:

*Duy một tấm lòng ưu ái cũ
Đêm ngày cuộn cuộn nước triều đông...*

Trong bước đường lưu lạc, "ngày ngày phóng xe như thẳng phải gió, đêm về nằm vùi nước mắt chứa chan" Cao Tần đã mất nhiều, nhưng không mất hết. Còn lại là phần nghĩa khí, cốt cách, khiến anh xứng đáng với tiền nhân.

*

Uy mua là độ lùi, khoảng cách, tầm nhìn từ xa, từ cao. Cao Tần, trong ngành không quân, quen nhìn đời từ trên cao:

*Hơn mười năm nhà ông bay trên cao
Mặt đất nâu xanh nằm ngoan dưới gót
Nhân loại tí teo xinh đẹp chừng nào.
Nhân loại hiền từ như những con sâu.*

*Những đêm đen tàu trôi qua thành phố
Cả đất trời nở triệu ánh sao xinh
Mặc những đấu tranh lọc lừa dưới đó
Nhìn từ cao nhân thế thật thanh bình
(Bài 16, tr.48. "Trên non cao", tr. 23)*

Không phải vì quen bay trên mây mà con người có óc uy mua.

Nhưng vì quen nhìn cao, nên khi bị «đời khốn kiếp đã quăng xuống đất», Cao Tần đã rủ bạn cùng đăng sơn:

*Ta biết nhà ông rầu thấy mờ
Thôi cuối tuần này theo ta lên núi
Lên thật cao nhìn xuống đời lô nhô
Rũ bớt bụi trần, quen thân múa rối*

*(...) Trên núi cao ta biết rành một chỗ
Có hòn đá xanh, có gốc thông già
Ngồi trên đá ông sẽ thành Trang Tử
Hòn nhẹ tênh theo bướm lượn chiều tà
(Bài đã dẫn)*

Văn Trang Tử, *Nam Hoa kinh* thanh thoát, cao siêu, có khi làm người đọc ít quan tâm đến phong cách uy mua: «nếu cánh tay trái ta hóa thành con gà thì nhân đấy ta gáy canh; nếu cánh tay phải ta hóa thành viên đạn, thì ta sẽ kiếm chim quay» (Thiên đại Tông sư). Nhưng chỉ nói đến nét dí dỏm thôi thì không bày tỏ rõ rệt nghệ thuật trong thơ Cao Tần. Điểm chính là thi pháp huê dạng, đa dạng, pha tạp những câu đùa vui, những từ dung tục trong kho khẩu ngữ bình dân, phong cách «thô tháp» theo nghĩa grotesca hay grotesque của người Ý, Pháp, thịnh hành thời Phục Hưng. Những câu dung tục xen vào nhiều hình ảnh tinh vi:
Những mái tôn cười ran hạnh phúc

Bài 14, "Bản khoán", gồm 5 khổ, bắt đầu bằng một câu thơ nhiều âm bằng, na ná giống nhau, nhưng khác nhịp, người tinh ý mới nhận ra:
*Chú nào đi đường ta bình minh này
(...) Chú nào trưa nay ngồi trên đồi ta
(...) Chú nào ngồi trước hiên ta chiều nay
(...) Chú nào biết yêu thương vài nụ hồng
(...) Chú nào đêm nay kê đầu gối đó.*

Chứng tỏ Cao Tần nắm vững âm pháp và tôi luyện lời thơ kỹ lưỡng, có ý thức sâu sắc về kỹ thuật, tương quan giữa ý và lời. Tiêu biểu nhất cho thi pháp Cao Tần là bài "Hát ngao trên tuyết" không có trong ấn bản đầu tiên. Chúng tôi trích toàn văn để người đọc thưởng lãm:
Hát ngao trên tuyết

*Khoác áo lông xù giả làm tráng sĩ
Lên dòng sông đá bước nghênh ngang
Cây gậy trúc trông sắc mùi vũ khí
Múa tưng bừng vào thính không giá băng*

*Khoái thay đời ta một đời quái đản
Hai mươi năm xưa làm thẳng nhỏ di cư
Hai mươi năm sau thành nhà thơ đi tản
Một đời quê hương khét mùi súng đạn
Một đời xót xa bằng hữu lao tù*

*Khoái thay chân ta những chân phiêu bạt
Đi dọc quê hương đi vòng địa cầu
Đi thênh thang thờ đời cao gió mát
Đi ngắt ngây thương lúa vàng hương cau
Đi uống rượu mừng, đi chia tan tác
Đi tràn hạnh phúc, đi ngập thương đau
Đi sỏi đá mòn, bết hồng trước mặt
Đi bưng bão biển quê hương phía sau.
Những chân thú hoang lạc rừng đất lạ
Những bước ngậm ngùi đi chẳng về đâu*

*Sông không đầu đuôi sông màu đá cục
Dưới trên lẫn lộn trời đất mang mang
Ta ngửa cổ làm thẳng khùng Bắc cực
Một mình cười cùng thình không giá băng*

*Khoái thay hồn ta một hồn dị thường
Khi bốc lên núi lưng trời cũng thấp
Khi bi ai thân cỏ mọc bên đường*

*Sông dài! Sông dài! Ta đi chẳng hết
Thân trượng phu, hừ, mục trong áo cơm?
Núi cao! Núi ca ! Ta về không đến
Chí trượng phu, hừ, chôn trong giá băng?*

Tháng 2/1978

Quan điểm bài này vẫn là tầm nhìn cao trong không gian, xa trong thời gian; tác giả nhìn đời và nhìn mình từ xa, thanh thoát, thành thoi, bao quát và bao dung. «Khoái thay» ở đây không phải là đặc chí tự mãn mà là niềm thanh thoát giải tỏa, hóa giải kiếp người «đi tràn hạnh phúc, đi ngập thương đau» để rồi «đi chẳng hết, về không đến».

Khí thơ tuôn ào một mạch, như một dải sông Hoàng, mộng và thực xô đẩy nhau trong âm vang hào sảng, bi tráng, ngát ngát Hồ Trường, đậm đậm Thâm Tâm. Bài thơ vượt ra khỏi tâm sự cá nhân lưu vong, loang ra thành tiếng vang của một thời đại trong nhiều âm sắc, chính trị và văn hóa. Lịch sử, địa dư, phong tục, tự sự, tâm tình chen lẫn vào bản hào ca chất ngất chữ nghĩa, dạt dào nhạc điệu, trùng trùng hình ảnh.

Lối «hát ngao» hay cuồng ca này nằm trong truyền thống lâu đời ở phương Đông cũng như phương Tây. Trong văn học Lý Trần, Tuệ Trung Thượng Sĩ Trần Tung (1230-1291) có bài "Phóng cuồng ngâm", bản dịch Trúc Thiên 1969, có thể Cao Tần có biết. Cùng một hào khí khinh khoáng, cùng một «tay gậy nhỡ như phương ngoài phương» nhưng thơ Cao Tần thực tế, dựa trên những hình ảnh cụ thể lấy ra từ những mảnh đời ly tán, từ quê hương xa cách, mang chất ngậm ngùi cảm động. Từ đó nó là khúc tráng ca tiêu biểu cho một thời đại, đồng thời nó đánh dấu một khúc quanh trong tâm thức Việt Nam. Bằng nghệ thuật - ở đây là thi ca và uy mua – con người có khả năng vượt qua thân phận phi lý, mà lịch sử oan nghiệt, như một đám cháy lớn, hoặc đã tạo ra, hoặc đã làm trầm trọng thêm, hoặc đã khơi động cho sáng tỏ hơn.

Nghệ thuật không chế ngự, không khắc phục được lịch sử, nhưng bảo vệ phẩm chất con người sau hố bom định mệnh; thậm chí nghệ thuật còn vượt lên, để tồn tại sau lịch sử. Lịch sử là sự việc đã, hay đang qua; nghệ thuật là tác phẩm còn lại, là tình đoàn kết và liên đới lâu dài của dân tộc, giữa con người trong nhân loại.

To tiếng như vậy, dù đúng dù sai, là cũng tàn mùa... uy mua, cùng với mùa rau muống năm nay.

Coi như vì tham chữ mà rách chuyện.

Vị chi là: câu thơ Cao Tần ba mươi năm rồi, tôi đọc vẫn chưa thông.

Viết xong, đọc lại bản thảo, mới nhận ra điều sơ đẳng : bút hiệu Cao Tần cũng là uy mua.

Orléans, 20/8/2006

^[1] Thơ Cao Tần, bản 1978, do Tạp chí Bút Lửa và nxb Người Việt thực hiện, bìa do họa sĩ Nguyễn Văn Mịch, khổ nhỏ 10x17 cm, giấy màu hồng, in kiểu tiểu công nghiệp, 56 trang,

gồm 17 bài thơ làm trong năm 1977, đã rải rác đăng trên báo Bút Lửa. Các bài thơ không có tên, chỉ đánh số từ 1 đến 17.

Sau đó, 1984, nhà Tin Yêu tại Seattle của nhóm Thanh Nam tái bản, khổ lớn 21x27 cm, Ngọc Dũng vẽ bìa, in đẹp, có lời giới thiệu của Võ Phiến viết tháng 1-1978. Những bài thơ lần này có tên và không theo trật tự lần trước. Và thêm 1 bài làm 1978 và 2 bài 1982. Tiểu luận này sử dụng bản 1978 ; khi trích dẫn ghi cả hai tham bản cho tiện việc đọc giả tra cứu.

Về Cao Tần và dòng văn chương “hoài cảm, nhớ nhà” của người Việt ngoài nước (1975-1995)

Bùi Vĩnh Phúc

Theo cách nhìn của tôi, ta có thể chia dòng văn chương ngoài nước ra làm sáu nhánh với những lưu lượng và nhịp chảy riêng khác nhau.

Nhánh thứ nhất tôi tạm gọi tên là *nhánh hoài cảm, nhớ nhà*. Nhánh thứ hai tạm gọi là *nhánh lên đường, chiến đấu*. Thứ ba là *nhánh thích nghi*. Thứ tư, *nhánh hội nhập*. Thứ năm, *nhánh tiếp cận, phê phán lịch sử, xã hội*, trình bày những mẫu sống bằng sự quan sát, ghi nhận khách quan, nhiều khi đượm màu sắc triết lý. Và cuối cùng, thứ sáu, là *nhánh duy cảm, duy nhiên*, có nhiều tính “vị nghệ thuật”, nghiêng về hướng triết lý sống... Tất cả những nhánh này, ở những mặt nào đó, lại gắn bó chia sẻ với nhau một số nét chung. Có những tác giả, trong cùng một giai đoạn hoặc trong những giai đoạn khác nhau của hành trình cầm bút, có thể ở vào những khuynh hướng khác nhau. Ngay trong một tác phẩm, ta cũng có thể thấy sự thể hiện của những khuynh hướng khác nhau trong đó (nhất là trong một tuyển tập truyện ngắn chẳng hạn).

Nhưng, như đã nói, ta hãy cứ thử làm công việc phân nhánh như thế để định tính của những dòng này. Sự phân nhánh này, từ một góc độ khác, cũng cho thấy sức vận động và phát triển của dòng văn chương Việt ngoài nước trong thời gian hơn mười ba năm qua.

Hoài cảm, nhớ nhà chỉ là một cách gọi. Cách gọi này không mang trong nó một thái độ nhìn ngắm nào gắn gũi với sự mỉa mai, tiêu cực hay xem thường từ phía người khảo sát. Sở dĩ tôi nói lên điều đó vì, trong khuynh hướng này, tôi nhận ra có những đóng góp thật đẹp đẽ và hết sức sắc bén, nhạy cảm của nhiều nhà văn có tài năng và có đầy lòng yêu thương tha thiết với đất nước, quê nhà. Tôi xác định về thái độ nhìn ngắm trên của tôi với khuynh hướng văn chương này cũng chính là vì 7, 8 năm trước đây đã có một loạt bài trao đổi qua lại mang tính cách phê phán, đánh giá về một thể hiện của dòng văn chương này. Và hiện tại, vẫn có những người cho rằng dòng văn chương này có tính cách tiêu cực, đáng bị kết án.

Về chuyện 7, 8 năm trước, tôi muốn nhắc lại trường hợp thơ Cao Tần.

Thơ Cao Tần - được xếp loại chung với một số thơ của một, hai thi sĩ khác, trong một số bài báo xuất hiện khoảng năm 1980, 1981 của Thi Thi Văn Đạt - đã bị đánh giá là tiêu cực, không có tinh thần chiến đấu, mang đầy tính vô định hướng một cách mệt mỏi. Cao Tần đã trả lời những luận cứ này bằng một bài khá dài đăng trên báo *Sài Gòn Mới* (?). Với lời lẽ xác đáng, đầy lửa, nhưng lại chan chứa những tình cảm chân thật của một người cầm bút lưu vong, Cao Tần đã nói lên được một cách rất hùng hồn cái thái độ sáng tác và tham dự vào văn chương của mình. Tôi đã đọc bài này quá lâu nên chỉ nhớ đại ý của nó. Cao Tần cho rằng, văn chương,

theo nghĩa thuần túy cũng như theo nghĩa phản ánh tâm tình của con người trước đời sống, thời cuộc, có thể được biểu hiện bằng nhiều cách. Nếu trong lịch sử, văn chương ta đã có những bài hịch hực lửa, kích thích tinh thần chiến đấu của dân Việt trong những giai đoạn quyết liệt nhất của đất nước, nó cũng có những bài tự thán, những bài mang tính chất phẫn hận. Và tất cả đều có những giá trị văn chương cũng như xã hội của chúng. Không phải lúc nào con người cũng phải chuẩn bị mình ở trong tư thế để thét ra lửa. Người ta, có những lúc cũng muốn ngồi im một chỗ, để lòng mình lắng lại mà nhớ về dĩ vãng, nhớ về những kỷ niệm đầm thắm của cuộc đời. Có khi người ta cũng muốn tự để chảy ra một dòng nước mắt. Để lau rửa đi những muộn phiền uất ức mà người ta đã bị đẩy vào thế phải gánh chịu. Không phải lúc nào cũng hừng hực biến đau thương thành hành động được. Nếu người ta còn là con người, người ta còn có những lúc tìm thấy ở trong rung động mình những xót xa, đau đớn mà cuộc đời đã mang lại cho người ta; người ta còn muốn gọi lại trong tâm hồn mình những hình ảnh êm ái, tha thiết cũ mà người ta đã bị thời gian và những cuộc đời cướp mất. Một con người yêu nước có lúc cầm súng chiến đấu, nhưng cũng có lúc ngồi thương nhớ vẫn vợ về một giọt lá me bay ngơ ngẩn trên đường phố quê nhà một chiều mưa tạt... Tất cả những điều ấy không có gì là đáng để bị lên án, chối bỏ.

Tôi chia sẻ với Cao Tần những suy nghĩ đó, nhất là nếu đặt tập thơ của Cao Tần trong bối cảnh nó được viết ra (khoảng 1976-1977). Trong tâm trạng dao động, phẫn uất của một người Việt Nam bị đẩy bắn ra khỏi quê hương trong một hoàn cảnh lịch sử bi thảm như vậy, Cao Tần đã phản ánh đúng cái tâm tình của một số lớn người Việt (ít ra là trong giai đoạn đó). Hơn thế nữa, thơ Cao Tần còn có cái uất khí cao ngạo (mặc dù có lúc hoang mang, mệt mỏi), cái rung động đầm thắm trữ tình, cái phong vị thênh thang gió cuốn của chính cá tính người thơ. Bao trùm trên tất cả là cái đau đớn, cái xót xa, cái phẫn uất của một con người bị bứt ra khỏi quê hương. Sau khi dao động, nghiêng ngả, phẫn hận, con người sẽ thấy rằng thời gian sẽ cho nó những cơ hội để đứng vững hơn mà nhìn về phía trước. Dù sao, ngay cả khi đã đứng vững chãi, đã qua khỏi những cơn dao động để có những hành vi quyết liệt với kẻ thù, ai cấm người ta có những lúc tự vỗ về mình, ai cấm người ta có những lúc nhớ về vườn xưa, quê cũ, về những ngõ thu phong một thuở quê nhà, về những con đường xanh um bóng lá những chiều gió nổi, về những cánh lá me bay bay như những hạt cốm thơm trong bầu trời bích ngọc ngày xưa, về những cơn mưa ở quê nhà vẫn còn đắm ướt trí nhớ người ta những ngày lưu lạc... Những tình cảm ấy hết sức con người. Nó cho sự chiến đấu của ta một nhịp thư duỗi để ta có thể tiếp tục con đường đi tới. Trái tim con người không thể đập dồn mãi một nhịp trống trận. Con người không phải là một tập hợp những cơ động vô hồn của một người máy. Và ai dám chắc là những thương nhớ cần thiết kia không phải là một nhịp nghỉ để trái tim tiếp tục đập những nhịp đập cần thiết, những nhịp đập lên đường của nó.

Tôi cho rằng khi mà còn có những con người Việt Nam lưu thân ngoài xứ sở thì những tình cảm thiết tha, đầm thắm hoặc đau xót, nhớ thương đất nước, quê nhà kia còn sẽ tiếp tục được nuôi dưỡng. Dĩ nhiên, sự rung động, sự thương nhớ có thể dần dần đi theo những nhịp độ và những cường độ khác, những màu sắc khác, nhưng nó sẽ còn mãi và tạo ra sự đau nhức đầy ta đứng dậy. Trong đất mềm ướt sương kia, tôi tin là đã ẩn chứa những mầm hạt lên đường, những mầm hạt làm bột lửa bình minh trên quê hương một ngày mai.

Trong khuynh hướng này, những bài viết đầu tiên trên đất Mỹ của Võ Phiến và Lê Tất Điều trên một số báo chí ngoài nước (*Hồn Việt, Văn Nghệ Tiền Phong...*), và sau đó được in thành sách, đã là những đóng góp hết sức đẹp đẽ. Những bài như "Một mùa xuân yên lành", "Chiếc chìa khóa"... của Võ Phiến, hay bài "Nếu bạn gặp một người di tản buồn" của Lê Tất Điều, và một số

bài khác cũng của tác giả này trong tập *Ly hương* (in chung với Võ Phiến khoảng năm 1980), đã diễn tả một cách hết sức chân thực, và xót xa, và đầy nét nghệ thuật, cái tâm trạng nhớ nhà, nhớ nước quay quắt, thất lòng của người tỵ nạn.

Võ Đình, với tuyển tập *Xứ sấm sét*, và Nguyễn Bá Trạc, với tập *Ngọn cỏ bông*, cũng diễn tả được một nỗi nhớ nhà dằng dặc khôn khuây, đượm nét triết lý sâu sắc, với phong cách khác nhau của mỗi tác giả. Tác phẩm của những nhà văn này là những đóng góp đẹp cho dòng văn chương ngoài nước của chúng ta.

Tôi nghĩ tôi phải xin lỗi vì không thể kể hết tên những người viết của chúng ta trong khuynh hướng này. Danh sách quá dài khiến việc liệt kê có thể trở nên luộm thuộm. Dù sao, tôi muốn nói là, hầu hết, nếu không là tất cả, những người cầm bút Việt Nam ngoài nước, trong một giai đoạn nào đó của quá khứ, hoặc/và trong những khía cạnh nào đó của hiện tại, đều mang “căn bệnh” nhớ nhà, nhớ nước bất trị này. Ở một cường độ mãnh liệt hơn để đi đến thái độ quyết liệt, thái độ lên đường, chiến đấu, căn bệnh này được anh em *Nhân Văn* (đặc biệt Phan Tấn Hải) gọi là “bệnh nước”. Nhưng người ta không nhất thiết phải luôn luôn ở trong tình trạng căng thẳng để có thể bút thoát, lên đường chiến đấu. Và lại, sự lên đường, sự chiến đấu có thể mang nhiều nghĩa khác nhau. Mỗi người có một vị trí riêng, một hoàn cảnh riêng để nghĩ và làm những điều tốt đẹp cho đất nước. Tôi nghĩ nếu chúng ta không kéo những tình cảm thương nhớ này xuống mức độ sướt mướt, quy lụy, mệt mỏi, vô định hướng..., mà ta thể hiện chúng một cách sâu sắc, có cá tính và có nghệ thuật, khuynh hướng văn chương... tạm gọi là “hoài cảm, nhớ nhà” này có một giá trị riêng của nó trong ngọn triều chung của dòng văn học ngoài nước, khởi đi từ 30 tháng 4, 1975, ngoài quê nhà.

Nguồn: Trích “Một cách nhìn về 13 năm văn chương Việt ngoài nước (1975-1988)” (viết vào tháng 6.1988) trong *Lý luận và phê bình: Hai mươi năm văn học Việt ngoài nước (1975-1995)*, California: Văn Nghệ, 1996.

Phụ đính thơ Cao Tấn:



Hát ngao trên tuyết

Khóac áo lông xù giả làm tráng sĩ
Lên dòng sông đá bước nghênh ngang

Cây gậy trúc sặc mùi vũ khí
Múa tưng bừng vào thính không giá băng
Khóai thay đời ta một đời quái đản
Hai mươi năm xưa làm thằng nhỏ di cư
Hai mươi năm sau thành nhà thơ đi tản
Một đời quê hương khét mùi súng đạn
Một đời xót xa bằng hữu lao tù
Khóai thay chân ta những chân phiêu bạt
Đi dọc quê hương đi vòng địa cầu
Đi thênh thang thở đời cao gió mát
Đi ngất ngây thương lúa vàng hương cau
Đi uống rượu mừng đi chia tan tác
Đi tràn hạnh phúc đi ngập thương đau
Đi sỏi đá mòn, bếp hồng trước mặt
Đi bùng bão biển quê hương phía sau
Những chân thú hoang lạc rừng đất lạ
Những bước ngậm ngùi đi chẳng về đâu
Sông không đầu đuôi sông màu đá cục
Dưới trên lẫn lộn trời đất mang mang
Ta ngựa cổ làm thằng khùng Bắc cực
Một mình cười cùng thính không giá băng
Khóai thay hồn ta một hồn dị thường
Khi bốc lên núi lừng trời cũng thấp
Khi bi ai thân cỏ mọc bên đường
Sông dài! Sông dài! Ta đi chẳng hết
Thân trượng phu, hừ, mục trong áo cơm?
Núi cao! Núi cao! Ta về không đến
Chí trượng phu hừ, chon trong giá băng?

Gần 30 năm trước, một tập thơ mỏng của một tác giả hoàn toàn vô danh xuất hiện như một sự kiện giữa nền văn học vừa hình thành của người Việt hải ngoại: Thơ Cao Tần. Chúng tôi trân trọng giới thiệu lại tập thơ này với độc giả của ngày hôm nay, và nhân dịp này đăng lại bài viết về thơ Cao Tần của *Nam Chi* (bút hiệu của nhà phê bình Đặng Tiến) năm 1982, nhận định của *Bùi Vĩnh Phúc* năm 1988, cùng với bài phê bình mới nhất của Đặng Tiến tháng 8.2006.

Talawas

1. Chuyện thần tiên

*(Có bà tiên hiền hỏi chàng lưu lạc
Con ước mơ chi cuối cuộc đời này?)*

Ta ước khi không bừng tỉnh giấc
Thấy bình minh muộn nắng đầy hiên
Một khung cửa sổ trời xanh ngắt
Đầu sân xao xác tiếng chim quen

Đường phố ngất ngây mùi bụi mới
Những vòm cây biếc lá me tươi
Quán cóc sờ ta bè bạn đợi

Rất tung bưng đầu hót những buồn vui

Chợt nhớ lại, ô đêm qua khiếp quá
Minh đã mơ một giấc thật kinh hoàng
Mơ thấy cả một quê hương đổ vỡ
Minh lên đường ngỡ ngẩn, lang thang

Sẽ vội vã trên đường lao tới sở
Nghe xôn xao tiếng Việt ở quanh mình
Giữa phố bụi mù lại mơ cây cỏ
Xanh khắp quê hương giấc mộng thanh bình

Ta muốn điều chi cuối đời luân lạc?
Này bà tiên vừa hỏi giấc mơ ta
"Hãy đem hết những đổi đời tan tác
Gói giùm vào cơn mộng dữ đêm qua"

2. Chiều bát phố

Chiều đi bát phố gặp toàn Tây
Bỗng tiếc xưa không làm quen cả xóm
Tự trách mình ngu hơn con cày
Đáng kẹt lại cho thằng Cộng tóm

Bác xích lô mỗi sớm qua nhà
Đầu óc như ta lo cơm lo áo
Cò cẳng cà phê quán cóc la cà
Chửi bới lăng nhăng nội các anh Thiệu

Em điếm rẻ tiền hành nghề Gò Vấp
Anh tìm vui hoang em hát cải lương
Ôm nhau dửng dưng, rời nhau hấp tấp
Lòng vẫn chung mang nỗi sợ sa trường

Nhớ ông thầy tu nghiêm trang cúng lễ
Ta ít khi lãng vãng vào chùa
Sao cùng thấy đời sâu một bể
Cùng tỉnh queo trước chuyện hơn thua.

Nhớ kẻ ngất ngư mình gặp ngoài phố
Hai thằng lạ hoắc chẳng thèm nói nhau
Giờ nghĩ lại, ôi, như ta, nó khổ
Cũng xây nhà trên cát nương dâu.

Giờ nghĩ thân ta chỉ còn có vợ
Vợ trót bỏ quên bên kia bán cầu
Ngày ngày phát phơ giữa rừng mũi lõ
Tìm người tình Việt chưa biết tìm đâu

Chỉ gặp toàn Tây một chiều bát phố

Tiếc sao xưa cả nước chẳng quen nhau
Quen cả nước? Ra đường chào gầy cổ
Và chắc gì nay nghĩ lại không sầu.

Nhưng quen cả nước chắc lòng sẽ nhẹ
Khi đi có chào may bót xốt xa
Ôi! Xóm xưa ơi, khi nào đổi kiếp
Ta về thành chim hót trước hiên nhà

Tháng 2-77

3. Chỗ giấu kho tàng

Sau một tuần ngất ngư lao động
Thứ sáu anh thường thức trắng đêm
Vì đêm anh, Sài Gòn đang sáng
Đêm thao thức anh là ngày khốn khổ em

Ngày khốn khổ, thân em toi tả
Gói nhọc nhằn trong biểu ngữ vinh quang
Ta từng giàu lắm em nào biết
Anh chỉ cho em đôi chỗ giấu kho tàng

Trong công viên xưa có chiếc ghé đá
Giờ dầm mưa chiều hay tươi nắng mai?
Ghé như ngà, bên hàng thông, em nhớ?
Ta bên nhau trên đó những ngày vui

Chiếc ghé từng nghe lá úa thờ dài
Nghe đời cỏ mùa xuân cười rục rĩ
Chia sẻ những buồn vui
Của thời em rất nhỏ

Em hãy đến tìm ở nhà thờ đồ
Ngôi thánh đường gạch hồng như son
Nơi ta thường quanh quẩn những hoàng hôn
Tìm kỹ nhé: ngay sau cây thánh giá

Em hãy tìm về sau căn nhà cũ
Đứng bên rào mà ngó lại vườn xưa
Em nhớ nhé: dưới tàn cây trứng cá
Những trái mộng hồng trong ánh nắng sau mưa
Ở góc vườn còn một viên gạch vỡ
Nơi này mầm hy vọng một giàn dưa
Kín đáo nghe em, giờ nhà đổi chủ
Nhưng kho tàng ta chắc còn nguyên đó

Đứng trước vườn xưa em hãy mỉm cười
Dù môi buồn đã héo xanh thương nhớ
Nuốt lệ thầm và cười cho tươi

Như chiều xưa đón anh về hơn hờ

(Kho tàng ta có một ông thần
Nụ cười em là câu thần chú
Thần chú đọc xong kho tàng sẽ mở)

Kho tàng ta em yêu nhìn xem
Dưới ghé công viên anh giấu thời thơ dại
Trên tháp nhà thờ anh giấu niềm tin
Trong vườn cũ anh giấu thời hạnh phúc
Nơi nụ cười em anh giấu trái tim.

Hãy chia anh một nửa kho tàng
Để cùng tiêu trong chuỗi ngày khốn khó

Thêm một lần thứ sáu trắng đêm
Để hồn về một Sài Gòn đang sống
Gỡ tuyệt vọng cửa thiên đường đã đóng
Xin chia nhau ngày khốn khổ cùng em

Tháng 3-77

4. Bông giấy

Tưởng ta nhớ chú lắm sao
Này cây bông giấy bên rào năm xưa
Chẳng qua trời đổ cơn mưa
Thì thương cảnh mọn đong đưa một mình.

Tháng 12-77

5. Kẻ trở về

Thằng bạn đòi về trên tàu Thương Tín
Hoan hô Đảng và tranh đấu rất chi
Giờ được tin vui thầy Yên Bái
Thôi, còn chê trách nó mà chi.

Nó tưởng được về hôn con, ôm vợ
Bước rưng rưng trong những phố phường xưa
Ôm vợ, hôn con, ngắm trời đất cũ
Chỉ một lần thôi rồi tịch cũng vừa

Nhớ nó xưa chọc trời, xô núi
Thân nam nhi ngang dọc cõi bờ
Bồng di tản ra thân lúi xúi
Trong trại xếp hàng châu cơm như mơ

Trong trại sáng giặt mình, hoảng hốt

Đêm bụng đầy nhóc rượu tim quên
Gọi vợ trong mơ, nhắc con lúc thức
Nằm thì trần trọc, đứng thì điên

Nó quyết đòi về trên tàu Thương Tín
Anh em xúm xít, khăn cổ can hoài
Thằng bạn cười buồn, tác phong lính chiến:
“Thôi coi đời tao là con củ... khoai.”

Thấy nó lên tàu biết xong một kiếp
Nhưng hy vọng hão cứ nguyện như thường
Cầu nó bình an thấy con, thấy vợ.
“Yếu như thằng này chắc đất trời thương.”

Nó bước xuống tàu giữa rừng cán bộ
Về quê hương mà như lạc tinh cầu
Rồi trôi giạt trên nghìn dặm khổ
Rồi âm thầm đổ giữa rừng sâu.

Mày có linh thiêng qua đây tao cúng
Một châu phim X một quả tẩm hơi
Thiên đường mày hụt thì tao đang sống
Cũng ngát ngư đời như con củ khoai!

Tháng 2-77

6. Ta làm gì cho hết nửa đời sau ?

Dăm thằng khùng họp nhau bàn chuyện lớn
Gánh sơn hà toan chất thử lên vai
Chuyện binh lửa anh em chừng cũng ớ
Dọn tinh thần: thưa nhẹ đỡ ba chai

Rừng đất khách bạt ngàn màu áo trận
Xong hiệp đầu mây núi đã băng khuâng
Hào khí bốc đủ mười thành chất ngát
Chuyện vá trời coi đã nhẹ như không

Một tráng sĩ vung ly cười ngạo mạn
Nửa đời xưa ta trấn thủ lưu đồn
Nay đất khách kéo lê đời rất nản
Ta tính sẽ về vượt suối trèo non...

Sẽ có lúc rừng sâu bùng chuyển động
Những hùm thiêng cựa móng thét rung trời
Và sông núi sẽ vươn mình trỗi dậy
Và cò bay trên đất nước xinh tươi

Một tráng sĩ vô êm chừng sáu cõi
Thần tự do giờ đứng ở nơi nào?

Ta muốn đến leo lên làm đuốc mới
Tự đốt mình cho lửa sáng xem sao...

Thần tự do giờ hoài cây đuốc lạnh
Ta tiếc gì năm chục ký xương da
Sẽ làm đuốc soi tìm trong đáy biển
Những oan hồn ai bỏ giữa bao la...

Bình minh tới một chàng bưng tỉnh giấc
Thấy chiến trường la liệt xác anh em
Năm tráng sĩ bị mười chai quất gục
Đòi tha hương coi bộ vẫn êm đêm

Sàn gác trọ những tâm hồn bão nổi
Những hào hùng uất hận gói lên nhau
Kẻ thức tỉnh ngu ngơ nhìn nắng mới:
Ta làm gì cho hết nửa đời sau?

Tháng 3-77

7. Trên non cao

Ta biết nhà ông rầu thấy mờ
Thôi cuối tuần này theo ta lên núi
Lên thật cao nhìn xuống đời lô nhô
Rũ bớt bụi trần, quên thân múa rối

Hơn mười năm nhà ông bay trên cao
Mặt đất nâu xanh nằm ngoan dưới gót
Nhân loại tí teo xinh đẹp chùng nào
Nhân loại hiền từ như những con sâu

Những đêm đen tàu trôi qua thành phố
Cả đất trời nở triệu ánh sao xinh
Mặc những đấu tranh lọc lửa dưới đó
Nhìn từ cao nhân thế thật thanh bình

Đời khốn kiếp quăng tòm ông xuống đất
Bôi mặt nhà ông giống một tên hề
Tên hề giấu trong kịch đời luân lạc
Kịch như đời: nhạt nhẽo, lê thê.

Trên núi cao ta biết rành một chỗ
Có hòn đá xanh có gốc thông già
Ngồi trên đá ông sẽ thành Trang Tử
Hồn nhẹ tênh theo bướm lượn chiều tà

Hãy tựa gốc thông mà nhìn xuống thế
Tưởng hôm nào ngát ngưỡng chín tầng mây
Còn thương mãi một nhân gian nhỏ bé

Có thể ôm tròn trong đôi cánh tay

Nhà ông khổ hơn người vì đôi cánh
Những tình không bát ngát, những trời xa
Này cánh đại bàng nhớ chân trời thăm
Thôi cuối tuần này lên núi cùng ta.

Tháng 11-77

8. Mai một anh trở về

Mai một anh về có thằng túm hỏi
Mày qua bên Mỹ học được củ gì
Muốn biết tài nhau đưa ông cây chổi
Nói mày hay ông thượng đẳng cu li

Ông rửa bát chì hơn bà nội trợ
Ông quét nhà sạch hơn em bé ngoan
Ngày ngày phóng xe như thằng phải gió
Đêm về nằm vùi nước mắt chứa chan

Nghệ thuật nói bông hóa trò lao động
Thằng nào nói nhiều thằng ấy tay to
Tiếng mẹ thường chỉ dùng chửi đổng
Hay những đêm sâu tí toáy làm thơ

Ông học được Mỹ đất trời bát ngát
Nhưng tình người nhỏ hơn que tăm
Nhiều đứa hồn nhiên giống bầy trẻ nít
Còn hồn ông: già cóc cỡ nghìn năm

Bài học lớn từ khi đến Mỹ
Là ngày đêm thương nước mênh mang
Thù hận bọn làm nước ông nghèo xí
Hận gấp nghìn lần khi chúng đánh ông vắng

Nếu mai một bóng đổi đời phen nữa
Ông anh hùng ông cứu được quê hương
Ông sẽ mở ra nghìn lò cải tạo
Lùa cả nước vào học tập yêu thương

Cuộc chiến cũ sẽ coi là tiền kiếp
Phản động gì cũng chỉ sống trăm năm
Bỏ bịch hết không đứa nào là nguy
Thắng vinh quang mà bại cũng anh hùng

Tháng 3-77

9. Biển chiều

Chiều nay ra biển ngồi ngơ ngẩn
Nhúng hai giò trong nước Thái bình Dương
Để hơi ta giặt về bờ Ô Cấp
Chạm thân ái vào lưng đất mẹ tang thương

Có bạn nào đang rắp tâm vượt thoát
Nhớ rằng ta luôn cầu nguyện cho người
Láng đời chót đã tan trên chiếu bạc
Thì xá gì thêm một chuyến ra khơi

Thở thật dài vào thình không bát ngát
Theo gió về động lá cánh rừng xa
Này thẳng lì còn chơi miền gió cát
Trong kêu dững mảy cho gửi chút hồn ta

Có thằng bạn nào tàn đời học tập
Cống gông xiềng lê lét một thân đau
Này biển chiều sóng xô ào lớp lớp
Những tiếng đời tan nát khóc thương nhau.

Tháng 6-77

10. Chú nào nghe mái tôn mưa

Chú nào đi đường ta bình minh này
Có nhớ chào dân xóm ta dậy sớm
Có nghe thơm mùi bụi mới đầu ngày
Cùng lá hoa tươi mừng nắng lớn.

Chú nào trưa nay ngồi trên đồi ta
Thở gió thông khô quen từ kiếp trước
Đếm nắng hoa sao nở đầy trên hồ
Trưa thật tuyệt vời, đẹp hơn mơ ước

Chú nào ngồi hiên nhà ta chiều nay
Nghe mưa Sài gòn rạt rào thơm mát
Sau một ngày nắng loá chín tầng mây
Những mái tôn mưa cười ran hạnh phúc

Chú có biết yêu thương vài nụ hồng
Đã thấm tươi trên giàn che cổng gỗ
Những giọt trong veo từ cõi vô cùng
Vỗ rộn ràng vui trên từng lá nhỏ

Chú nào đêm nay kê đầu gối đó
Thở hương nồng hạnh phúc đắm không gian
Có biết nói nghìn năm sau vẫn nhớ
Vẫn hai vai êm ấm mãi ơn nàng?

Tháng 12-77

11. Hát một mình

Hát tự nhiên đi mà bạn quý
Giọng bạn khàn hơn chú vịt bầu
Đừng e sẽ méch lòng tri kỷ
Dù nghe bạn hát chỉ thêm đau

Hai thằng đã tính đời coi bỏ
Hẹn vô sa mạc cụng vài ly
Ngồi thiền lặng lẽ như cây cỏ
Quyết lòng tịnh khẩu để nhâm nhi

Phương Nam bão cát lên như khói
Núi trọc xa trông hèn hơn đồi
Chiều mới vừa đây mà đã tối
Thấy chẳng sa mạc rộng hơn trời?

Bạn bỗng kể: “Khi về gặp nàng,
Có lúc du dương nàng bắt hát
Dăm ba câu lãng mạn xì xằng
Thế cũng dựng nên thời rất đẹp...”

Thời đẹp bây giờ là chiêm bao,
Tình nàng bây giờ là kiếp trước
Chiều nay hồn bạn bỗng xông xao
Dăm tiếng ca xưa và muốn hát

Cứ hát, ta nghe mà, bạn quý
Mai đời đi tản lại buồn tênh
Rồi ra cặp được đào thơm Mỹ
Bạn sẽ trăm năm hát một mình.

Tháng 10-77

12. Thư quê hương

Thư quê hương như tên hề óm nặng
Hồn tang thương sau mặt nạ tươi cười
Sơn phấn hân hoan phủ nghìn cay đắng
Mất lệ đầy, miệng hát những lời vui...

Ta biết thư em vượt muôn cửa ải
Mắt Sài Lang soi nát cả linh hồn
Em chẳng được khóc cùng ta bằng chữ
Thì gửi chi dăm khẩu hiệu buồn nôn!

Gửi cho anh vài sợi tóc mẹ già

Rụng âm thầm trên hiên chiều hiu quạnh
(Nuôi một bầy con cuối đời vẫn lạnh)
Cho anh hôn ơn nặng một thời xa...

Anh muốn thờ mùi nhọc nhằn nô lệ
Gửi cho anh manh áo rách con thơ
Con chào đời: ta rừng sâu lính trẻ
Ta non cao, con tập nói u ơ...
Giờ bước đầu đời chân non vấp ngã
Muốn nâng con... nào biết có bao giờ.

Gửi cho anh viên sỏi nhỏ bên đường
Anh sẽ đọc ra trăm nghìn lối cũ
Gửi cho anh vài nhánh cỏ quê hương
Anh sẽ đọc đất trời ta đã thờ...

Và gửi cho anh một tờ giấy trắng
Thấm nước trời quê qua mái dột đêm mưa
Để anh đọc: Mệnh mông đời lạnh vắng
Em tiếc thương hoài ấm áp gối chăn xưa...

Tháng 4-77

13. Chốn tạm dung

Nhà tôi ở toong teng đỉnh đồi
Buổi mai đi làm thấy đời xuống dốc
Sau lưng sương ngập cao lưng trời
Trước mặt thông sầu reo đáy vực

Bắt đầu ngày bằng một chút vui
Hát nghêu ngao trong lòng xe rỗng tuếch
Bài ca quen bỗng chợt quên lời
Chút kỷ niệm còn lại mất khơi khơi

Tiếng Việt trong ta ngày mỗi héo
Hồn Việt trong ta ngày mỗi khô
Dốc mở như đời ta trước mặt
Sương kín như đời ta hôm xưa

Giang hồ một túi bài ca cũ
Hát nhảm cho qua nốt tuổi già
Qua những bình minh còn ngái ngủ
Còn như chưa lặn mắt quê ta

Giữa đỉnh sương mù thông đáy vực
Trên đường chênh chếch nắng mênh mang
Trôi xuôi một mảnh hồn lưu lạc
Đã chán nhân gian ở cuối đường

Chiều về lên dốc thân tôi tả
Một quả hoàng hôn đỏ kín trời
Mình mới ngoi lên ngày đã ngã
Đêm phờ lắn lóc ngủ thay chơi

Giữa đỉnh sương mù thông đầy vực
Ngược xuôi ngơ ngẩn một linh hồn
Còng lưng gánh nốt đời lưu lạc
Nặng trĩu nghìn cân nhớ nước non

Tháng 5-77

14. Gửi Xuân Hiến

Đốt thế giới văn chương hào sáng ấy
Gửi cho ông làm bạn cõi thiên đường
Tôi chỉ giữ bên mình thanh kiếm gầy
Lên núi ngồi vạch đất vẽ quê hương.

Tháng 10-82

15. Gửi Duyên Anh

Gặp lại hôm qua chú học trò
Còn nuôi con sáo bạn ta cho
Ta mừng khoe chú bông Thiên Lý
Rực rỡ huy hoàng như tuổi thơ.

16. Kho tàng

Chàng Cù Lân có cái túi nhỏ
Suốt bốn mùa giấu giếm như điên
Anh em sùng, nghĩ thẳng này chơi khó
Thủ cẳng tí tiền, len lén tiêu riêng

Hết chuyện chơi, một chiều đông lạnh cóng
Đè thẳng em ra cướp túi coi chơi
Gác trọ rung rinh như thuyền biển động
Thằng em kêu như sắp sửa xong đời

Miệng túi mở kho tàng rơi tung tóe
Một lạng vàng trong giấy gói đơn sơ
Một đũa hét: “Vàng này thẳng em bé
Không mại đi, mại tính để đem thờ?”

“Sư chúng mày, vàng đem theo bốn cục
Ông bán ba, bắt gọn mấy trăm đô
Còn cục này tàn đời ông cóc bán

Lúc lên đường bà cụ dúm tay cho”

Một chiếc khăn tay cũ xì, cũ xịt
Màu nâu già thêu mấy chữ xanh xanh
“Giẻ rách gì đây hở thằng chết tiệt?”
“Khăn vợ trao ngày khoác áo nhà binh”

Đáy túi nhỏ thì đầy danh thiếp cũ
Những tên người tên tỉnh đã xa xưa
Những dòng vội ghi hẹn hò gặp gỡ
Những đường quen không trở lại bao giờ

Trả túi thằng em, cả bày bống xệ
Cù Làn xấu hổ chửi như ca
Cái túi nhỏ tưởng đầy lòng ti tiện
Hoá đem theo muôn vạn mảnh quê nhà

Cù lằn dọa đêm nay đâm chết hết
Ôi, ví dầu chú mở được tim anh
Chú cũng thấy một kho tàng thắm thiết
Vớ khăn tay nhàu nát chữ thêu xanh

Vớ danh thiếp những tên đường đã đổi
Những số nhà chớp mắt bống tang thương
Những chốn hẹn nghìn năm không trở lại
Những tên đời tôi tả khắp quê hương

Tháng 10-77

17. Đón tàu

Vách tàu dựng vút lên như núi
Một bãi mênh mông sắt thép trùng trùng
Hải âu lượn vòng, biển xanh phơi phơi
Hồn dậy vu vơ một chút hào hùng

Tay búa tay kim thấy đời chắc nịch
Sắt nâng hàng tấn linh hồn nhẹ tênh
Mặt mũi lấm lem che đời bí mật
Thần trí lang thang cuối bãi đầu ghềnh

Buổi trưa nghỉ nằm chơi trong thùng sắt
Ngửa cổ coi trời thấy đúng một khung vuông
A, khi không ta biến thành con ếch
Đáy giếng sâu mơ mộng rất khiêm nhường

Con ếch không tin đất trời nhỏ bé
Biết ngoài kia còn một cõi bao la
Lẩn thân nghĩ về chuyện đời dâu bể
Hay vợ vẫn chờ chút mây bay qua

Nhớ thơ Trường Anh thừa nào khoái đọc
(Ông Trường Anh có lạc đến phương này?)
“Tiền thân ta phải chăng là con cóc
Thơ nghiêng rặng trời chuyển bốn phương mây.”

Một năm nữa con tàu sẽ xuống nước
Tháng ngày nào mới đi qua Biển Đông?
Biển Đông giờ này bao thuyền hấp hối
Ôi con tàu đến trễ cả nghìn năm

Lòng bắt đầu mơ những điều huyền hoặc
Mơ con tàu cảm được những thương tâm
Nghe được tiếng đàn bà con trẻ khóc
Và xót xa như có một linh hồn

Tháng 11-82

18. Câu cá

Ta đã vượt muôn dặm dài biển cả
Đường tử sinh lui tới cũng đôi lần
Bỗng bình minh này ngồi thuyền, câu cá
Trôi dạt dờ như lá trên hồ xanh

Hỡi chú cá rong chơi miền nước biếc
Ta vượt đường muôn dặm chẳng tìm nhau
Bày đặt buông cần mà quên thương tiếc
Cho đời êm, qua được mấy giờ đau

Nói nghe coi này cổ thụ ven hồ
Kể từ những trăm năm dài đứng đó
Có gặp khi nào một kẻ xác xơ
Lòng sâu hận hơn kiếp người da đỏ

Đời đang bão khi không chìm lặng ngắt
Như cảnh khô nằm chết đáy sông sâu
Đời đang dậy sóng thần lên bát ngát
Bỗng vùi yên đáy biển một thân tàu

Và móc đời lên cần câu vớ vẩn
Đem chìm chơi trong đáy nước rong rêu
Tuổi chưa nặng hồn đã chùng ngư ngẩn
Lòng vàng khô hơn chiếc lá đưa vèo?

(tháng 11, 77)

19. Chú nào nghe mái tôn mưa

Chú nào đi đường ta bình minh này
Có nhớ chào dân xóm ta dậy sớm
Có nghe thơm mùi bụi mới đầu ngày
Cùng lá hoa tươi mừng nắng lớn

Chú nào trưa nay ngồi trên đồi ta
Thở gió thông khô quen từ kiếp trước
Đếm nắng hoa sao nở đầy trên hồ
Trưa thật tuyệt vời, đẹp hơn mơ ước

Chú nào ngồi hiên nhà ta chiều nay
Nghe mưa Sài Gòn rạt rào thơm mát
Sau một ngày nắng lóa chín tầng mây
Những mái tôn mưa cười ran hạnh phúc

Chú có biết yêu thương vài nụ hồng
Đã thắm tươi trên giàn che cổng gỗ
Những giọt trong veo từ cõi vô cùng
Vỗ rộn ràng vui trên từng lá nhỏ

Chú nào đêm nay kê đầu gối đó
Thở hương nồng hạnh phúc đắm không gian
Có biết nói nghìn năm sau vẫn nhớ
Vẫn hai vai êm ấm mãi ơn nàng?

20. Cảm khái

Trong ví ta này chứng chỉ tại ngũ
Mắt nước rồi còn hiệu lực hơi lâu
Chiều lưu lạc chợt thương tờ giấy cũ
Tái tê cười: giờ gia hạn nơi đâu?

Trong ví ta này một thẻ căn cước
Hình chụp ngây ngô rất mực cù lần
Da xám ngoét như bị đời nhúng nước
Má hóp vào như cả tháng không ăn

Mười tám tuổi thành công dân nước Việt
Tên chụp hình làm ta xấu như ma
Thằng khốn nạn làm sao mà nó biết
Ta sẽ thành dân mất nước tan nhà!

Hai mươi tuổi ta đi làm chiến sĩ
Bước giày đinh lạng quạng một đời trai
Vừa đánh giặc vừa lừng khừng triết lý
Nhưng thằng này yêu nước chẳng thua ai...

Hình căn cước anh nào mà chẳng xấu
Tên chụp hình như một lão tiên tri

Triệu mặt ngây ngô bàng hoàng xón xác
Cùng đến một ngày gãy đổ phân ly

Nhìn hình chim in trên tờ chứng chỉ
Chợt nhớ câu thơ: "Gãy cánh Đại Bàng..."
Ngàn lăm liệt tan trong chiều rã ngũ
Muôn anh hùng phút chốc hóa lang thang

Quanh mình xôn xao chuyện thay Quốc tịch
Ngậm ngùi bày dăm giấy cũ coi chơi
Thời cũ ố vàng, rách rời mấy mảnh
Xót xa đau như mình bỗng qua đời.

Hỡi kẻ trong hình mặt xanh, mày xám
Người sắp thành tên mọi Mỹ rồi ư
Hỡi thằng chiến binh một đời dững cảm
Mày lang thang đất lạ đến bao giờ

Ồi trong ví mỗi người dân mất nước
Còn một oan hồn mặt mũi ngu ngơ
Ồi trong trí những anh hùng thuở trước
Còn dậy trời lên những buổi tung cờ

Tháng 6-77

Đến năm 1970, thơ Việt đã có ba bài hành xuất sắc: Bài hành đưa người của Thâm Tâm, Bài hành phương nam của Nguyễn Bính và Bài hành bốn mươi của Thanh Nam. Non mươi năm sau đó thì được thêm một bài nữa.

Cao Tần không gọi thi phẩm ấy của mình là "hành". Nhưng hẳn đa số người yêu thơ chỉ cần đọc qua cũng lập tức cảm thấy ngờ ngợ, rồi nhanh chóng dứt khoát: "nó", chứ còn gì nữa.

Hành là thơ làm để hát.(1) Đây tác giả chẳng những đặt luôn tên bài thơ là hát, mà còn cẩn thận ghi rõ hát ngao. Hát ca vốn vô số lối: lối chèo, lối tuồng, lối quan họ, lối cải lương, lối tân nhạc, lối tân tân nhạc... Vì lẽ gì Cao Tần đi chọn lối ngao?

Cách nay gần năm thế kỷ, trong một trong mấy bài phú nôm đầu tiên của văn học Việt Nam thấy có câu: "... thừa húng nhàn đứng đỉnh, ngồi bên khe, nhịp miệng hát ngao".(2) Kẻ đứng đỉnh nhịp miệng thời xa xưa ấy không phải một trẻ chăn trâu đang hồn nhiên véo von "sướng lắm chứ" đâu, mà là Nguyễn Hăng, ẩn sĩ đời Mạc, đang "ngao" thành lời cái tâm trạng nhiều uẩn khúc của mình.

Xem lại, hình như thứ thơ hành có hay chứa tâm trạng rắc rối.

Giữa Bài hành bốn mươi với Bài hành trên tuyết tuy chỉ có không tới mươi năm, nhưng là mười năm đầy dâu bể. Nên mới có tráng sĩ Việt "khoác áo lông xù" bước trên mặt sông đã đông thành đá. Người "nghe ngang" trên băng giống người "đón tuổi" ở chỗ cùng đã qua sông. Khác, vì người kia qua rồi yên phận, còn người này qua xong tuy có "khi bi ai: thân cỏ mọn bên đường", có lúc bước "những bước ngậm ngùi đi chẳng về đâu", nhưng rồi lại có "khi bốc lên: núi lưng trời cũng thấp".

Cái phận chưa chịu yên, đôi khi nó còn "hừ" thành tiếng trong thơ!

(Thu Tứ)

(1) Theo Đại từ điển tiếng Việt của Nguyễn Như Ý, nxb. VH-TT, VN, 1999.

(2) Xem Việt Nam văn học sử giản ước tân biên của Phạm Thế Ngũ.

21. Hát ngao trên tuyết

Khoác áo lông xù giả làm trắng sĩ
Lên dòng sông đá bước nghênh ngang
Cây gậy trúc trông sắc mùi vũ khí
Múa tưng bừng vào thính không giá băng

Khoái thay đời ta một đời quái đản
Hai mươi năm xưa làm thằng nhỏ di cư
Hai mươi năm sau thành nhà thơ đi tản
Một đời quê hương khét mùi súng đạn
Một đời xót xa bằng hữu lao tù

Khoái thay chân ta những chân phiêu bạt
Đi dọc quê hương, đi vòng địa cầu
Đi thênh thang thỏ đòi cao gió mát
Đi ngắt ngây thương lúa vàng, hương cau
Đi hội trùng phùng, đi chia tan tác
Đi tràn hạnh phúc, đi ngập thương đau
Đi sỏi đá mềm, bếp hồng trước mặt
Đi bùng bão biển, quê hương phía sau
Những bước thú hoang lạc rừng đất lạ
Những bước ngậm ngùi đi chẳng về đâu

Sông không đầu đuôi sông màu đá cục
Dưới trên lẫn lộn, trời đất mang mang
Ta ngựa cỏ làm thằng khùng Bắc Cực
Một mình cười cùng thính không giá băng

Khoái thay hồn ta một hồn dị thường
Khi bốc lên: núi lừng trời cũng thấp
Khi bi ai: thân cỏ mọn bên đường

Sông dài! Sông dài! Ta đi chẳng hết
Thân trượng phu, hừ, mục trong áo cơm?
Núi cao! Núi cao! Ta về không đến
Chí trượng phu, hừ, chôn trong giá băng?

Tháng 2-78

